



t u ở n g n i ệ t m

BÍCH - KHÊ



TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỚNG NGHỆ-THUẬT

NĂM THỨ BA • SỐ 64 • RA NGÀY 15 THÁNG VIII NĂM 1966

đọc trong số này :

● TƯỢNG-NIÊM BÍCH-KHÊ :

3. đôi nét về cuộc đời bích-khê	quách - tấn
13. bàn về thơ tượng trưng	tam-ích
22. người em : bích-khê	ngọc-sương
42. thu-xà và phần mộ bích-khê	đình-cường
46. bích-khê có khuynh hướng chính-trị ?	tam-ích
52. bích-khê, thi sĩ thần linh	† hàn - mặc - tử
64. đề bạt « tinh-huyết »	hoàng trọng-miên
66. nhạc và họa trong thơ bích-khê	đình-cường

● THƠ BÍCH-KHÊ :

2. nấm mộ . đề bia trước mộ — 74. cuối thu — 75. hàn-mặc-tử — 77. nghe nhà lán giếng gáy đờn — 78. xuân tượng trưng — 79. tiếng đàn mưa — 80. tỳ bà — 82. với cả tình hấp dẫn vị băng trình — 83. duy tân — 85. lòng em

● TRUYỆN THƠ SÁNG TÁC :

86. buồn ơi bắt tay (truyện)	f. sagan — lê huy - oanh
96. sa đọa (truyện kè)	a. camus — trần thiện-đạo
103. những con dã tràng (truyện ngắn)	sơ dạ-hương
113. giải đáp thắc mắc bạn đọc	lê ngọc - trụ
119. đọc sách mới : « tượng đá sườn non »	nguyễn mạnh-côn
118. chém treo ngành (thơ vui)	xuân-hiến



Tòa-soạn và Trị-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, Đ.T. : 23.595

Bán - nguyệt - san Văn - chương Tư - tưởng Nghệ - thuật

● Chi-phiếu, bưu-phiếu đề tên ông Nguyễn-đình Vượng (chủ-nhiệm)

★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm đề tên ó. Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)



thân gửi bạn đọc,

Mặc dầu mệnh yếu, từ trần khi sự nghiệp còn dang dở, thi sĩ BÍCH-KHÊ đã là một nhà thơ lỗi lạc, có một vị trí rõ rệt trong lịch sử thi ca Việt-nam.

Tiếc là thơ ông chỉ được phổ biến từ trước chiến tranh 1946, nên những bạn trẻ yêu thơ bây giờ không được đọc hoặc chỉ được đọc một đôi bài trích đăng đây đó. Trong khi chờ đợi gia đình cố thi sĩ Bích-Khê cho in hai tập thơ TINH-HUYẾT và TINH-HOÀ, chúng tôi trân trọng giới thiệu chân dung của nhà thơ thiên tài mệnh yếu. Tiện đây, xin mạn phép bạn đọc, được gửi một lời cảm ơn chân thành tới quý vị thân hữu, — và nhất là bà Ngọc-Sương, người chị của cố thi sĩ Bích-Khê, — đã giúp đỡ chúng tôi nhiều trong việc biên soạn sổ VĂN này.

Trong sổ tới, xin mời bạn đọc mấy đoạn thiên chọn lọc của nhà văn trẻ Hoa-kỳ JOHN UPDIKE, tác giả có sách bán chạy nhất từ mấy năm nay, mà danh tiếng đã vượt được biên giới quốc gia vang dậy lấy lòng trên văn đàn quốc tế.

Hạ tuần tháng 8/66, trong loại sách phổ thông, chúng tôi sẽ trình bày cuốn PHẤN ĐẤU, truyện dài của DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU. Vì giấy in khan hiếm, chúng tôi sẽ không tặng số ấn bản; mong quý bạn đặt mua trước nơi các nhà sách quen thuộc, để sự phân phối được điều hòa và quý bạn sẽ mua được sách dễ dàng hơn.



thơ bích - Khê

NĂM MỘ

Mấy tuyết thời gian bay tợ nhạc
Hồn tôi đã thoát để tiêu dao
Những tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao

Rồi một mùa thu vô hạn thương
Trở về dưới biếc chập chờn hương
Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ
Muốn thoi tiêu vàng giữa khói sương

Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh
Về chốn thôn già viếng mã tôi
Đầy cỏ xanh xao mây lớp phủ
Trên mồ con quạ đứng im hơi.

ĐỂ BIA TRƯỚC MỘ

Thân bệnh : ngô vàng mưa lá rụng
Bút thần : sông lạnh ánh sao rơi
Sau nghìn thu nữa trên trần thế
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi.

QUÁCH - TẤN

đôi nét về cuộc đời *b í c h - k h ê*

Cách đây chừng bốn mươi năm, tại Thu-xà thuộc tỉnh Quảng-nghĩa (Trung-nguyên Trung-phần), có một cậu bé ngày ngày hì hục lê những tảng đá ong, tập trung những viên ngói bề gạch bề vào trong sân, rồi cặm cùi xây cất nhà cửa lâu dài. Cậu bé thui thui làm việc một mình, làm việc rất chăm chỉ, rất tỉ mỉ. Cậu xây nhà chính rồi xây nhà phụ, và sau lưng nhà bếp cậu vẫn không quên xây một chuồng heo tí hon.

Nhìn vào lối chơi, ai cũng đoán rằng cậu bé sẽ trở nên một tay thầu khoán hoặc một nhà kiến trúc sư.

Nhưng mọi người đều lầm. Không phải cậu bé tập xây dựng nhà cửa để ở, mà chính cậu ấy tập xây dựng lâu đài văn chương, và lớn lên đã trở thành một nhà thơ mà Hàn-Mặc-Tử không tiếc lời ca tụng (1).

Cậu bé ấy đã theo Hàn-Mặc-Tử về nơi Bất-diệt ngót mười lăm năm nay và hiện còn để lại cho chúng ta hai tập thơ : Một tập đã xuất bản rồi và được Hàn-Mặc-Tử gọi là

(1) Xem tựa *Tinh-Huyết*.

« Một bông lả nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc », và một tập nữa chưa xuất bản mà hương sắc có phần hơn tập kia.

Trước khi thưởng thức hai đóa hoa lả ấy, chắc các bạn muốn biết rõ cuộc đời của kẻ trồng hoa ?



Kẻ trồng hoa ấy — cậu bé tập xây dựng lâu đài văn chương trước kia — là :

BÍCH KHÊ

Tên Lê-Quang-Lương,

Sanh ngày 21 tháng 2 năm Bính-Thìn, tức 24 tháng 3 năm 1916, tại xã Phước-lộc, quận Sơn-tĩnh, tỉnh Quảng-nghĩa, nhập tịch và trú ngụ tại Thu-xà.

Ông thân sinh tên Lê-Mai-Khê, một bậc túc nho tỉnh Quảng-nghĩa, đã qua đời lúc Khê còn vị thành niên.

Bà thân tên Phạm-Thị-Đoan, con nhà danh tộc đất Nam-Trung, đã gần 80 tuổi, sức khỏe còn tốt, hiện ở Thu-xà.

Bích-Khê có tất cả bốn người chị và ba người anh. Khê là con út.

Từ lúc nhỏ Bích-Khê đã tỏ ra người thông minh và cường ký. Khi mới vỡ lòng, cùng người chị thứ tám học tại trường cơ bản Thu-xà. Năm 13 tuổi ra học lớp Nhất trường Pháp-Việt Đồng-hới và năm 1929 đậu đầu khoa thi bằng Tiểu-học P.V. Sau đó Khê ra học trường Pellerin Huế. Năm 1932, học xong chương trình trung học, Khê ra Hà-nội học ban tú tài triết học nơi một trường tư.

Ra Hà-nội, Khê kết bạn cùng một người đồng châu và cùng học một lớp, lên là Đ... Đ... mồ côi sớm, nhờ ông cha nuôi cho ăn học. Nhưng lúc bấy giờ ông cha nuôi đã hết khả năng. Nghĩ đến cuộc đời sắp phải dở dang của bạn, Khê quyết định thôi học ở Hà-nội, cùng người bạn trở về nhà,

dùng số tiền gia đình cấp hằng tháng để hai người cùng ăn học với nhau.

Nghĩ hè, về nhà Khê xin bà cụ cho phép thực hiện ý muốn. Biết tánh khí của Khê hễ muốn gì thì quyết làm cho kỳ được, bà cụ phải chịu ý con. Khê bèn cùng người bạn đưa nhau vào Phan-thiết sống với người anh ruột làm việc tại đó. Người chị thứ tám, vâng lệnh bà cụ, theo vào Phan-thiết cùng Khê.



Ở Phan-thiết được ông anh đỡ đầu, Bích-Khê cùng người bạn ăn học được yên vui. Nhưng Khê vẫn chưa vừa ý. Chàng muốn sống một cách tự do và đầy đủ hơn, mới nảy ra ý kiến mở trường tư và đem bàn cùng chị. Người chị tán thành và lo vận động tài chánh. Nhờ sức ủng hộ của các ông anh, các bà chị của Khê, mà chỉ mấy tháng sau trường mở.

Trường mở năm 1934 và lấy tên là Hồng-Đức.

Bích-Khê cùng người chị và người bạn dọn nhà ở riêng. Kinh tế tự túc. Để việc chi phí được thêm rới rộng, người chị phải mở thêm một cửa hàng nhỏ để bán sách vở giấy bút cho học sinh.

Trường sống gần hai năm, với lòng tin nhiệm của phụ huynh học sinh, và tinh thần đoàn kết của giáo viên. Bích-Khê và người bạn vừa dạy vừa học, vui vẻ và hăng hái. Thình lình người chị bị sở Mật-thám tình nghi về chánh trị bắt giải về Quảng-nghia giam. Bích-khê phần thương lo cho chị, phần buồn vì nổi trường thiếu một tay đảm đương, sanh ra chán nản, bỏ vãi việc trường cho người bạn trông coi. Thừa cơ, người bạn xoay lẫn lẫn trường trở thành một tư thực hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của mình!

Việc ấy xảy vào năm 1936.

Trước hành động bội bạc của người bạn chí thân, Bích-Khê đau đớn ê chề. Chàng bèn bỏ Phan-thiết, xuống ở chơi

nơi chùa Ông Rau trên núi Tà-cú ở Mũi Né (Cách Phan-thiết chừng 20 km) Trong nơi trời nước mênh mông, núi cao gió trong, lại thêm mùi hương tiếng kệ, lòng Khê cũng khuây dần chuyện thế thái vôi than.

Ở Mũi Né được bốn tháng, Khê trở về Thu-xà. Bà cụ hết sức ngạc nhiên, gạn hỏi duyên do, nhưng Khê nhất định giấu sự thật.

Lúc bấy giờ người chị đã được sở Mật-thám thả về. Khê bắt chị dọn cho mình một căn phòng nơi chái nhà trên, đặt vào đó một chiếc giường nhỏ, một bàn viết và hai ghế ngồi. Rồi một mình vào ở đó để đọc sách và viết văn. Ngày hai bữa xuống nhà dưới ăn cơm, ngoài ra không đi đâu một bước. Cửa phòng luôn luôn đóng kín. Trong phòng luôn luôn yên lặng, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng khe khẽ ngâm thơ.

Được một thời gian, Bích-Khê nghe mệt ngực, ra Huế soi điện. Kết quả: phổi yếu. Khê phải nằm nhà thương điều trị hơn một năm mới trở về.

Đó vào khoảng hạ-bán-niên 1937.

Về nhà được ít lâu, Khê đòi lên núi ở. Gia đình bèn che cho Khê một túp nhà tranh trên núi Thiên-Ấn, đem giường chống sách vở quần áo lên, và cấp cho Khê một người cần vụ.

Thiên-Ấn là một thắng cảnh của Quảng-nghĩa. Núi trông vuông vức như hình quả ấn úp sấp. Dưới chân sông Trà-khúc chảy quanh co, phía đông là cảnh Cồ-lũy, phía Nam là hòn Thiên-bút... đều là những danh thắng nên thơ.

Khê rất vừa ý và thường bảo cùng chị và bạn :

— Đây là nơi Cực-lạc của tôi. Không còn đâu hơn nữa. Tôi sẽ sống mãi nơi đây.

Nhiệm không bao lâu, Khê viện cớ rằng gió núi không

hợp với sức khỏe mình, đòi xuống biển ở. Bà cụ vốn thương chịu con, bèn cho làm một lều tranh nơi bãi biển, rồi khênh khay khiêng đồ đạc xuống cho Khê. Trước cảnh gió biển, trắng trong biển mát, Bích-Khê lại thích chí bảo cùng chị:

— Không còn nơi nào hơn nơi này.

Người chị cười:

— Nhưng nơi này rồi cũng như nơi trước kia, sẽ bị người ta bỏ rơi nữa.

Thật quả vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Khê bỏ biển trở về nhà! Rồi một hôm xin mẹ vào ở trong chùa Phật trong hạt để tiện việc tịnh dưỡng và học hành. Bà mẹ cũng phải chịu ý. Ở chùa Khê ăn chay và học Phật. Không bao lâu cho rằng chuông mõ làm át tiếng thơ, và giới luật làm cho tâm hồn hết phóng túng không có lợi cho văn chương, Khê trở về nhà và ước được sống thong dong trên mặt nước.

Để làm vui lòng con, bà cụ thuê cho Khê một chiếc sông lớn có đủ tiện nghi.

Sông thả lênh đênh trên mặt nước, khi thì trôi xuống ngã Cồ-lũy Sa-kỳ, khi thì trôi về ngã sông Trà-khúc. Dưới sông thường chỉ một mình Khê và người chống đò. Thỉnh thoảng người chị và bạn bè thay phiên nhau đến chơi như lúc ở núi ở biển.

Khê rất lấy làm thích thú, thường ngâm bài « Vịnh hoa Thủy-tiên » của Phan-Sào-Nam và tự cho mình là Thủy trung tiên.

Nhưng chưa bao lâu, Khê chán cảnh thủy - trung - tiên và dọn trở về sống cùng gia đình « cho được ấm cúng ». Và rồi « thú hồ hải lại quyến mời du-tử », Khê bèn rủ chị đi tìm nguồn sống mới. Hai chị em bàn nhau cách sinh sống rồi cùng nhau vào Phan-thiết mở trường tư.

Nhờ sức ủng hộ của người bạn thân của Bích - Khê là Lạc-Nhân mà trường được mở sau một thời gian sắp đặt ngắn.

Trường mở vào đầu niên khóa 1938-1939 và lấy tên là Quảng-Thuận do Lạc-Nhân làm giám đốc. Các giáo viên đều là thân bằng hữu biết nhau, và phần đông đều là người có tâm huyết lấy việc « khai dân trí » làm tôn chỉ, nên học sinh mỗi ngày một thêm đông. Đề thỏa mãn sự đòi hỏi của một số học sinh lớn tuổi, trường phải mở thêm một lớp dạy ban đêm.

Nhưng trường được nhân dân địa phương tín nhiệm bao nhiêu, thì bị bọn thực dân Pháp và quan cai trị Việt-nam đề ý và phá rối bấy nhiêu. Do đó mà trường bị đóng cửa hai lần. Nhưng nhờ lúc ấy Lạc-Nhân có chân dân biểu, tự bênh vực nơi nghị trường, nên trường hai lần bị đóng cửa, hai lần được mở lại. Tuy thế việc quấy rầy của cường quyền gây ảnh hưởng xấu cho trường không phải ít. Lại thêm ông chủ trường Hồng - Đức, người bạn quý hóa của Khê ngày trước, thừa cơ nước đục, tìm cách quyến rũ một số giáo viên non gan dạ về dạy trường mình. Bích - Khê sanh lòng chán nản. Cho nên gần cuối năm 1939, trường bị đóng cửa lần thứ ba, Khê không cho Lạc-Nhân vận động mở cửa trở lại.

Trường Quảng - Thuận đóng cửa, Khê cùng chị trở về Thu-xà.

Năm 1941, sau khi người chị thứ tám đi lấy chồng, Khê buồn ra Huế dạy quốc văn cho trường Phú - xuân. Được 7 tháng bị đau ngực, bèn từ chức trở về Thu-xà.

Đến năm 1942, bệnh phổi tái phát, Khê phải ra điều dưỡng tại bệnh viện Pasquier Huế. Nằm được 8 tháng, bệnh vừa bớt, Khê xin về nhà điều trị.



Về nhà thuốc thang không ngớt, nhưng bệnh Khê đã không giảm mà cứ tăng. Biết rằng mình mắc chứng nan y,

nhưng Khê vẫn nuôi hy vọng có ngày khỏi được, nên ai bày vẽ gì, dù vật khó tìm đến đâu người nhà cũng phải gắng tìm cho kỳ được, món khó ăn khó uống đến đâu Khê cũng cố sức mà nuốt cho trôi. Khê đã từng nuốt thần lã sống, ăn cao chó mới sanh, ăn nhau xào với nghệ... Khê lại còn chịu khó theo phương pháp « yên tĩnh tuyệt đối » (repos absolu), ăn uống cũng nằm, tắm rửa cũng nằm, cho đến đi chơi cũng nằm trên giường để người nhà khiêng đi lái rai.

Chạy chữa đủ phương, mà tất cả đều vô hiệu. Sức Khê mỗi ngày mỗi thêm yếu, vóc Khê mỗi ngày mỗi thòn mỏng dần. Con ho luôn luôn dần vật và trong lồng ngực dường như thiếu không khí. Nỗi buồn « nghe đất lạnh » thật thấm tận đáy hồn Khê ! Khê thường lặng thinh nhìn cảnh vật chung quanh nhà, nhìn người thân yêu, nhìn bóng dáng bạn phương trời và nhìn sự nghiệp văn chương chưa hoàn bị... Lắm lúc động lòng thương xót, sùi sụt khóc một mình !

Bỗng một đêm tiếng vang dội khắp :

— Nhật đã bó tay đầu hàng !

Khê bồn chồn không hiểu nguyên nhân. Sáng ngày mới hay rằng cuộc khởi nghĩa của toàn dân Việt - nam được thắng lợi.

Đó là cuộc khởi nghĩa mùa thu năm 1945.

Khê vui mừng quá sức, liền ngồi nhồm dậy, miệng luôn luôn nói cười. Nét mặt của Khê lúc bấy giờ tươi tỉnh khác thường. Khê hỏi người nhà đi nghe ngóng tin tức và khi đoàn biểu tình mừng thắng lợi đi ngang qua nhà, Khê nằm trên ghế bố, bắt người nhà khiêng ra ngoài ngõ đón mừng. Từ đáy lòng vui sướng luôn luôn hiện trên nét mặt.

Người chị thứ tám tuy đã có chồng, nhưng thường về nhà săn sóc Khê. Một hôm Khê nói cùng chị :

— Em chắc chết trong mùa xuân sắp đến.

Khê nói thế là vì :

Kỳ năm nhà thương Huế lần thứ nhất (1937), Khê mộng

thấy một bà tiên hiện giữa không trung, giơ tay rải bông vải bay trắng xóa. Bông bay chập chờn rồi từ từ rơi xuống mặt đất, hợp lại thành một bài thơ bốn câu báo cho Khê biết rằng chàng sẽ chết vào mùa xuân.

Từ ấy bài thơ ám ảnh Khê, nhất là từ khi chứng bệnh tái phát. Mỗi năm xuân đến, Khê nói cùng chị :

— Em chắc chết trong xuân này.

Nhưng những mùa xuân qua êm ấm. Lăn lăn Khê bớt tin điềm mộng chết về xuân. Rồi ngót mấy năm Khê không nhắc đến nữa.

Sau ngày khởi nghĩa mùa thu, lúc Khê đang vui sống, điềm mộng chết về mùa xuân lại trở lại trong tâm trí Khê.

Tuy thế Khê vẫn không lo buồn và vẫn cứ uống thuốc cùng tầm bồ.

Một hôm, đang ăn cơm, bỗng nghe tin Tạ-Thu-Thâu bị giết. Khê sững sốt, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Đoạn bỏ đĩa đứng dậy vào phòng, nói cùng chị một cách hần học :

— Sao người ta lại không đề người tài đức mà dùng ? Một nhân tài có đạo đức như Tạ-Thu-Thâu, mà người ta nỡ đang tay !!

Nói rồi nằm úp mặt vào gối, và buồn bã luôn mấy tuần.

Sau một thời gian thương xót, Khê vui vẻ trở lại, nói chuyện nhiều, viết lách cũng nhiều. Buổi mai buổi chiều Khê lại thường tụng kinh Di-Đà và thường mời bà cụ lên ngồi bên giường nói chuyện để nhắc nhở ơn sanh dưỡng.

Đến tháng Chạp âm lịch (tức tháng 1 năm 1946), Khê cho gia đình biết rằng mình sẽ chết trong tháng song chưa biết rõ ngày giờ. Đoạn gọi người chị thứ sáu lên ghi lời di chúc. Khê di chúc 6 điều mà điều thứ nhất là khi Khê chết không ai được khóc, và điều chót là văn nghiệp của Khê giao cho vợ chồng người chị thứ tám trông coi. Người chị ghi xong, chép kỹ lại rồi cho Khê xem. Khê trao tờ chúc thư cho bà cụ và căn dặn phải theo cho đúng.

Ngày qua chậm chậm. Những cơn ho xé lòng người thân yêu, nhưng nét mặt Khê vẫn thản nhiên, đôi mắt Khê vẫn tươi sáng. Rồi một hôm, cơn tối xong, Khê gọi mẹ vào, âu yếm kéo tay ngồi bên cạnh, thưa :

— Sau ba ngày nữa con sẽ không còn ở với mẹ. Đúng ngày rằm tháng chạp này thì con chết. Trước đây, năm nhà thương Huế con có làm quen cùng ông sư chùa Phú-thọ, lúc ấy cũng đau phồi như con. Ông ấy hiện đã trở về chùa. Mẹ cho người xuống rước ông lên tụng cho con ba ngày kinh.

Ông sư đến tụng kinh bên giường bệnh. Tụng xong một quyển kinh thì hai người trò chuyện với nhau vui vẻ, tương đắc.

Đến chiều rằm, Khê bảo nấu nước lá thơm tắm gội và thay quần áo mới. Tối đến bảo bà cụ :

— Con còn ở với mẹ nửa đêm nay nữa. Ngày trăm tuổi già của mẹ, con sẽ về rước mẹ đi.

Đêm ấy cả nhà không ai ngủ. Bích - Khê trông rất tỉnh táo, nằm lim dim đôi mắt nghe kinh, chốc chốc mở mắt nhìn đồng hồ với một nụ cười hiền lành và tin tưởng. Đến 11 giờ khuya một cơn ho nổi dậy xé ruột người chung quanh. Cơn ho ngót, Khê dăm dăm nhìn đồng hồ. Đến 11 giờ rưỡi, Khê có vẻ ngạc nhiên, « Ừa, ủa » lên mấy tiếng. Khê ngạc nhiên có lẽ thấy đã nửa đêm rồi mà sao mình chưa chết... Chợt người nuôi ở trong buồng Khê chạy ra, có vẻ sợ hãi, nói :

— Một vầng sáng xanh từ nơi giường cậu Chín bay lên mái nhà trông ghê quá !

Người nhà lật đật vào xem thì không thấy gì cả. Khê vẫn bình tĩnh. Bà cụ lo sợ hỏi thăm, Khê đáp :

— Trong mình con thấy khỏe lắm, con cần ngủ một tí. Mẹ hãy đi nghỉ đi.

Nhìn vẻ mặt nghe lời nói, bà cụ yên tâm. Nhưng bà nằm chưa ấm chiếu thì người nuôi liền gọi cho biết rằng Khê đã tắt thở.

Lúc ấy gần 12 giờ khuya, ngày Rằm tháng Chạp năm Ất-Dậu, tức 17 tháng 1 năm 1946.

Tiếng kinh đọc lớn và tiếng nước nổ dồn ép vào lồng ngực, vì phải theo đúng lời di chúc của Khê. Nhưng khi đã đầy nắp quan tài thì tiếng than khóc không còn ngăn cản được nữa !



Bích-Khê qua đời nhằm lúc quốc gia hữu sự, năm mỗ tạm gởi nơi đất Hội-quán Thu-xà. Kế đó khói lửa bùng cháy, bạn bè không thể lui tới được, ngoài Chế-Lan-Viên đến thăm một bận, ngót mười lăm năm nay :

*Đầy cỏ xanh xao, mây lớp phủ,
Trên mộ con quạ đứng im hơi.*

(Năm mỗ B.K.)

Nhưng cảnh thái bình đã trở lại. Rồi đây gia đình và thân hữu còn sống sót của Khê sẽ dời mộ phần của Khê đến nơi thích hợp, có núi có sông, và thay thế «con quạ đứng im hơi» bằng một tấm bia khắc bốn câu thơ của Khê đề lại :

*Thân bệnh : ngô vàng mưa lá rụng.
Bút thần : sông lạnh bóng sao rơi.
Sau nghìn thu nữa trên trần thế,
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi.*

(Đề bia trước mộ).

QUÁCH-TẤN

(2/1960)

VĂN số 65

ĐỌC TRUYỆN JOHN UPDIKE

TAM - ÍCH

NHÂN NHỚ BÍCH-KHÊ VÀ ĐỌC THƠ BÍCH-KHÊ bàn về thơ tượng - trưng

Kính mến tặng Cụ bà Lê-Mai-Khê, thân mẫu Bích-Khê; và mến tặng bạn Lạc-nhân Nguyễn-quí - Hương, anh rể Bích - Khê...

Hồi tiền chiến, có hai người viết về Bích-Khê như sau này
«... mà thơ Bích-Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc...» Hai người ấy là Hoài-Thanh và Hoài-Chân viết trong cuốn *Thi-nhân Việt-nam*. Hồi đó, chiếu thi nhân nhiều người ngồi : có đến mấy chục người — kể cả những người làm thơ ngồi vào đó cho đông mà thôi ! Trong cuốn sách ấy, mỗi người làm thơ chiếm mấy trang phê bình của Hoài-Thanh và Hoài-Chân. Riêng có Bích-Khê có mấy dòng...

Có ai ngờ vài ba dòng ấy lại là vài ba dòng rất đúng — đúng vì thơ Bích-Khê đọc một lần chưa phải là đọc. Hoài-Thanh và Hoài-Chân có ngờ đâu đó gần là lời « thú tội » đối với người hiện đã là người thiên cồ cũng như đối với văn-thi-giới hai ba chục năm sau đọc lại Bích-Khê và hiểu Bích-Khê... Nhất là hiểu thơ Bích-Khê và cảm thông với Bích-Khê. Tôi nói cảm thông, vì người ta cảm thông với thơ, với tranh... Người ta cảm thông với nghệ phẩm, cùng

với nghệ phẩm làm một rồi yên lặng trong phi-thời-gian và phi-không-gian : cái đẹp không trần trườg trong từng bừng cũng như không lỏa lồ trong những cõi thiếu thông minh, thiếu tế vi... Chẳng hạn là thế ! Người đề tựa thơ của chàng là Hàn-Mặc-Tử và người đề bạt thơ của chàng là Hoàng-Trọng-Miên : hai người này ngày đó say mê thơ Bích-Khê thật đã không lầm.

Chỉ tiếc rằng thơ Bích-Khê sắp ra đời thì chiến tranh lớn lần thứ hai sắp xảy : khí hậu nhân sinh bắt đầu thiếu thẳng bằng. Lẽ tự nhiên, người ta quên thi nhân và quên thơ. Có chiến tranh là có quên : văn nghệ thiệt thòi nhiều nhất...



Tôi thường nói Xuân-Diệu và Huy-Cận tiền chiến là thi nhân *tượng trưng*, thuộc thi phái *tượng trưng*. Kể cũng hơi ép : vì đây là hai người đi vay mượn của những người làm thơ ở xa xôi lắm : Mallarmé, Verlaine... là những thi nhân của những chân trời mù mù mịt mịt đối với nước non này... Đã là kẻ vay mượn thì dù có tài, người làm thơ chỉ có quyền hãnh diện một cách tương đối...

Có mấy người không hề vay mượn mà vẫn là những thi nhân có vị trí riêng biệt trong thi giới : vị trí của những người làm khuôn thước cho mai sau : Vũ-Hoàng-Chương, Đinh-Hùng..., những người « dệt gấm Á-đông » cho thanh niên trí thức tiền bán thế kỷ (và cả bây giờ) ; và những thi nhân làm thơ như chạm trổ đồ trang sức của những đời vương giả đã khuất trên sử xanh : Quách-Tấn, Đông-Hồ...

Chúng ta thêm vào đó hai người có kích thước : Hàn-Mặc-Tử, Bích-Khê hai người làm thơ *tượng trưng* và gần như không vay mượn của chân trời mới âu-tây một màu âm thanh nào. Đất á-đông vốn là đất phong phú về *nhạc tính* : nhạc tính là vốn liếng á-đông có từ ngàn năm từ muôn thuở : người làm thơ chỉ cần nuôi dưỡng tình ý và nuôi dưỡng *tài* làm thơ : *nhạc tính* từ đó vang lên, vang lên...

Ngôn ngữ á đông vốn là ngôn ngữ đơn âm và chứa rất nhiều *thanh*... *Tượng trưng* bắt đầu từ đó...

Thơ tượng trưng ?

Người ngàn năm sau thường bội bạc với người đời trước và phủ nhận chất trí thức của kẻ đã có mặt trong sử xanh ; đôi khi họ cứ tưởng cái họ tìm ra là cái mới nhất. Họ có biết đâu rằng cách đây bảy tám trăm năm, Dante đã nói về *nhạc tính* trong thơ : một bài thơ chỉ là một giai âm (Un poème est une composition de mots disposés d'une manière musicale). Ly khai với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc trơ trẽn, thiếu *duyên*. Mô phật ! Văn học Việt-nam nếu rất phong phú thì có lẽ chúng ta đã chẳng cần mượn cái bà Huyện Thanh-quan để hãnh diện mà cũng chẳng phải mời chàng Lê-thánh-Tôn lên làm " nguyên súy " của cả một hội Tao-đàn : cái ông này chễm chệ lên ngôi đó rồi ngày sau con cháu vẫn rộng lượng như rộng lượng với bất kỳ một người đã chết nào...

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông rợ mấy nhà

thật quả tình chưa làm rung động được bất kỳ một hồn thơ nào ! Một Bích-Khê mới gần hai mươi tuổi làm thơ đường-luật vịnh Đèo Hải-vân cho Phạm-Quỳnh và Huỳnh-Thúc-Kháng đăng cách đây hàng gần nửa thế kỷ, còn làm lòng người băng khuâng và thê thê buồn đìu hiu hơn nhiều...



Bỗng nhiên, đời nhà Đường bên Tàu xưa, có một ông Trầm-Dự đem cái mớ *bằng trắc* ra ngăn mọi hướng của lòng người, của tình người... rồi gọi nó là *âm luật*. Ở đời, thật không có ai đại đột hơn là người lấy khuôn thước để đo tình người, lòng người, ý người ! Trong *thơ* có cả một vạn nẻo và một ngàn lẻ một... lối và hướng. Cái ông Trầm-Dự ấy có ngờ đâu những bài thơ hay nhất lại là, ngoài một số thơ đường luật, những bài *cổ-phong* và bài *từ*. Và có ai ngờ *thơ tự do* ngày nay lại cũng chỉ là một loại... *từ*. Tôi có một ông bạn ở lâu năm bên Pháp mới về, và vốn lại là người yêu thơ, mơ thơ, hay hỏi tôi về thơ và... thơ. Tôi nghịch ngợm chép bài *Tống biệt* và đưa cho xem, nói dối rằng đó là của Đông-Hồ và Thanh-Tâm-Tuyền cùng chung làm... Đọc xong, anh cho rằng

không ngờ thơ tự do mà lại có bài hay đến vậy. Tuyệt tác ! Tuyệt tác ! Đến lúc tôi nói rằng tác giả bài ấy là Tản-Đà và bài ấy đã có từ một thuở xa xôi lắm và là một bài *từ* ngắn, ông bạn tôi mới ngã cả cái con người ra, rồi ông dậm ra thần thờ và không hiểu giữa *từ* và *thơ tự do*, biên giới ở đâu ? Kề ra tôi có một ông bạn thơ cũng hơi quá đáng ! Nhưng biết làm sao !

Sự thực, chỉ có vấn đề *hay* và *dở* ! Và *nhạc tính* trong thơ.



Nhưng Bích-Khê không phải chỉ là người làm thơ đường luật, thơ cổ phong và *từ* một cách rất *tượng trưng*. Một hôm, chàng ly khai với thơ cũ và trưởng thành trong những *nhịp* thơ mới : *nhịp* của những Hàn-Mặc-Tử, Xuân-Diêu, Huy-Cận... Người của thời mới có *nhịp* mới. Bích-Khê, thi nhân tượng trưng của thơ Đường, trở nên thi nhân tượng trưng của *thơ mới*. *Thời* làm sao, *người* làm sao, *nhịp* làm vậy : câu thơ chỉ là phản ảnh của cá tánh nhìn qua một thứ quang tuyến... Mariane Moore, một nữ thi bá của Mỹ, nói đúng lắm : « Le rythme est la personne, la phrase n'est que la radiographie de la personnalité ». Cùng với những thi nhân tiền chiến, chàng *sáng tạo lại* (récréation) âm thanh của chàng trong một số thi tiết mới. Tôi chưa hiểu mấy câu thơ sau đây là thơ mới, hay thơ tự do, hay thơ *siêu tự do* :

Mâm vàng dây, đĩa ngọc dây
 Tiệc hoa sang
 Rượu chung đầy
 Trông ra mây nước muôn trùng biếc
 Nước ải non tình bóng nguyệt rây
 Tiếp ly cạn, cạn ly đầy
 Năm con một vợ ngồi vòng xoay
 Nhạc chim thanh tước rót về đây
 Đờ càn vàng lá lục
 Nàng chén tình ròn
 Ca một khúc
 Tiệc hoa hề chén ngọc hề

Giang hồ vút cánh say chung rượu
 Năm vẻ rồng bay, ánh sắc mây
 Tiền rồng bạc tốt trong tay trắng
 Danh nghĩa cao sang tợ mặt trời
 Tiếng xe rộn rã sau bờ trúc
 Bóng vợ bóng con lẫn bóng cây
 Đông liễu tây đào ngòi khép nép
 Nẻo xuân rủ gấm phủ

hoa đầy

Mình ơi !

Rót chén này
 Nụ cười Bao-tự điểm xuân ngầy
 Rạng màu yếm tiệc ngọc lung lay
 Xa xa đường thoảng tiếng chân reo
 Dặm cỏ
 Ven đồi
 Hoa lác đác
 Ngựa ai ai rung lạc tiếng trong veo.

Đó là thơ.

Và là thơ Bích-Khê — trong bao nhiêu bài thơ như vậy của con người tài hoa bạc mệnh : thơ là sự phối hợp của âm thanh : thơ là sự tràn trề của tình ai, nhiều nhịp, nhiều khúc, nhiều hướng, một ngàn lẻ một đêm nhiều trăng sao, thiếu trăng sao buồn như nước mắt, buồn như những nỗi, những mối, những ngồn ngang, buồn như tha ma mà không buồn như tang, buồn như rượu nồng, buồn hễ, buồn đưa ngọc mâm vàng, buồn như một bài nhạc buồn đầy nhạc tính... buồn không ủy mị ; buồn một thứ thê thê không gây đam mê, buồn của kẻ ngắm cái đẹp, thưởng ngoạn rồi một đi trên một ngàn lẻ một hướng dưng trong nhân sinh.

Ngàn năm mới thưởng có một thuở... thơ như thế. Cũng như ngàn năm một thuở Nguyễn-Du trong Truyện Kiều ; một thuở Tình quê của Hàn-Mặc-Tử ; một thuở Tống biệt và Cảm thu của Tản-Đà cũng như, ngàn sau về ngàn xưa có Hoàng-Hạc-lâu của thi bá họ Thôi... Chẳng hạn.

Những nghệ sĩ — theo cái nghĩa chân chính của nó — của cả loài người cũng như của riêng một dân tộc nào đó, đều có một nếp sống, một tác phong tư tưởng và tưởng tượng... một mình một cõi, không giống ai. Họ sống khác người mà khi buông xuôi hai tay, họ cũng không giống thiên hạ. Cummings gọi nó là « *unicité* ». Có người gọi tác phong ấy là *độc đáo*. Tôi thì tôi gọi nó là cái *một*. Ai đã gần Bích-Khê đều thấy chàng có cái *một* ấy. Cả một đời Bích-Khê, chàng trung thành với cái *một* ấy ; và không muốn ai chạm đến cái *một* của chàng — cho đến ngày chàng nằm xuống, *một* đi... Tôi xin nói lại : cái *một* ấy, chàng nâng niu nó, nuôi dưỡng nó... để cái trình độ người ta nhìn chàng như nhìn một ngôi sao lẻ tránh một ngàn lẻ một ngôi sao khác để đi con đường hành tinh riêng của mình. Thi nhân họ bướng bỉnh và ngửa nghiêng như vậy. ai lại gần được Bích-Khê thì lại gần được Edward Cummings, một nhà thơ trứ danh của Mỹ hiện thời. Không ai hiểu được Cummings, không ai chịu nổi Cummings vì không dám chạm tới cái *nội* trong đời sống cơ thể, tinh thần và trí thức ngược với tất cả những công thức giả dối của đời sống ; không ai thương Cummings... Nhưng hiện thời Cummings đứng hàng đầu trên chiếu mi nhân Âu Mỹ... Về cái *một* của Cummings, chàng thường nói : « Être un individu c'est surtout reconnaître une valeur sacrée à l'unicité de tout être humain, sauvegarder cette unicité et se battre sans cesse pour l'affirmer ». Ý Cummings muốn nói rằng cái *độc đáo* của *nội* cá nhân có một giá trị thiêng liêng đã là con người thì phải bảo vệ cái *độc đáo* ấy và tranh đấu để cho nó phát hiện. Cummings nói về *con người* như vậy, nhưng ông áp dụng vào ông nhiều nhất, và trước hết...

Và chúng ta thêm vào đó một người : Bích-Khê.

Ai đã gần Bích-Khê đều biết : mỗi bài thơ của chàng là mỗi *một* và cả tập thơ là cả một cái *một* toàn diệp. Ngày nay Bích-Khê đã khuất để lại cho chúng ta một sự nghiệp lm Hoài-Thanh, Hoài Chân chưa kịp đọc... Chị ruột chàng là bà Ngọc-Sương vẫn đọc ; anh rể chàng là Lạc-Nhân Nguyễn-Quý-Hưng vẫn đọc ; bạn chàng là tôi vẫn đọc ; cháu chàng là Nguyễn-lê Thu-An, một thiếu nữ tuổi đôi mươi đương làm thơ chờ ngày ra đời và có mặt trong thi giới, cũng vẫn đọc... nhiều lần.

Nhưng *tượng trưng* là gì ?

Cũng mãi vài chục năm nay, người ta mới hay nói đến danh từ *tượng trưng*. Thực ra, danh từ ấy là dịch chữ « Symbolisme » của văn học Âu-Mỹ. Vậy *tượng trưng* trong văn thơ là gì ? Nói cho đúng, thật khó nói : có người cho rằng *tượng trưng* là một thực thể thần bí và *tượng trưng* vọng từ cõi thông minh của Á-đông... Có người cho rằng vấn đề *tượng trưng* chỉ là một vấn đề kỹ thuật trong thơ : một vấn đề bằng trắc và thi tiết... Có người nữa lại cho rằng thi nhân *tượng trưng* là người đi « lột » ngôn ngữ của họa, nhạc, điêu khắc... để áp dụng vào thơ ; và nhà thơ *tượng trưng* tìm nguyên lý của vận văn trong tinh hoa của âm nhạc. Nói một cách khác : *nhạc tính* là căn bản của thơ... Còn có người khác nữa lại cho rằng thơ *tượng trưng* là một thứ thẩm mỹ siêu hình (esthétique métaphysique)...

Ấy đấy ! Những người nói về thơ *tượng trưng* như vậy đều là những thế lực trong thi giới âu-mỹ ; và đã vậy thì chúng ta cũng khó mà tổng hợp được một ý tưởng về *tượng trưng* trong thơ.

Nhưng dù khó mà nói cho ra thế nào là thơ *tượng trưng*, chúng ta cũng nhận thấy mấy điều. Một là nguyên lý của thơ *tượng trưng* là *nhạc tính* — hơn thế : tinh túy của âm thanh. Hai là phải có tài mới làm được thơ *tượng trưng*. Remy de Gourmont, một nhà văn và là một nhà tư tưởng hiện đại kịch thước cỡ âu-châu đã nói : « Il y a deux classes d'écrivains, ceux qui ont du talent — les symbolistes ; ceux qui n'en ont pas — les autres ». Ý ông muốn nói rằng chỉ có hai hạng văn-thi-nhân : một hạng có tài là văn thi phái *tượng trưng*, còn một hạng nữa là hạng không có tài : hạng *không phải* là văn thơ *tượng trưng*. Ý tưởng ấy là một ý tưởng hơi quá đáng, nhưng nó cũng phản ánh được thái độ của văn giới đối với thi phái *tượng trưng*.

Có *tượng trưng* Âu-Mỹ. Cũng có *tượng trưng* Á-đông. Tôi nghĩ rằng về thi phái *tượng trưng* Á-đông, — thuần túy Á-đông — chúng ta có hai đại diện : Bích-Khê và Hàn-Mặc-Tử.

Tự thuở rất xa xưa, người làm thơ đã làm *nhạc*. Ngày nay, những ngày rất mới này, những *nhà thơ tự-do* bây giờ cũng vẫn tạo cho họ một nếp *nhạc tính mới*. Nhạc không phải là một thực thể *thâm-mỹ* (*entité esthétique*) cố định muôn đời chỉ có một, mà là một thực thể *tiến hóa* theo thông minh của con người: *nhạc* không phải là âm thanh bằng trắc của cuối thế kỷ thứ mười chín trở về trước, mà cũng chẳng phải là âm thanh riêng trong những *thính đường âm nhạc* của một địa phương nào bây giờ.

Lịch sử vẫn đi cái nhịp của nó: người của thế hệ sắp tới sẽ đòi hỏi cho *thính giác* một thứ *nhạc tính* mà hiện thời rất có thể là chúng ta *đương...* từ chối: Chứ sao!

Chỉ có người làm thơ giỏi và người làm thơ dở mà thôi. Cũng như chỉ có thơ hay và thơ không hay. Có lẽ Remy de Gourmont muốn nói rằng chỉ có một thứ thơ có *nhạc tính* và một thứ thơ *khô khan* — nghĩa là một thứ thơ thiếu *sáng tạo* (*création*). Và ý tưởng ấy là một ý tưởng nói cho cả muôn thuở, cho cả ngàn năm... Cứ nghe thi bá Dante là người của thuở rất xa xưa nói thì rõ, và chúng ta có thể kết luận với Dante rằng: *thơ tượng trưng có từ thuở có thơ*. Lý Bạch, Bạch Cư Dị, Thôi Hiệu... đã là thi nhân tượng trưng, vì thơ của các thi bá ấy đọc lên nghe như những *giai âm*: những câu thơ... *Bạch vân thiên tải không du du. Tình xuyên lịch lịch hán dương thụ, Phương thảo thê thê anh vũ châu* là gì nếu không phải là *nhạc* trước *thính giác* người đời xưa, người ngày nay và cả người mai sau...

Chẳng có Baudelaire... thì chẳng có Valéry và Valéry vẫn hãnh diện rằng mình là đứa con lộng lẫy cuối cùng của dòng họ *tượng trưng* bên Âu-Mỹ. Còn Jacques Prévert không bao giờ từ chối thơ ông là *nhạc*. Từ ngày Bích-Khê làm thơ, chàng đã chú trọng đến *nhạc tính*: bài thơ đường xưa nhất và bài thơ dài dài ngắn ngắn hay loạn nhất của Bích-Khê sau này vẫn là những bản đàn quen tai và lạ tai.

Chiến tranh thường vạch biên giới, cho nên bỗng nhiên Bích-Khê đứng ra một bên. Thực ra đừng có việc những người gây lộn với những người, thực ra nếu ai cũng rủ nhau đi tắm mát, lên

nền Vũ-vu hóng gió rồi hát mà về... như ở một thời thịnh trị thái bình nào đó và ở trong giấc mơ của thầy Tăng-diêm thì những thi nhân như Bích-Khê, đương có mặt đâu đây, sẽ có mặt đâu đây...

Nhất là bên chàng có một người rất có thể lực cũng làm thơ đầy nhạc tính á-đông — tôi nói lại : *nhạc tính á đông* — cho người Việt-nam là người á-đông đọc : Hàn-Mặc-Tử.

TAM - ÍCH
(1964)

GHI - CHỮ CỦA TÒA - SOẠN VĂN :

Tác phẩm Bích - Khê gồm có :

- *TINH HUYẾT*, thơ, đã xuất bản, 1939.
- *TINH HOA*, thơ, (1938-1944), sắp xuất bản.
- *ĐẸP*, thơ, 1939, chưa xuất bản.
- *NGŨ HOÀNH SƠN*, thơ, chưa xuất bản.
- *LỘT TRUÔNG*, tự truyện, chưa xuất bản.
- *MẤY DÒNG THƠ CŨ*, thơ, (1931-1936) không xuất bản.

SÁCH THỜI MỚI VỪA PHÁT HÀNH :

- | | | |
|----------------------|------------------------|----------|
| * TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON | của Y Uyên | giá 52\$ |
| * CẢNH TƯỢNG ĐÊM NAY | của Viên Linh | giá 68\$ |
| * TẬP BÚT III | của Võ Phiến | giá 50\$ |
| * MÈO ĐÊM | của Nguyễn-thị Thụy-Vũ | giá 44\$ |

NGỌC - SƯƠNG

n g u ờ i e m :

b í c h - k h ê

Thời gian

Có một ngàn

Lẻ một mùa thu, bao lá thu

Và một Người Em

Và ngày tháng...

(Ý một bài thơ Ba-tư)

Người viết bài này là Lê Ngọc-Sương, chị của Bích-Khê, mà chồng là anh Lạc-Nhân, Nguyễn-Quý-Hương, người mà em tôi, trước khi nhắm mắt, trân trọng giao lại tất cả những bài thơ do em tôi làm trong suốt cả một đoạn đời dài làm thơ. Bạn em tôi rất nhiều mà bị cách xa thành chẳng còn có bao nhiêu: Hàn-Mặc-Tử, Quách-Tấn, Chế-Lan-Viên, Tam-Ích, Hoàng-Trọng-Miên..., kể cả anh Lạc-Nhân và tôi: ngàn năm và nhiều thuở tôi chưa hiểu giữa người Em và người Bạn là Bích-Khê, đối với tôi, biên giới ở đâu...

Trong lúc tôi viết mấy dòng này về em tôi — nói cho đúng là tôi viết lại sự trưởng thành của tình thân hữu, tình thi hữu, tình chị em giữa Bích-Khê và chúng tôi, — tôi nghĩ đến tất cả những người có mặt trong đời Bích-Khê hiện còn sống hoặc đã chết, kẻ khuất người còn, kẻ ở xa người ở gần... Tôi tưởng tượng rằng Bích-Khê, em tôi, đang ở đâu đây : *Gió hiu hiu thổi thì hay chàng về...*

Tôi xin thêm : tôi viết : Người Em, mà không viết : Một Người Em, là vì đối với riêng tôi, người ta chỉ có thể có một người em như vậy — một mà thôi. Lỡ ra có quá đáng, các bạn sẵn lòng rộng lượng cho một người chị chỉ có một người em đã... một đi từ lâu lắm... và có một tâm hồn thi nhân như Bích-Khê. Và tôi mong được hưởng sự cởi mở của những ai sẽ đọc thơ Bích-Khê, khoan dung đối với tôi viết về người chết rồi, về người tài hoa bạc mệnh — chữ của anh Tam-Ích — một cách trang trọng...

I. — thời niên thiếu

Bích-Khê là người em thứ chín trong số chín anh chị em có sẵn trong huyết quản một giòng máu anh dũng. Ông nội Bích-Khê — ông nội chúng tôi — làm quan dưới triều Tự-Đức đã tuần tử đề khởi phải cộng tác với một vị đại thần có quyền « tiền trạm hậu tấu » đã từng lãnh trách nhiệm đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhà Chí-sĩ Phan-Đình-Phùng. Cha chúng tôi đã từng tham dự vào phong trào Đông-du giữa lúc lòng yêu nước đang hướng tất cả sĩ phu chân chính vào những cuộc vận động dân tộc chống thực dân dành độc lập cho đất nước.

Vì là con út nên Bích-Khê được cả gia đình thương, và chiều chuộng. Chàng là người rất có hiếu với cha mẹ, rất thảo thuận với anh chị và đặc biệt mến thương người chị sanh kế chàng vì hai chị em rất gần nhau về tuổi tác, tư tưởng, chí hướng, tính tình — người chị ấy là tôi. Chúng tôi là hai chị em : hơn thế, hai người bạn ; hơn thế nữa : hai tâm hồn tri kỷ... Đã có lúc chúng tôi cùng một người nữa làm một cử chỉ như trong truyện kiếm hiệp : cắt huyết ăn thề,

nguyên sống và tranh đấu sát cánh nhau trên khắp mọi nẻo đường đời, cho một chí hướng...

Vì hiểu em, tôi đã tìm hết tất cả những trường hợp gia đình và xã hội thuận tiện cho việc sáng tác của em tôi. Thi nhân cũng như tất cả những nghệ sĩ, khi sáng tác họ không chịu ràng buộc trong một khuôn khổ thời gian và không gian nào cả. Có khi suốt một mùa trong năm, họ chỉ ăn... chơi ; có khi thi hứng đến với họ suốt cả năm mươi đêm trắng ; có khi lâu son gác tía không gọi gì trong lòng họ, và có khi họ ngồi trên mỏm đá bên một túp lều đề cho nguồn cảm hứng tuôn ra dưới ngòi bút thao thao bất tuyệt...

Tôi là người phải đón tình đón ý em, tạo cho em những giây phút, những vị trí thuận cho hứng làm thơ của một người em khó tính và cũng là cái khung cửa sổ để chàng nhìn nhân sinh đương ai oán, cái chuông đồng hồ báo cho chàng biết là chiều thu đã buông rồi...

Thuở bé, Bích-Khê có tính chơi hì hục đi khuôn từng tảng đá ong vào sân, xếp lên xếp xuống cho thành nhà cửa, thành lâu đài. Đã có lúc tôi ngẫm nghĩ : cái anh chàng là lạ này có lẽ sẽ thành một kiến trúc sư ? Và tôi không ngờ lâu đài chàng thường sắp thường xếp lại là một tòa thơ : một lâu đài khiêm tốn về văn nghệ. Cũng như tất cả những nghệ sĩ ngày sau có tài, lúc còn nhỏ, Bích-Khê là một chàng thư sinh thông minh nhưng mà lười : Đã có lần vì lười mà bị mẹ bó tròn vào cột như bó một bó chả đánh một trận nên thân, tưởng chừng như hồn thơ cũng theo ngọn roi lên xuống và một đi cho rồi ! Ai ngờ từ đó con người lười trở nên một người siêng năng hết mực : chàng đi từ một thái cực đến một thái cực. Chàng ham học đến nỗi ai cũng lo cho sức khỏe của chàng. Một hôm Bích-Khê bị đau ở đầu gối nhức nhối và phải vào bệnh viện. Trong bệnh viện, thầy thuốc phải treo ngược chân chàng lên cho đỡ nhức ; ấy vậy mà chàng vừa rên vừa học : quyển sách lúc nào cũng có trên tay. Các thầy giáo tặng cho Bích - Khê biệt hiệu là « Tịnh tu học ». Đậu đầu kỳ thi Tiểu - học rồi, chàng say mê học hành như một nhà tu say mê kinh kệ ; cho đến ngày chàng học hết ban Cao-đẳng Tiểu-học rồi ra Hà-nội học ban Tú-tài (vào năm 1932 - 1933).

Mười hai tuổi, chàng đã làm thơ Đường - luật và đã làm thân sinh chúng tôi hãnh diện trước các bậc thân hữu : ai cũng nói một thiên tài đã bắt đầu phát sinh. Và thiên tài ấy trưởng thành cùng một lúc với lòng nhân đạo, với tính e lệ : bao nhiêu tiền cha mẹ và anh chị cho, người nghèo hưởng gần hết. Những người đói rách, thiếu thốn vào đến cổng nhà là hỏi thăm « Cậu Chín ». Hễ có cậu Chín, họ có áo quần cũ, có cơm ăn, có tiền xài... Thích nhất cậu Chín giấu bà cụ, nên có khi được bà cụ cho nữa.

Một con người như vậy lại còn là một con người hay e lệ. chàng ít ưa tiếp khách dù là bạn đồng trang đồng lứa. Mỗi lần có khách đến là chàng tránh ra vườn hoặc vào phòng khép cửa đọc sách. Chàng chỉ tiếp bạn thân và bạn làm thơ.

Người hiền lành thì thường nóng tính. Và người giản dị và lặng lẽ thường nhiều lòng tự ái. Ai đánh cờ với chàng mà thắng thì phải đánh cho đến lúc mặt trời lặn, nghĩa là cho đến lúc chàng gỡ được và lờ ra kẻ cùng chơi cờ mà có ý kiêu căng thả nước cờ thì bàn cờ xuống đất và quân cờ lúc đếm lại bao giờ cũng thiếu mấy quân vì... đã trót văng xa quá...

II.— tình đời

Cái lòng nhân ái của thi nhân thật cũng chỉ thi nhân mới có. Một hôm từ Hà-nội chàng viết thư về xin với cha mẹ thôi học. Chàng xin thôi học là muốn lấy số tiền cha mẹ cho đi học đem san sẻ với một người bạn nghèo để giúp người này khỏi thất học... Lẽ tự nhiên, gia đình chúng tôi nghĩ đến sự học của Bích - Khê, không thể chấp thuận.

Nhưng Bích-Khe đã muốn thì không thể cưỡng được và tôi, người mà gia đình cho là có tài thuyết phục nhất đối với em, cũng bất lực trước quyết định của chàng. Không những chàng không bỏ ý định giúp bạn, lại còn cho rằng sự phản đối của tôi là một cử chỉ ích kỷ, là tâm lý hèn mọn. Trong khi giận, chàng thi nhân của tôi còn giơ tay giơ chân nhất định đòi để cho chàng thôi học, giúp bạn.

Phản ứng của tôi là nói với em rằng em thiếu... lễ độ với chị và thiếu sáng suốt đối với tình cảnh chung trong gia đình. Ai ngờ phản ứng của tôi đã gây một phản ứng vừa nghiêm trọng vừa ngộ nghĩnh đượm một hương vị hài hước tế nhị trong tâm hồn em tôi : Bích-Khê chạy ra cửa lao đầu vào cửa đánh rầm rầm, khóc to, làm cả nhà chạy lên. Té ra chàng đã trút cả cái bức tức và hối hận vào cánh cửa...

Ngay tối hôm ấy, chàng đến bên chị, âu yếm nói : « Em có lỗi với chị... Chị tha thứ cho em... ! » Rồi chàng thêm : « Giá chị đánh em một bạt tai, có phải gọn và đỡ đau xót cho em không ! »

Một tháng sau, người chị thứ sáu đưa Bích-Khê cùng người bạn nói trên vào Phan-thiết, ở nhà người anh cả chúng tôi để học. Người ta thường nói chỉ có tình bạn đẹp trong tiểu thuyết mà thôi. Có lẽ lắm : tình bạn trong văn chương còn kém tình bạn ngoài đời. Đôi bạn của Bích-Khê như đôi chim, thắm thiết với nhau đến mức độ chàng vận động cho một trường tư thực ra đời để giúp cho sự tiến thân của bạn được dễ dàng. Nhà trường sống gần hai năm bỗng nhiên tôi bị chánh quyền thực dân bắt giải về sinh quán là Quảng-ngãi. Chàng thương chị nên buồn nản ; còn cảnh trường cũng mất thứ tự. Và kết quả trường chuyển hoàn toàn về người bạn và cũng từ ấy Bích-Khê sinh chán không còn dính dáng đến trường, đến tiền bạc nữa... người bạn cũng xa dần trong tiềm thức...

Bích-Khê rời Phan-thiết. Chàng đi Mũi Né rồi lên ở núi Tà-cú, mang theo không phải một ân hận mà là một... tình yêu !

III.— mối tình đầu

Chàng yêu Song-Châu một cô học trò nhỏ có đôi mắt say sưa, làn da trắng mịn và dáng điệu mảnh khảnh yêu kiều.

Ai ngờ cái con người làm thơ ngang tàng trong văn chương như vậy mà lại e lệ trước người mình đương yêu ; đồng thời lại còn có mặc cảm phong kiến rằng yêu... học trò là trái đạo lý. Nhưng rồi tình yêu đã nói tiếng nói của tình yêu ; và tình yêu của chàng đã gặp một tình yêu say sưa nhưng cũng e lệ của người con gái.

Song-Châu càng e lệ, thi nhân càng say mê. Bài « Song-Châu » trong tập *Tinh-Huyết* là bức chân dung của một mối tình đầu...

Bích-Khê, sau khi sống mấy tháng ở núi Tà-cú, về sống với mẹ ở Thu-xà. Chàng nói với mẹ : « Con sẽ ở gần mẹ » ...

Rồi trong gia đình cũng chẳng ai muốn đi sâu vào tâm sự buồn đau của chàng, về bạn bè, trường trại.

« Bình đã nứt rồi, xin đừng động đến !... »

Câu nói ấy của một thi nhân thật rất đúng với trường hợp Bích-Khê khi về với mẹ và người chị thân yêu. Sự ấm áp trong gia đình đã đem lại nụ cười cho người thi nhân bị thương nặng.

Rồi ngày ngày Bích-Khê vào phòng, làm thơ. — Chàng làm thơ nhưng chàng không thích ngâm lấy thơ mình vì chàng không có một giọng trong trẻo, nên mỗi một bài thơ làm xong là chị chàng phải ngâm đề chàng thưởng thức. Và những bạn đến chơi cũng phải ngâm thơ chàng, làm cái nhiệm vụ đã không chán lại còn có hứng thú là khác !

Được ít lâu, chàng đau : ngực hơi mệt. Thế là phôi chàng yếu ! Tôi phải đưa em tôi ra Huế điều trị ở bệnh viện, và săn sóc chàng ngót một năm. Người nữ y tá là tôi phải làm nhiều việc : săn sóc em, gọi mọi thứ chuyện nói với em, ngâm thơ em, họa thơ em... vẽ cho em tất cả những viên ảnh có màu sắc của đời sống, kể cả những màu sắc giả, cần cho một người đương đau ốm và đau thương.

Một năm sau bệnh lành, chàng về Thu-xà với mẹ thêm một lần, rồi lại đòi lên núi ở. Cái đời của thi nhân cũng như cái đời của trẻ thơ : muốn phải được, muốn là được. Mẹ và chị phải làm cho Bích-Khê một cái chòi trên núi Thiên-Ấn, và gửi đến ở với chàng một « chú tiểu » để phục vụ con người càng ngày càng khó tính như một cậu con cưng con nhà trưởng giả.

Lúc này Bích-Khê vui lắm ; chàng nói với mọi người bạn đến thăm : « Thật là tuyệt diệu ! » rồi chàng tả cái thoải mái của tâm hồn chàng bằng cách chuyển tâm tư qua thiên nhiên cỏ cây hoa lá : chàng giải thích thế nào là cái đẹp cho chị nghe... Chàng hằng

say đưa cả cánh tay ra vẽ một vòng bao trùm cả những thắng cảnh đương bày ra trước mắt chúng tôi, đã từng làm tâm hồn thi nhân rung cảm. Mà phong cảnh đẹp thật ! Dưới chân chúng tôi, từ chỗ « Long đầu hí thủy », giải sông Trà bọc lấy churn hòn Thiên-Ấn khăng khít như tình non nước ấp ủ lấy nhau, tức là thắng cảnh « Thiên-Ấn niêm hà ». Và xa xa ở phía bên kia hiện ra thắng cảnh « Bút lãnh phê vân ». Bích-Khê chỉ vào núi Bút và nói đùa :

— Đó là ngọn bút của em đó.

Rồi chàng lại bảo chị :

— Nơi đây là nơi cực lạc của em rồi. Em say mê với cảnh thiên nhiên và nguyện sống ở đây mãi mãi để tận hưởng...

Nhưng một thời gian rồi Bích-Khê cũng chán cảnh núi, lại ước mong được sống giữa cảnh trời nước bao la. Thế là một lần nữa, mẹ và chị Bích-Khê phải chiều chàng, cho di chuyển tất cả vật dụng và cái chòi con về dựng ngay tại ven biển. Chốn cực lạc thứ hai này hiện ra, bao nhiêu văn thơ khác của thi sĩ lại tuôn ra...

Nhưng rồi cũng chỉ một thời gian mà thôi. Năm tháng sau vì gió biển không hợp với bộ phổi đã yếu của chàng — nhưng nếu không phải tại gió biển thì lại có những lý do khác — Bích-Khê lại đòi về nhà để rồi lại xin lên ở tại một ngôi chùa ở Phú-thọ để vừa làm thơ vừa nghiên cứu triết lý đạo Phật. Tại đây, câu kinh tiếng mõ đã làm tâm hồn chàng lắng xuống và sự tín ngưỡng lần lần đi vào tâm hồn tinh vi của chàng như gió chiều bốn hướng mênh mang đi vào cảnh lá cây nơi núi non trùng điệp...

Một hôm, tôi lên chùa Bích-Khê và nói với em :

— Ờ nhỉ, đây là cực lạc em nhỉ ?

Biết là chị nói mỉa mình, Bích-Khê trả lời :

— Đối với em, mỗi chốn đều là chốn cực lạc, tùy từng lúc, từng giây phút. Chị nhớ cho rằng mỗi khi em nói em đều chân thành.

Rồi Bích-Khê từ giã cửa thiền về với mẹ và chị. Vẫn chiều theo sở nguyện của con, bà cụ thuê cho chàng một chiếc thuyền, để chàng bênh bồng trên mặt nước, nay ghé Phú-thọ, mai Cồ - lữ, Sa-kỳ... Trên chiếc « thuyền con bé tẻo teo » mà chàng sống với

“ hơi gọn tí ”, với “ gió đưa vèo ”, thiên nhiên từ đây lại gây thi hứng cho chàng, một thứ thi hứng triền miên, liên tục...

IV. — tình yêu dang dở

Thuyền trôi, thuyền về... thuyền lên đèn trên sông Trà-khúc, và thuyền ghé bến yêu thương. Một hôm nọ thả thuyền trôi về ngã Sa-kỳ. Bích - Khê gặp lại Bích - Thủy, một thiếu nữ quen biết khi Bích-Khê ở nhà người anh cả ở Mũi Né. Những lúc Bích-Thủy cùng mấy người bạn xuống thuyền thăm Bích - Khê, là những lúc không khí trên thuyền trở nên sống động. Trong thuyền giọng ngâm thơ càng dòn và Bích-Khê cũng lộ vẻ tươi vui. Có lúc Bích-Khê ra đứng với chị trước mũi thuyền và nói :

— Thuyền Hàn - Mạc - Tử chở đầy trăng, thuyền em chở trăng và chở cả giai nhân nữa.

Từ ấy, hai người thường gặp nhau và mối tình càng trở nên khăng khít. Đối với Bích-Khê, mối tình ấy là một mối tình mới, nhưng với người con gái, lại là mối tình đầu. Nhưng dù là tình mới hay tình đầu, tình đều say mê đắm đuối. Và cũng vì thế Bích-Thủy chớm đặt vấn đề trăm năm cùng chàng thi sĩ.

Bích-Khê dè dặt : tình đối với thi nhân bao giờ cũng lẫn mộng, cho nên sự ỡm ờ của người làm thơ trước nhan sắc và trước sự chân thành của người đàn bà đương yêu cũng chỉ là kết quả của những ngày đêm dài đầy mộng và đầy thơ. Kết quả của một sự gặp gỡ nên thơ này là cái buồn đượm nỗi đau thương dài dằng dặc của người con gái. Sự đau thương biến thể : Bích - Thủy lâm bệnh, đâm ra loạn trí, nàng nằm trên giường bệnh, kêu tên Bích-Khê, mộng thấy Bích-Khê, tay viết tên Bích - Khê... Đoạn đời đau ớn người đàn bà đầy hình dáng thi nhân đã làm cảm động thân mẫu chúng tôi, và bà có ý thúc đẩy Bích - Khê kết duyên với nàng. Bích-Khê từ chối và nói : “ Gần nhau mãi có đẹp gì ! ”

Bích-Khê ngưng sự yêu thương trong sự đau thương của cả hai người và bỏ “ chiếc thuyền con bé tẻo teo ” để về sống với mẹ một lần nữa.

Ở nhà với mẹ và chị được ít lâu, Bích-Khê lại muốn ra đi. Nhưng bây giờ Bích-Khê hết thích núi, hết thích bể, hết thích chùa mà còn chán cả ngao du trên thuyền. Chàng cũng như con chim chán cảnh lồng son muốn bay đến một chun trời xa lạ để tìm nguồn sống mới. Chàng tỏ ý muốn vào Nam. Tôi bàn với em là muốn đi xa đâu cũng được, nhưng dù là thi nhân, con người phải đặt nguyên tắc sống sát với thực tế : đời sống vật chất có thoải mái, đời sống tinh thần và trí thức mới có nơi nương tựa. Hai chị em bàn nhau mở một trường tư tại Phan-thiết. Thực hành kế hoạch đó đã có anh Lạc-Nhân, một người bạn (về sau trở thành anh rể chàng) lúc đó đương làm Tổng Thư-ký tòa-soạn báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng và là Nghị-sĩ của Viện Dân-biểu Trung-kỳ.

Trường mở cửa vào năm 1938. Và người ta được chứng kiến một cảnh sum họp ấm áp của một số người mà tình bạn đã tập hợp dưới một mái nhà. Trong một công cuộc chung, mỗi người chia nhau lo mỗi việc. Người giữ "mối giềng" của cái gia đình thân mật ấy là tôi, và người điều khiển công cuộc tập thể ấy là anh Lạc - Nhân. Cũng xin thêm rằng, trong các bạn cùng chung sống, có anh Trúc - Lâm — bây giờ là nhà văn Tam-Ích, một người trong số bạn Bích-Khê đã được chứng kiến Bích-Khê làm thơ...

Trường được tín nhiệm, học trò đông. Và để đáp lại yêu cầu của một số học sinh lớn tuổi, trường mở thêm một lớp dạy tối do Lạc-Nhân và Bích-Khê đặc biệt phụ trách. Chính lớp dạy tối này đã để lại cho Bích-Khê một kỷ niệm êm đẹp mà cũng là một vết đau thương mà chàng giữ mãi cho đến ngày tắt thở.

Trong số những người học lớp tối có nàng Ngọc - Kiều. Ngọc-Kiều có gương mặt hiền lành và đôi mắt buồn mơ như báo trước những điều tan vỡ... Ngọc - Kiều và Bích - Khê mến phục nhau và từ chỗ mến phục, đôi trai tài gái sắc đã đi đến yêu nhau tha thiết.

Rồi một đêm rằm, trăng sáng như ban ngày, Bích-Khê giắt chị ra chơi bãi biển ở sau trường. Sau khi ngồi lên bãi cát trắng, Bích-Khê lấy giấy viết, hí hoáy bốn câu thơ :

« Chị ơi trời sáng màu xanh,
 « Tình trăng sống dậy trên cành hoa tươi.
 « Nói ra xin chị chớ cười,
 « Tình nay đẹp lắm hơn mười tình xưa...»

rồi trao cho chị.

« Xin chị chớ cười » nhưng người chị đã cười, cười thiệt vì sung sướng thấy em vui, vui vì em yêu. Lần này, người làm thơ tính chuyện trăm năm thiệt : chàng nhờ chị viết thư về thưa mẹ đề sắp đặt việc cầu hôn. Và cả nhà ai nấy đều mừng vì quyết định ấy của con người khó tính.

Nhưng gia đình Ngọc - Kiều lại từ chối, vì xem là « ván đã đóng thuyền... », vì đã « hứa gả nàng cho một nơi khác » rồi. Nơi ấy là con một nhà phú thương.

Kết quả của sự ngang trái là Ngọc-Kiều đau loạn trí (lại một người loạn trí nữa !). Nàng khóc, rồi cười, rồi nàng đòi quyền sinh... Và gia đình Ngọc-Kiều muốn bảo vệ một tính mạng, đành bằng lòng và mời chúng tôi đến đề ưng thuận.

Nhưng việc đời thật không ai có thể ngờ vì chính Bích-Khê bây giờ trở lại từ chối ! Trong gia đình, từ thuở lên ba, Bích-Khê muốn gì được nấy. Bây giờ cũng vẫn vậy : Bích-Khê muốn từ chối thì ai cũng phải từ chối, kể cả bà mẹ đã hết nước mắt, kể cả người chị đã hết lời năn nỉ khuyên lơn. Trong việc từ chối này, điểm chính là lòng tự ái của thi nhân thà chịu đau khổ vì mối tình dang dở chớ không để cho danh dự thẳng con trai bị xem thường.

Từ dạo ấy, thơ đau thương của Bích-Khê tuôn ra lai láng đề than khóc cho thân phận mình, thân phận Ngọc-Kiều và cả cho những éo le trong nhân tình thế thái. Nhưng rất tiếc là phần lớn các vần thơ đã bị khói lửa chiến tranh thiêu hủy (nhà người anh cả chúng tôi bị dội bom, cháy rụi). Tôi còn nhớ mấy câu gởi khuyên Ngọc-Kiều khi Ngọc-Kiều quyết tâm ra đi xây tổ uyên ương nơi một chân trời xa lạ.

* Hạnh phúc ngoài trời nhiều vẻ đẹp
 « Em đừng bận bịu ái ân xưa

« Lòng anh chẳng muốn cho em phải

« Lễ tể chân trời bóng nhận thừa. »

V.— tình bạn

Trường Quảng-Thuận của chúng tôi, nơi nung nấu những tâm hồn dự bị va chạm với nhân sinh, đã bị hai lần đóng cửa vì những âm mưu đen tối của bọn quan lại và thực dân muốn phá hoại. Nhưng hai lần anh Lạc-Nhân đều tranh đấu mở cửa lại.

Đến lần thứ ba, vì mang sẵn một mối u phiền và không muốn sống thêm ở một nơi khêu gợi cho chàng những niềm đau khổ, nên Bích-Khê không cho anh Lạc-Nhân tranh đấu mở cửa lại và muốn đề trường chết luôn.

Rồi Bích-Khê ra đi. Chàng ghé Qui-nhơn thăm Hàn-Mặc-Tử mấy ngày và an ủi Tử trong những ngày đau khổ. Một người đau khổ yên ủi một người đau khổ : tình thương giữa hai người đau khổ thật đã làm vơi sự xót xa của mỗi người. Bích-Khê tặng Tử một tấm hình trong đó chị chàng và chàng chụp chung. Ý của Bích-Khê muốn hình ảnh chị mình gây cho Tử một vài mảnh mộng. Mộng đối với Tử lúc bấy giờ là những liều thuốc làm dịu sự ai oán của tâm hồn.

Quả nhiên Tử làm bài thơ gửi cho Bích-Khê :

« Ta đề chữ Ngọc trên tàu chuối

« Sương ở cung Thiềm nhỏ chẳng thôi

« Tình ta khuây mãi không thành khối

« Nực giận đòi phen cắn phải môi. »

Bích-Khê xem xong, giấu, không cho tôi biết : chàng vui sướng riêng tư trong tâm tư vì chàng đã thành công trong một kế « bá đạo » thuộc tình cảm. Người đau cần thuốc : thuốc gì hàn gắn được vết thương là thuốc hay.

Rồi Bích-Khê về Thu-xà ít lâu đề rồi vào Nam sáng tác thơ và viết sách. Chuyển đi vào Nam này có thêm một người bạn : Nguyễn-Hữu-Thoại. Ba người sống với nhau và sống bằng tình bạn

và nước lạnh nhiều hơn là sống bằng cơm áo : sự nghèo cực đã mỗi ngày qua ngày trong sự vui vẻ của hy sinh và trong sự ấm áp của tình bạn và tình đồng chí.

Tôi đã thu xếp một công cuộc thương mại để nuôi ba miệng ăn. Nói là « công cuộc » cho to chuyện : Sự thực là ba người không nghèo và đói là đủ rồi. Suốt một năm dài, mỗi người đều có sáng tác, dịch thuật các loại sách về văn chương và về xã hội. Thi nhân của chúng tôi còn dịch cả quyển « Retour de L'U.R.S.S. » của André Gide.

Chúng tôi có một người bạn mới : Phương-Thảo. Người bạn mới này phải nằm đất để ngủ vì thiếu giường. Bích-Khê nói với bạn :

« Ở đây chịu khó nằm đây

« Đất tôi mát lắm bạn xây mộng vàng. »

Để thấy rõ chỗ tương quan mật thiết của những nỗi vui buồn của Bích-Khê và tôi, tôi xin kể một chuyện đã xảy ra cho tôi cũng như cho Bích-Khê ở ngày đám cưới tôi.

Trước khi về dự lễ cưới của tôi, Bích-Khê có báo hỉ tin cho Hàn-Mạc-Tử. Tử gửi mừng chúng tôi một đôi câu đối viết trên lá thiếp trắng như màu tuyết.

Rồi đến khi về chung vui cùng chị, Bích-Khê lại gặp một chuyện không vui, gọi cho Bích-Khê một niềm ân hận về một việc làm của Bích-Khê hồi 5 năm trước.

Trong khi tòng học ở Hà-nội, Bích-Khê có kết thân với một người bạn cùng quê, cháu một nhà cách mạng có danh tiếng. Kỳ nghỉ hè đến, Bích-Khê đưa bạn về giới thiệu với gia đình và giới thiệu luôn với chị. Bích-Khê cương quyết : « Chị không đồng ý người này thì quê nhà mình khó có người thứ hai vẹn toàn ấy ». Chẳng mấy lúc gia đình người bạn cũng đến thăm nhà và ngỏ ý cầu hôn. Bích-Khê rất tán thành và nhận thấy đó là một cuộc hôn nhân rất « nên » về nhiều phương diện. Riêng người chị thì không chịu cho gia đình nhận lễ và xin khát một thời gian để dò xem tư cách tánh tình...

Về sau người chị vạch rõ cho Bích-Khê thấy những chỗ dị đồng không thích hợp, và từ đó Bích-Khê cũng không dám ép chị nữa. Người chị muốn giải quyết dứt khoát nhưng trước những giọt nước mắt của một bà mẹ mà quan niệm tất nhiên là khác với con, muốn trông thấy con mình sớm thanh gia thất, câu chuyện vẫn giằng dụa và kéo dài đến ngót năm năm trời người chị mới tự cời mở được mối giằng vô tình ràng buộc...

Bỗng đến ngày đám cưới của chị, người bạn cũ của Bích-Khê lại hiện đề mừng với... một bó nhang vàng bạc đặt lên bàn thờ thân phụ chúng tôi. Cử chỉ ấy phải chăng bao hàm một ác ý đem điềm xấu hay chứng tỏ một cái tang lòng? Dù sao, phần thì xót thương cho chị đến ngày vu quy mà niềm vui không được trọn vẹn, phần thì ân hận vì nhận xét hơi hợt của mình mấy năm trước đã để cho cảm tình lẫn át... Bích-Khê cầm lấy tay tôi đôi mắt rung lệ chàng xin tha lỗi. Niềm vui của Bích-Khê trước giờ chị lên xe hoa vẫn pha lẫn ưu phiền. Mỗi lần hề có việc vui là sự buồn liền đến với Bích-Khê. Đời người thì nhân thật không có gì vẹn, mà cũng không bao giờ vẹn.

VI.— những nguồn yên ủi

1942.

Bích-Khê đau phổi lại và phải ra lại Viện Pasquier ở Huế điều trị. Tôi lại phải theo ra nuôi em. Sau tám tháng, bệnh thuyên giảm, chàng về Thu-xà điều dưỡng.

Vì chàng bệnh nên cả gia đình chiều chuộng nâng niu và săn sóc: một căn nhà ấm áp hóa thành một phòng bệnh viện và mỗi người trong nhà đều làm phận sự một điều dưỡng viên, đồng thời ngâm thơ, chép thơ cho Bích-Khê. Giúp vào công việc này lại còn các cháu nhỏ Lệ-Xuân, Hải-Đường, Phi-Hiền...

Từ xa, các bạn đều có tới thăm chàng: Nguyễn-Việt-Lâm, Nguyễn - Ngọc - Vy, Minh - Trai, Minh - Đức, Nguyễn-Khắc-Khoan, Nguyễn-Hữu-Thoại, Mai-Ảnh, Trương-Quốc-Oai và người anh ruột Thanh-Khê Lê-Quang-Khâm ở xa cũng có về thăm. Hai anh khác

Tùng-Khê Lê-Quang-Thuần và Tỉnh-Nam Lê-Quang-Hường đều ở bên cạnh Bích-Khê. Người chị là tôi tuy có gia đình riêng nhưng cũng thường về ở bên Bích-Khê.

Muốn cho Bích-Khê đời không khí, tôi có đưa Bích-Khê ra Quảng-nam ở Hoàng-hoa-trang, nơi quê chồng. Nơi đây rất yên tĩnh và không khí thôn quê rất hợp với Bích-Khê.

Một buổi sáng, Chế-Lan-Viên và Anh-Đình hiện đến Hoàng-Hoa-trang : Bích-Khê mừng quá. Nhưng khi Viên đi về Bích-Khê khóc : « Bao giờ lại gặp nhau ? Gặp nhau nữa không ? »

Ở Hoàng-hoa-trang được mấy tháng thì Bích-Khê cùng chị trở về Thu-xà.

Một hôm Hoài-Thanh từ Huế tìm đến chàng tại Thu-xà nơi chàng tịnh dưỡng để xin những bài thơ và tấm ảnh về đăng vào tập « Thi-nhân Việt-nam », sắp xuất bản. Được đưa thơ mình vào tập thi nhân Việt-nam Hoài-Thanh nghĩ dù ai cũng sẵn sàng chấp thuận. Nhưng trái lại Bích-Khê chưa tin tưởng Hoài-Thanh, Hoài-Chân thêu gấm hoa cho nền văn học mà e rằng thơ chàng sẽ bị phơi giữa chợ đời, Bích-Khê từ chối. Cuối cùng sau lời năn nỉ Bích-Khê chỉ trao cho Hoài-Thanh hai bài « Tỳ bà » và « Tranh lửa thề » nhất thiết không chịu trao ảnh. Vì vậy tập « Thi-nhân Việt-nam » chỉ một Bích-Khê là không có ảnh.

Độ này sức khỏe Bích-Khê xuống nhiều lắm. Bích-Khê thấy cuộc đời trống trải làm sao. Có ngày Bích-Khê ngồi bên cửa sổ đăm đăm nhìn ra xa hàng buổi như đang tìm kiếm bạn thơ trên dặm mòn...

Lúc này là lúc Quách-Tấn năng thư từ cho chàng, xướng họa với chàng và giới thiệu cho chàng người bạn thơ : Chị Liên-Tâm. Khi Bích-Khê khám phá được Liên-Tâm là người yêu của Quách-Tấn chàng trêu bạn liền họa một bài thơ của chị Liên-Tâm và nhờ Quách-Tấn trao lại.

*Canh sương tiếng hạc vắng kia sông,
Thơ đẹp em đang ướp cạnh lòng
Thưa chị đêm nay đừng nhớ quá !
Đưa thơ hồng nhận biết mang không,*

*Một nhành mai trắng rung rinh Ngọc
Đôi cụm sao vàng lớt đót bông
Muốn thấy người xa trong giấc mộng
Khuya lơ còn tựa ở bên song.*

Bích-Khê đã tìm thấy trong tình bằng hữu và thú làm thơ một niềm khuây khỏa trong những lúc cơn bệnh dày vò. Trong quãng đời này, Bích-Khê đã khóc cái chết của một người anh, Tỉnh-Nam Lê-Quang-Hường, của một người bạn, Hàn-Mặc-Tử, và của vài người khác... Nghĩ đến sự sống và sự chết của những người có mặt trong đời Bích-Khê, Bích-Khê buồn lắm, và thường khóc một mình. Nhất là mỗi khi nghĩ đến riêng mình, Bích-Khê thường không giấu được sự bi quan đến cực độ. Chàng thường nói với tôi:

— Đời e ngắn ngủi, sự nghiệp văn thơ ắt dở dang; em mong sao sống thêm ba năm nữa để hoàn thành tập thơ thứ ba... rồi sẽ chết.

Tôi cố nói tất cả những lời nói mà một người chị, một người bạn có thể nói được, để yên ủi chàng nhưng chàng biết rằng tôi nói dối, vì chàng cho rằng bình chàng không thể lành.

Thân thể chàng càng ngày càng tiêu tụy... và gia đình bắt đầu lo.

Trước kia đã một lần, khi còn ở bệnh viện, chàng nằm mộng thấy một bà Tiên hiện ra trên không và tung ra những nắm bông trắng, bông rơi xuống mặt đất kết thành chữ và Bích-Khê đọc được bốn câu thơ ý nói chàng sẽ chết vào một mùa Xuân. Vì vậy, mỗi lần Xuân đến, chàng thấy lòng mình nao nao và lo âu.

Nhưng rồi một mùa Xuân qua, một mùa Xuân nữa đến rồi lại qua. Chàng vẫn sống rồi chàng không tin ở điềm mộng nữa.

Một đêm trăng sáng, Bích-Khê bảo đưa ghế ra vườn để chàng nằm ngắm trăng. Ánh sáng dịu huyền của chị Hằng gọi lại cho chàng tâm sự nằm trên và hình ảnh giai nhân trở lại trong tâm hồn thi sĩ.

Hôm sau, Bích-Khê đưa cho chị bài thơ « *Làng em* » và nói:

— Em mong một hình bóng trở lại. Nhưng có lẽ chẳng bao giờ...

Nhưng rồi trăng sao mang đi niềm cảm nghĩ ấy « hình bóng » đã trở lại. Sau đó không bao lâu, chàng nhận được thư Ngọc-Kiều từ miền Đồng-nai gửi ra hỏi thăm Bích-Khê. Trong thư Ngọc-Kiều tỏ ý muốn ra thăm Bích-Khê nếu chàng trả lời chấp thuận, vì người thiếu phụ hiện sống với con qua bao nhiêu năm cách biệt vẫn còn ghi đậm trong tâm khảm hình ảnh của ai...

Tiếp thư Ngọc-Kiều, Bích-Khê mừng mừng tủi tủi, cảm động nhưng ngại ngùng. Cả nhà, nhất là bà cụ, thì rất đổi vui mừng và hối thúc viết thư trả lời mời Ngọc-Kiều ra vì biết rằng cuộc thăm viếng của Ngọc-Kiều sẽ là một niềm an ủi lớn cho cuộc đời tuyệt vọng của Bích-Khê.

Khi Ngọc-Kiều bước vào phòng để gặp Bích-Khê, bốn mắt nhìn nhau, hai người nghẹn ngào không nói ra lời. Nhất là khi nhìn thấy thân hình tiều tụy của người xưa, Ngọc-Kiều không ngăn được giọt lệ... Bích-Khê bảo cháu nhắc ghế đặt ra giường mình đang nằm mời Ngọc-Kiều ngồi nói : « Chúng ta nhớ em là gái có chồng. »

Sau cơn xúc động, quả thật cuộc viếng thăm của Ngọc-Kiều là cả một phương thuốc hồi dương sanh mạch. Căn bệnh của Bích-Khê hầu như thuyên giảm thấy được. Sắc mặt chàng trở nên tươi vui khác thường, làm cho cả nhà cũng vui theo chàng.

Sau 5 ngày ở lại với gia đình Bích-Khê, Ngọc-Kiều lại cất bước đi về một chân trời khác, để lại cho khóm lan bên ngõ một hồn đau một xác gãy...

Ngày tiễn đưa bạn Ngọc ra về, Bích-Khê cảm thấy lần này xa bạn là lần vĩnh biệt. Ngọc-Kiều đi rồi, Bích-Khê đóng cửa, nằm trong phòng suốt buổi. Gia đình không ai hỏi han vì kính trọng giây phút thiêng liêng của chàng.

Bích-Khê tuy bệnh nhưng vẫn tìm đủ cách để tranh đấu với vi trùng bệnh phôi và dùng hết nhân lực để hy vọng... Chàng dùng cả phương pháp nằm ghi trên giường tuyệt đối không cử động để cơ thể nghỉ ngơi. Nhưng phương pháp ấy kết quả là làm cho gân cốt

tê bại, nên một thời gian sau, chàng phải tập đi đứng như trẻ thơ tập đi vậy.

Từ khi làm thơ Đường đến đây Bích-Khê có 100 bài chọn lọc định xuất bản. Cũng trong khoảng thời gian này, chàng dự định cho ra tập «Tinh-Hoa» hoặc «Ngũ-Hành-Sơn.» Không may cho chàng, chàng khuất trước ngày những đứa con tinh thần ra đời. Sức khỏe càng ngày càng xuống, cơ thể càng ngày càng mòn, bấy giờ cái buồn nghe đất lạnh mới thấm tận lòng chàng, chàng lặng lẽ khóc cho thân thể, cho sự nghiệp, cho tất cả những mối tình đối với tất cả những người thân yêu trong đời mình.

Chàng có một đứa cháu tên là Thu-An mới lên 4 tuổi mà chàng rất thương. Cũng như các cháu khác, chàng không cho bé Thu-An lại gần.

Trên đầu giường Bích-Khê có đặt một cái chuông, khi nào cần cái gì thì chàng nhận chuông. Bé Thu-An không được lại gần cậu, nên mỗi sáng, bé đứng ngoài phòng và nói lớn vọng vào :

— Cậu Bích-Khê ơi ! Cậu có thương Thu-An thì cậu nhận chuông lên...

Chuông reo lên, âm thanh cao lên vun vút... Chàng cảm thấy tình thương yêu tràn ngập xung quanh chàng, đi vào lòng chàng ; chàng buột miệng : « Trời ơi, tại sao ta không được sống mãi trong gia đình ấm áp này... ! »

Bệnh tình làm chàng thất vọng bao nhiêu thì hy vọng càng làm chàng cố bám lấy sự sống. Chàng hy vọng có một trường hợp màu nhiệm nào đó sẽ đến thay đổi đời sống của chàng...

VII.— những ngày cuối cùng

1945.

Một đêm có tiếng reo hò vang lên : quân Nhật đầu hàng. Sáng hôm sau, thiên hạ hay rằng có cuộc khởi nghĩa.

Bích-Khê mừng quá, bắt người nhà khiêng cả chàng nằm trên ghế bỏ ra cửa đón phong trào đương lên. Chàng nói với chị :

— Em chưa muốn chết ! Em yêu đời quá !...

Ngay lúc chàng yêu đời, yêu dân tộc đương khởi nghĩa thì chàng không thể sống được nữa... Bài thơ rải bông trong mộng năm trước lại nhắc nhở cho Bích-Khê nhớ cái chết trong mùa xuân.

Một mùa Xuân mới lại sắp tới. Chàng nói với chị : « Mùa Xuân này chẳng ? Em có linh tính... » Tháng sau, chàng đưa cho chị bài thơ « Năm mộ » và bốn câu « Đề bia trước mộ ».

Bệnh tình Bích-Khê càng ngày càng trầm trọng. Tuyệt vọng rồi ! Gia đình đã « tận nhân lực » và cũng đã biết chàng không còn sống bao lâu nữa.

Một buổi chiều, chàng nghe người ta vừa giết Tạ-Thu-Thâu, đâm ra sững sờ rồi chàng khóc !

Những ngày chàng gần cõi chết lại là những ngày chàng sáng tác nhiều nhất. Và hai tháng sau ngày khởi nghĩa và hai tháng trước ngày từ giã cõi đời, Bích-Khê niệm kinh Di-Lặc và tin tưởng ngày nhắm mắt có Phật đến rước.

Đông Chi qua, tiết Lập Xuân đến. Bích-Khê sửa soạn cái chết của chính mình. Chàng mời mẹ lên ngồi một bên, chàng nói chuyện để có dịp nhắc nhở ơn sanh thành dưỡng dục, nhất là trong những năm nằm trên giường bệnh.

Tháng 11 vừa hết, tháng Chạp âm lịch bắt đầu : chàng cho gia đình biết chàng thở hơi cuối cùng trong tháng này. Chàng mời người chị thứ sáu lên, đọc lời di chúc, nhờ chị chép lại và xin mẹ, căn dặn mẹ làm đúng theo lời tuyệt mệnh :

- 1— Khi chết không được khóc
- 2— Chết xong liệm liền, chôn liền.
- 3— Liệm rất giản dị, một tấm vải trắng đắp thi hài, một cái hòm thường, và đám tang không có kèn trống.
- 4— Bà con bạn hữu đến púng diếu, không nhận tiền bạc.
- 5— Ngày giỗ chỉ đốt hương, trầm và cắm hoa ; không được đặt đồ ăn trên bàn thờ.

6— Các tập thơ, Chi Ngọc-Sương và người anh rề là Lạc-Nhân mang quyền xuất bản.

Một buổi tối, sau khi ăn cơm xong, Bích-Khê gọi mẹ lại, âu yếm kéo mẹ ngồi một bên, nắm tay mẹ, nói rất bình tĩnh :

— Còn ba ngày nữa, con không ở với mẹ nữa. Đúng ngày Rằm thì con chết.

Rồi chàng xin mẹ mời thầy tụng kinh ba đêm ngày. Trong ba ngày này Bích-Khê chỉ xin ăn cam và sữa cốt để cho bao tử nhẹ nhàng tinh khiết. Đêm thứ ba Bích-Khê nhắm mắt nghe kinh, chốc chốc chàng mở mắt dòm chừng kim đồng hồ... khi kim đồng hồ chỉ 11 giờ 30 phút Bích-Khê thấy hơi thở mình chưa báo hiệu cho sự chết, vì chàng còn khỏe lắm. Bích-Khê tỏ ngạc nhiên bằng tiếng :
« Ừa... lạ chưa... »

Kim đồng hồ ta nặng nề đi qua như muốn kéo dài sự sống của chàng. Bích-Khê lấy làm lo ngại nói một mình : « Tôi chết đêm nay mà ! » Khi 11 giờ 45 phút Bích-Khê chỉ còn hơi thở đều đều... rất nhẹ rất mong manh... Bích - Khê bảo mẹ các chị đi ngủ nói rằng trong mình chàng nghe khỏe lắm, chàng cần ngủ một chút.

Giấc ngủ ngàn thu bắt đầu từ giây phút ấy. Lúc 12 giờ khuya, người nhà ngồi bên Bích-Khê trông thấy một vệt sáng xanh từ trong giường Bích-Khê vụt lên mái nhà...

Tiếng kinh và tiếng mõ của nhà sư vọng lên cao xung quanh chàng, và tiếng nấc nở của mọi người thân yêu lại dồn vô lồng ngực, vì ai cũng muốn giữ đúng lời di chúc của chàng.

Nhưng sau khi đây nắp hòm, và khi đất đã khóa trên cuộc đời của thi sĩ, gia đình cũng như bạn hữu không còn ai làm theo lời di chúc Bích-Khê : năm mộ vẫn được thấm tràn giòng lệ trắng. Và tiếng nức nở của người chị được kết dài thành tiếng thơ : « Khóc em »

*Tôi vừa mất một người em yêu quý
Một nàng thơ hồn trắng ý trong xanh
Một chàng trai tinh tiết vẹn nguyên lành
Say xây đắp lâu dài thơ tuyệt mỹ
Tôi vừa mất một người em tri kỷ
Bước gang hồ bàn bạc dưới vầng trăng*

Rượu thơ ngày khúc điệp nhạc cung hằng
 Tình non nước từng phen say lại lĩnh
 Ngắm bề Phan - thành, nhìn mây núi Lĩnh
 Đã từng khi khóc mướt giữa tay mềm
 Lệ đau sâu nhân nghĩa tợ ban đêm
 Nhạc trôi khúc giữa tình yêu ma quái
 Cùng nước nở khóc một thiên tình ái
 Đem bạc vàng xây mộ giữa yêu dương
 Tôi mất em là mất cả một mùa hương
 Cả ánh sáng và cả gì man mác
 Tôi mất em, ôi! cõi lòng tan nát!
 Tôi mất em! trời hỡi! tôi mất em!
 Tình lên my sâu dựng giữa màn đêm
 Tôi muốn xé tử thân ra trăm mảnh
 Tôi gào thét giữa đêm tàn trăng lạnh
 Đòi hồn em và xác thịt em tôi
 Người thi nhân trong trắng tợ mặt trời
 Sao mi nữ xây mồ ngay tuổi trẻ?
 Em chết đi bỏ lại đời một nê.
 Bao tình thương khấn khít tợ trăng sao
 Em chết đi chưa hái nụ hoa đào
 Giòng sông núi linh thương ngời cây lá.
 Em tôi chết tựa sông nhào núi ngã,
 Mắt rung rung miệng hé gọi cầm hồn
 Hồn em thiêng về với chị: Cô đơn!
 Nghe chị khóc dưới cây sầu Vĩnh biệt.

Bích-Khê mất trong thời kỳ khói lửa, nên ngày lâm chung, bạn văn thơ ở xa không ai về được. Sau đó chỉ Chế-Lan-Viên và Nguyễn-Viết-Lâm đến viếng một lần và khóc một lần.

Năm mồ được đặt trên miếng đất Hội-quán ở gần Thu - xá và luôn bao năm khói lửa chỉ một con quạ đứng im hoi...

Em tôi đã chết. Nhưng mãi đến bây giờ tôi vẫn không tin là Em tôi đã chết... Có những người khác cũng không muốn tin rằng Em tôi đã chết...

LÊ NGỌC - SƯƠNG
 (Cuối Xuân Giáp-Thìn)

ĐÌNH - CƯỜNG

thu-xà và phần mộ

b í c h - k h ê

Tôi đã đi thăm mộ Bích-Khê với Thu-An cháu gọi Bích-Khê bằng cậu. Mùa hè năm 1963, tôi từ Huế vào Quảng-ngãi rồi về Thu-xà, nơi Bích-Khê đã sinh ra, lớn lên và trở về nằm trong lòng đất vĩnh viễn ở đó. Thu-xà cách bến xe Quảng-ngãi khoảng 10 cây số. Với một con đường gồ ghề đá sỏi, hai bên là đồng lúa, rải rác có những trạm canh dân-vệ, con đường còn mang nhiều dấu vết chiến tranh, nơi một ngã tư mà Tạ-thu-Thâu đã bị bắt, thời kỳ Việt-Minh. Thu-xà là một quận lỵ gồm hai dãy phố cũ, phần đông là người Tàu đến ở buôn bán từ ngày trước, có những phố lâu hoang tàn bị bom thời kỳ 1945. Nhà Bích-Khê ở ngay phố, có một cổng dài đi vào. Tôi đến đó lúc trời nhá nhem tối. Chân đặt lên một sân trồng đầy hoa hồng, lòng băng khuâng... tôi hỏi thăm bà Ngọc-Sương, chị kế Bích-Khê và Thu-An vừa ở Sài-gòn ra. Lúc vào nhà tôi gặp ngay thân mẫu Bích-Khê với đầu tóc bạc mướt, gương mặt phúc hậu. Bà sống cùng người con trưởng và con dâu trong căn nhà lâu đời đó. Tôi được kê, căn nhà vẫn không có gì thay đổi. Nhà làm kiểu ba gian,

một chái. Gian bên trái là phòng Bích-Khê, gian giữa đặt bàn thờ, có ảnh Bích-Khê, tôi đến thắp hương. Đêm đó tôi nằm trên chiếc sập cao nơi Bích-Khê đã nằm ngày trước, với ngọn đèn dầu hỏa tôi mơ màng bóng dáng phảng phất của một người tai hoa bạc mệnh : Bích-Khê.

Gian phòng ẩm lạnh, trên chiếc sập gỗ trơn đó Bích-Khê đã trở về nằm bệnh sau bao năm giang hồ. Sáng ở đầu sông nhớ núi. Đêm nằm trong núi nhớ sông. Sức khỏe đã hao mòn dần. Suốt ngày thơ thần, ước ao gặp lại một người quen :

*« Gió về mang cả mùi lãng tằm
Buồn cất lên đèn những miếng đen
Người viễn khách, lòng sầu vạn cổ
Dặm mòn muốn gặp một người quen. »*

Thời gian này thỉnh thoảng có Quách-Tấn gửi thơ cho Bích-Khê đọc rồi họa lại, có lần Chế-Lan-Viên về thăm, Bích-Khê mừng ứa nước mắt.

Đáng kể nhất là lần người yêu trở lại Thu-xà, mặc dầu nàng đã có chồng hai con, đó là nguồn an ủi cuối cùng cho những ngày tuyệt vọng của Bích-Khê. Nh. (1) tên người yêu độc nhất của Bích-Khê, vì trắc trở gia đình không cưới nhau được, mặc dầu tình yêu vẫn nồng cháy giữa hai người. Ở lại Thu-xà chỉ vài hôm Nh. trở lại Sài-gòn, để lại cho Bích-Khê một hồn đau xác gầy. Bích-Khê tiễn nàng ra cổng với cảm giác vĩnh biệt. Cách mười hôm sau Bích-Khê nhận được cam của Nh. từ Sài-gòn gửi về và cũng từ đó Bích-Khê không bao giờ còn trông thấy bóng dáng người tình nữa.

Cơn ho lại nặng thêm. Gia đình chạy thuốc thang đầy đủ cho đến phút cuối cùng. Nhưng bệnh tình đã đến chỗ tuyệt vọng. Bích-Khê biết trước cái chết của mình nên vẫn điềm nhiên nói chuyện và an ủi gia đình. Trước hai tháng từ giã cõi đời, Bích-Khê cứ tụng niệm « Di-Lạc Tôn-Phật »

(1) Hiện bà còn sống ở Sài-gòn với hai con lớn.

và tin tưởng ngày nhắm mắt có Phật đến rước. Nhờ đức tin mãnh liệt ấy nên sự chết đối với Bích-Khê như Bích-Khê sớm trở về cái quê hương đầy hương hoa hạnh phúc.

Một tối sau khi ăn cháo xong Bích-Khê gọi mẹ lên ngồi một bên nói cho mẹ biết là còn ba ngày nữa, nhắm ngày Rằm Bích-Khê sẽ chết — Và nói cho người nhà xuống chùa Phú-thọ xin phép mời một vị sư bạn cũ của Bích-Khê lên ở với Bích-Khê ba ngày đêm đề tụng kinh cho chàng nghe. Đến đêm thứ ba thì Bích-Khê trút hơi thở cuối cùng. Đúng như lời Bích-Khê nói. Lúc ấy là 12 giờ khuya, ngày 15 tháng Chạp năm Ất Dậu (tức là ngày 17-1-1946). Cái chết đến với Bích-Khê nhẹ nhàng quá, nhưng cũng chưa xót làm sao, khiến ta nghĩ đến bệnh lao, nghĩ đến tuổi ba-mươi phải lìa bỏ cõi đời. Nghĩ đến những văn thi sĩ chung số phận: Keats sau mấy năm khắc khoải với vi trùng lao đã từ trần tại La-mã, Thạch-Lam, Vũ-Trọng-Phụng đã chết trong sự cơ hàn cay cực giữa Hà-nội.

Khi mùa xuân tới, khi cảnh vật chung quanh hồi sinh lại, thì Bích-Khê qua đời. Bích-Khê qua đời giữa mùa xuân loạn ly, ngoài gia đình chẳng có một người bạn về đưa đám.

Rồi từ đó năm mộ vẫn bằng đất nằm thật buồn qua những năm chiến tranh mà sau mười bảy năm, tôi được dịp về thăm được nằm lại trong căn phòng hoang vắng của Bích-Khê mà cửa sổ nhìn ra một sân hoa hồng, những cánh hồng mà tôi và Anne đã hái đến cắm trước mộ thi sĩ để rồi những que nhang chưa cháy hết, những trẻ chăn bò đã đến lấy mang đi...



Đã ba năm qua, từ ngày về Thu-xà, thời kỳ xe đò còn lưu thông suốt trên Quốc-lộ số 1, cho đến bây giờ bao nhiêu biến chuyển của thời cuộc. Chiến tranh lại tàn khốc hơn. Quốc-lộ số 1 bị nghẽn. Quảng-ngãi là vùng có những trận đánh lớn và gay go nhất hiện nay. Gia đình Bích-Khê còn lại

bà mẹ năm nay đã 85 tuổi cùng người anh trưởng đã dời khỏi căn nhà hân yêu ở Thu-xà để tản cư lên tỉnh. Thu-xà đã trở nên vùng đất bất an mà bom đạn đã thả xuống quanh đó.

Làm sao có lại buổi chiều dưới xóm dừa Cồ-lũy, một bến sông qua Phú-thọ, những mảng đá to nhìn xuống biển xanh. Tôi đã đứng trên cao đó nhìn về núi Thiên-Ấn, núi Thiên-Bút và dòng sông Trà - khúc uốn mình ven bãi cát trắng chạy dài.

Và phần mộ Bích-Khê nằm lại thật đìu hiu khốc thảm cạnh hàng tre già cao vút, giữa một mảnh đất của hội quán mặc cho chiến tranh tràn về. Những con chim lạ có còn về đậu trên mồ Bích-Khê và đưa trẻ với đàn bò mà tôi đã gặp ngày thăm mộ có phải lừa bò về thành phố như nhạc Sơn : *Đàn bò vào thành phố, reo buồn tiếng hạt chuông...*

Tôi nghĩ đến mộ Hàn-Mặc-Tử được xây trên Ghềnh-Ráng cao nhờ sự giúp đỡ của gia đình và bạn bè. Chiều mây về phủ trắng trên tượng Đức Mẹ và nghĩ đến một vùng mộ trồng toàn hoa violettes của thi sĩ Anh John Keats, trên bia không đề tên mà chỉ đề :

« Here lies one whose name was writ in water » (Nơi đây an nghỉ một người mà tên đã ghi trên mặt nước) đề rồi ước mong mộ Bích-Khê sớm được dời đi xây trên ngọn núi cao của tỉnh Quảng-ngãi. Để tránh những giao thông hào, những làn mưa đạn ngày đêm tràn xuống phần đất khô cằn đó.

ĐINH CƯỜNG

VĂN số 65

ĐỌC TRUYỆN JOHN UPDIKE

TAM - ÍCH

b í c h - k h ê

CÓ KHUYNH HƯỚNG CHÍNH TRỊ KHÔNG ?

*Kính mến tặng anh chị Lê-quang-
Thuần, anh chị ruột Bích-Khê.*

Bích-Khê là một thi nhân : đó là lẽ dĩ nhiên rồi. Nhưng rất ít người biết Bích-Khê là một người đã có *thái độ chính trị*. Có hẳn hơi chứ không phải có một cách thấp thoáng hay một cách mơ hồ... Nói một cách khác : ngày còn sống, nếu có ai chạm tới thái độ chính trị của chàng, chàng cãi say mê lắm — nếu cần phải cãi đến cái mức tình anh em thân hữu vì đó mà tổn thương, chàng cũng không ngần ngại. Say mê làm thơ làm sao, thì say mê cãi về vấn đề ý thức hệ như vậy : có khi cãi sai cả..... « văn phạm tranh luận » mà chàng cũng vẫn cãi. Thực ra, anh em chúng tôi hồi đó sống với Bích-Khê, không ai cãi với chàng cả, vì chàng nhỏ tuổi, lại nhỏ cả con người — nhất là ai cũng yêu thương chàng cho nên ai cũng thua chàng dứt đi, cho chàng vui. Làm một thi nhân xuất sắc là chàng đã thiệt thời nhiều rồi : ai cũng phải bù đắp : thua người ta, cho người ta tưởng là người ta

đúng, cho người ta sướng, cũng là một cách bù đắp, một cách yêu thương... Nói một cách khác : chúng tôi cũng Bích-Khê lắm... Chứ cứ cãi cho hăng thì rồi rất có thể là sút mẻ những niềm thương mến. Mà Bích-Khê thì như thế đó : sút mẻ thì sút mẻ, kệ, nếu cần phải hối hận thì rồi sẽ hối hận sau ! Hướng tâm lý ấy là một hướng nghịch chứ không phải hướng thuận — nghĩa là bất thường chứ không thường. Chẳng riêng gì với Bích-Khê : văn thi nhân hay bất kỳ một nghệ sĩ — theo nghĩa chính đáng — nào của lịch sử loài người cũng vậy cả. Malcolm Cowley, một phê bình gia Hoa-kỳ có tiếng hiện thời, nói về « kiến trúc » phân tâm lý của nhà văn thơ nói chung, cho rằng văn thi nhân cũng như bất kỳ một nhân vật thống kinh (névrose) nào... cũng như anh nghiện rượu, cũng như anh gàn gàn anh dở dở anh ương ương... Có lẽ nói vậy cũng không phải là quá đáng lắm...



Vậy Bích-Khê có khuynh hướng chính trị gì — mà mỗi khi bảo vệ khuynh hướng của mình thì lại say mê cãi như vậy ? Và khuynh hướng ấy có đúng không ? Khuynh hướng ấy từ đâu mà tới ? Trước khi nói đến ý tưởng chính trị của chàng, tôi phải nói tới một trường hợp lịch sử và xã hội của dân tộc cách đây một phần tư thế kỷ. Vào khoảng trước và sau năm 1936 là năm Mặt-trận Bình-dân lên cầm quyền ở bên Pháp.

Ở Sài-gòn, phong trào quần chúng lên cao lắm. Những lãnh tụ chính trị bấy giờ là các anh Tạ-thu-Thâu, Trần-văn-Thạch, Dương-Bạch-Mai, Hồ-hữu-Tường, Phan-văn-Hùm, v... v... Đề riêng các anh khác ra, tôi chỉ nói đến anh Thâu.

Cái anh Thâu này — hãy bỏ ra một bên vấn đề xu hướng chính trị về đệ nhị, đệ tam hay đệ tứ... hay bất kỳ một... đệ gì — , tôi xin nói thật một điều, cứ nói về tài về đức về học, mà thôi thì quả tình, phải hàng thế kỷ... một dân tộc

mới phát sinh được một người như vậy. Nói về đức nghĩa là nói về tư cách, nhân phẩm, về sự trong sạch của tâm hồn, về nếp sống bình dân, về sự lương thiện trí thức, về tinh thần quả cảm... nghĩa là về tất cả những đức tính của tâm hồn chứ không phải về những « đức tính » của quần áo và cơ thể... bề ngoài thường nhờ đến mấy cuốn luân lý giáo khoa thư phòng thủ... và bảo vệ... Quả thật là về đạo đức anh Thâu đáng có tượng đồng, đáng có bia đá. Còn cái chuyện *đệ nhị*, *đệ tam* hay *đệ tứ*, và chuyện nó đúng hay nó sai... đó lại là một chuyện tùy *kính mẩu* của mỗi người, tùy thị giác của mỗi cá nhân... chuyện đó là chuyện tôi từ chối từ lâu không lạm bàn đến nữa : đã không đủ thẩm quyền làm trò trống gì thì chỉ nên... học, và chỉ nên dựa cột, thỉnh thoảng thừa thốt... !

Tôi tin là những điều tôi nói về anh Thâu, sẽ có những người còn sống xác nhận : Nam-đình Nguyễn-thế-Phương, Huỳnh-hoài-Lạc, Văn-Hoàn, Thiệu-Võ... Vương-hồng-Sền...

Trên một chuyến tàu ở Pháp về Sài-gòn, có một giáo sư người Pháp nói với ông Phạm-duy-Khiêm cũng cùng đi một chuyến tàu ấy : « Ta-thou - Thou ? C'est un as ! Vous avez toujours quelque chose à apprendre avec lui ! » Câu ấy có ý tán tụng anh Thâu là một bậc lỗi lạc đáng làm thầy thiên hạ đã làm cho họ Phạm mới đậu Thạc-sĩ về văn phạm ở Pháp phật lòng... vì họ Phạm cũng là người tự phụ... Sau này, hai ông có gặp nhau một lần tại nhà Ông Nguyễn-văn-Nhạc (tức là anh rể của văn hữu Mặc-Đỗ của chúng ta). Hình như ông Phạm - duy - Khiêm đã thừa nhận giá trị của anh Thâu...

Chuyện này có không và có ra sao, sau này gặp ông Phạm-duy-Khiêm, chúng tôi sẽ hỏi lại. Nhưng các bạn có người kể lại như vậy.



Bích-Khê cũng như gần hết những người trí thức lương thiện á-đông, quý đức trước, quý tài sau... vì người nào mà

hữu tài vô hạnh là người tệ mất rồi, — ngưỡng mộ Tạ-thu-Thâu. Thêm một người nữa cũng ngưỡng mộ anh Thâu : kẻ viết màu hồi ký này. Chúng tôi ái mộ người rồi ái mộ luôn cả chủ trương chính trị của người. Thực ra, hồi ấy chúng tôi có hiểu đệ tứ quốc tế là cái quái gì đâu ! Sách thì đọc chẳng bao nhiêu, hiểu thì ít (vì người nào cũng mới có hơn hai chục tuổi đầu) còn về phương diện hoạt động thì có tham gia được bao nhiêu đâu — thượng số là ghé ghé nghe thiên hạ thảo luận, ghé ghé nói vài ba câu, ghé ghé đọc vài lời của Marx... Nói cho đúng Bích-Khê thì thông thái và thiết thực hơn tôi nhiều — có giá trị hơn nhiều.



Chính vì giỏi hơn tôi mà Bích-Khê thường cũng hay tranh luận về chính trị. Một sớm, chàng dịch cuốn *Retour de l'U.R.S.S.* — cùng dịch với một người bạn nữa hiện đã ra người thiên cổ. Dịch xong, chàng gửi thư cho André Gide ở Pháp đề giao thiệp. André Gide có trả lời cho chàng : tôi có đọc bức thư ấy. Gide còn khuyến khích chàng dịch thêm cuốn *Retouches au Retour de l'URSS*. Thư của Gide viết rất niềm nở và tha thiết. Bích-Khê lấy chuyện đó làm một chuyện lý thú trong đời văn chương của chàng. Bích-Khê ôm cái mộng xuất bản cuốn *Ở Nga về* — và hình như chàng đã cho làm bản kèm bức thư của Gide rồi.

Đêm đêm, Bích-Khê và tôi đem bản dịch sách của André Gide ra đối chiếu từng chữ từng câu : chữ này không ổn, câu kia không gọn, nghĩa nọ không sát... Đã làm chung đọc chung thì có cãi. Khi cãi về văn chương, Bích-Khê cũng say mê và quyết liệt như khi nói chuyện chính trị vậy. Và chúng tôi nhượng bộ chàng — nhượng bộ vì hai lẽ : một là nhượng bộ tức là cưng vì thương yêu, hai là vì Bích-Khê rất thông minh cho nên Bích-Khê thường có lý. Nói về chân dung thì Bích-Khê có cái trán gồ : đó là phản ảnh của sự bướng

bình và sự thông minh đặc biệt. Chính vì thông minh xuất sắc nên thường có lý — khi cãi. Mà đã có lý thì bướng bỉnh lại hết là bướng bỉnh mất rồi !



Cái thuyết gì đã hiểu ít mà cũng cứ theo, thì thế nào rồi một sớm cũng chỉ vì một lý do nào đó mà bỏ : gần đến ngày lịch sử năm 1945 là ngày dân tộc khởi nghĩa chống thực dân là ngày chúng tôi — Bích - Khê và tôi, chúng tôi từ giả hẳn *thái độ chính trị cũ* (cái mà thiên hạ gọi là đệ tứ quốc tế) — đề kẻ ít người nhiều, kẻ thấp người cao, kẻ lâu người mau... ai cũng tùy theo sức mọn của mình mà cùng với dân tộc chống... thực dân, tham gia kháng chiến... dưới bất kỳ một hình thức nào — kể cả những người tàn tật rồi thì chỉ còn một cách là chửi đồng như cáo hú trắng...

Cái đệ tứ quốc tế mà hai đứa chúng tôi hiểu biết không gọn, mà một sớm chúng tôi thấy rằng không thích thời nữa, trước sau gì chỉ có mấy ngày lịch sử làm cái biên giới mong manh trong thời gian, đối với hai chúng tôi, chỉ còn là một mẩu kỷ niệm rất xa xôi.



Không may cho Bích-Khê là Bích-Khê đau nặng : chàng nằm liệt trên giường bệnh. Nhưng chàng còn có một mẩu may mắn cuối cùng : chàng được nhìn dựng cờ kháng chiến rồi mới nhắm mắt. Khi chàng chết, tôi ở xa lắm : sau này, nghe một người bạn kể lại rằng, ngày chàng thấy ai nấy nô nức tung bừng khởi nghĩa vào cái ngày năm xưa năm 1945, chàng hớn hờ lắm. Chàng nhờ mẹ và chị đỡ ngồi dậy đưa ra cửa say sưa nhìn thiên hạ qua lại lao xao đi tranh đấu...

Mấy ngày sau, chàng qua đời. Bích - Khê đã được thấy

cái đẹp nhất rồi mới chết : chàng đã mãn nguyện. Còn tôi, tôi đã được nhìn cái đẹp nhất, nhưng lại không chết — còn sống để thấy cái thương tâm nhất còn kéo dài : đồng xương vô định đã...



Có ai đó đã nói rằng những kẻ sống nơi đây là những kẻ « hưởng thụ chiếu tranh ». Hình như nói vậy là có đúng một phần nào ! Gỡ tội và minh oan làm sao đây ?

Hương hồn Bích-Khê bây giờ ở nơi nao ? Anh có khôn thiêng xin chứng giám cho tấm lòng những kẻ còn sống — một sớm lững thững đi tìm cái say mê... Nếu anh còn sống, anh cãi với ai và về cái gì cho đến say mê — nếu không phải là chỉ say mê cãi với chính mình đã !

TAM - ÍCH

(Giữa mùa hè năm Ngọ)

NGUYỄN MẠNH-CÔN

1945

LẠC ĐƯỜNG VÀO LỊCH SỬ

GIAO-ĐIỂM XUẤT BẢN

HÀN-MẶC-TỬ

b í c h - k h ê
thi - sĩ thần - linh

Đề bạn đọc thấu đáo được giá trị thâm mỹ của thơ Bích-Khê, chúng tôi lục đăng dưới đây bài tựa tập thơ *TINH-HUYẾT*, viết bởi Hàn-Mặc-Tử — nhà thơ mà nổi khắc khoải siêu hình đã gây một ảnh hưởng lớn trong đường lối suy tư và sáng tác của Bích-Khê.

Hiểu được thơ Bích-Khê như Hàn-Mặc-Tử, thiết tưởng đã là « tri kỷ » lắm.

Mồng tám tết năm ngoái (1938) tôi nhận được ba bài thơ của Bích-Khê ở Phan-thiết gửi tặng tôi. Ba bài ấy đã làm cho tôi sững sốt với cái khởi điểm của một thiên tài sắp sửa...

Tôi xin trích ra đây vài đoạn ở mỗi bài :

... Là mùa xuân và là mộng, là hương ;
Là bao nhiêu rạo rức của lòng thương
Trong cát bụi như là trong xanh thẳm.

... của cỏ hoa chen rải rải ;
 Của thời gian tàn tạ lần muôn đời ;
 Của mến yêu coy đắng đọng thơm tươi ;
 Là thi tứ, là đức chung một áng.

(THI-TỨ)

Anh ghi lấy ảnh. Những đau thương
 Thấm tận lòng anh khổ chán chường.
 Anh úp mắt vào đôi mắt ấy,
 Rồi không ngăn được, lệ anh tuôn...

Nước mắt tràn trên đôi mắt ấy,
 Nào hay anh khóc, phải em đau !
 — Đời mô em khóc vì qnh khóc,
 Cho lệ lòng anh bạc vẽ sầu !

Anh không rời nữa ảnh thơ ngây,
 Và trở nên người dễ khóc lây.
 Anh khóc... mắt anh trong mắt ấy
 Đề rằng :

— Em khóc với anh đây !

(ẢNH ẤY...)

Tôi với anh không biết nhau bằng mắt,
 Nhưng hai tim đều lắng tiếng âm ty.
 Với lệ máu cùng mờ xa muôn sắc,
 Hai tim thôi đều yêu lỉm trong si !

(THỜI GIAN)

.

Chừng ấy thôi, mà tái và tình hòa hợp một cách song toàn
 rung cảm người đọc đến da diết, tê mê.

Suốt trong một năm 1938, tôi hết sức khích lệ chàng, mong
 mỗi ở chàng một thi sĩ xuất sắc, cao cường.

Cái hy vọng của tôi sốt sắng quá, nóng nảy quá, đã một lần

đưa tôi vào sự thất vọng chán chê và tức bực. Gần cuối năm ấy, chàng gửi ra cho tôi nhiều thơ, mà tôi chẳng lựa được bài nào cả. Tôi gửi trả lại chàng kèm với bức thư mà tôi đã dùng rất nhiều lời khiêu khích mỉa mai (cốt làm cho chàng tức). Quả nhiên chàng giận run người lên và vội trả lời, thề với tôi rằng : Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến làm thi sĩ nữa.

Ngờ đâu sự hăn học của chàng đã bật nẩy thiên tài của chàng ra. Không đợi đúng sáu tháng, chỉ trong vòng ba tháng thôi, chàng đã viết được một tập thơ, viết bằng máu huyết tinh túy và châu lệ, và tất cả say sưa, đắm đuối của một hồn thi sĩ.



RA ĐỜI...

Một bông lả nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc.

Ta có thể sánh văn thơ của Bích-Khê như đóa hoa thần dị ấy.

Và đem ra phân chất, ta sẽ thấy thơ chàng gồm có ba tính cách khác nhau :

- 1 — thơ tượng trưng,
- 2 — thơ huyền diệu,
- 3 — thơ truy lạc.

Lối tượng trưng và huyền diệu ngời ánh như màu sắc của Paul Valéry, cho ta nhận thấy thi sĩ đã chịu ảnh hưởng nhiều của tác giả tập thơ « Charmes ». Nhưng, chịu ảnh hưởng với một tài trí thông minh, khiến người đọc chỉ biết phục thiện mà không dám chê. Vẫn biết tài bất chước mô phỏng, ai cũng có thể làm được. Song le nếu không phải một chân tài, sự mô phỏng sẽ trở nên vụng về sống sượng. Và vì thế ta mới bảo trái lại là bất chước được như người đã sáng tác ra, hoặc có giá trị tương đương, hoặc xuất sắc hơn, là một sự khó khăn vậy. Bích-Khê là người có tài, có sẵn cái tài

đã lâu, chỉ gặp cơ hội phát triển, là bao nhiêu anh hoa đều tiết lộ ra cả. (1).

Sự phát triển bùng bột quá, dồi dào quá, sẽ đưa linh cảm chàng đến một địa hạt siêu thần hơn; thơ chàng cũng như hồn chàng, sẽ qua hết những không khí nhiệm mầu, bay cao đến tột cùng của Nước-Trời hay chìm đắm xuống đáy sâu Địa - Ngục.

Sự điên cuồng ấy uyên nguyên ở một phần thiên tài, và ở một phần của « Đau khổ ». Chàng là người đã « sống ». Những tình cảm sâu xa dù là ở cõi tiềm thức đi nữa, cũng đã hơn một lần nảy nở rồi... Tình cảm càng giàu sang bao nhiêu, tâm hồn chàng càng thanh thoát bấy nhiêu. Tư tưởng vì thế nhiều khi biến đổi bất thường, tin tưởng đó rồi lại ngờ vực liền. Với thời gian, trí tuệ sẽ tiến hóa, đi tới một mực quá khích, lay chuyển hết các sợi giây thần kinh trong người thi sĩ, xô đẩy thi sĩ đến những bờ bến xa lạ của cảm giác, đắm chiêu sa ngã vào sự khoái lạc của thần hồn cũng như của thể xác. Ở những miền thú vị chưa khai phá, thi sĩ sẽ nhờ sức truy lạc đưa đẩy tới. Là vì luôn luôn, thi sĩ khát khao hoài vọng cái mới cái đẹp, cái gì rung cảm hồn phách chàng đến tê liệt, đại khờ, dù là cái đẹp ấy là cao cả, hay đê tiện, tinh khiết hay nhơ bần, miễn là có tính chất gây nên đê mê, khoái lạc. Tới đây, ta nhận thấy văn thơ của Bích-Khê nhuộm đầy máu huyết của Baudelaire tác giả tập *Les Fleurs du Mal*. Thơ lúc ấy sẽ ham thích hết sức những cái gì thanh cao, như hương thơm nhơn đức của vị á-thánh, hay say mê điên dại cái gì hết sức tội lỗi mà người thế gian chưa từng phạm tới...



Bây giờ đây, mời các vị vào chơi vườn nghệ thuật của chàng. Trước hết, ta hãy đến khu vực Tượng-trung.

Thi sĩ Bích-Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất ảo,

(1) Xem Tiếng-Dân, ta thấy Bích-Khê đã được hoan nghênh về thơ cũ (1931-1936).

nhìn vào thực tế, thì sự thực sẽ trở thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô xang địa hạt huyền diệu...

Với những cảnh trí, sự vật rất tầm thường, hơn nữa, tội lỗi, nhuốc nha, rùng rợn mà chàng, trái lại thấy ở những chỗ ấy là cao siêu, là nhơn đức, là thơm tho, khoái lạc cả... Những bài như Sọ Người, Khách Sạn, Tranh Lỗ Thề, Trái Tim, Đồ Mi Hoa v.v., đã đưa đến cho ta những sự nhận xét rõ rệt. Thí dụ bài Sọ Người. Ta không kịp rùng rợn với mảnh óc trắng trơn, với hàm răng như tinh, thì thi sĩ đã vội bảo ta đây là bình vàng chén ngọc chứa bao chất ngọt ngào say đại, uống đến ngất người đi cả tủy thơm cả não mát.

*Ôi khối mộng của hồn thơ chênh choáng !
 Ôi buồng xuân hơ hớ cánh đào sương !
 Ôi bình vàng ! ôi chén ngọc đầy hương !
 Ôi hồ nguyệt đọng nhiều trăng lấp loáng !
 Ôi thần tình ! người chứa một trời thương.*

*Người yên tĩnh nhưng người đi muôn dặm
 Máy thu thanh hòa âm nhạc thơm tho !
 Miệng yêu kiều mơn ánh sáng say no !
 Nguồn trinh tiết gầy hồng tươi xanh thắm !
 Bầu sữa người êm mát vạn sâu lo.*

Cái sọ người không còn là cái sọ người nữa. Mất hết cả ghê rợn của sự chết, sự hãi hùng tàn phá của thời gian đối với sự vật. Để còn lại hình ảnh của khối mộng, của buồng xuân, của hồ nguyệt.

Trước kia, thối tha, nhơ nhớp bao nhiêu, thì bây giờ lại thơm tho, sạch sẽ, đến muốn cắn vào hàm răng trắng dẻ, muốn nút hết chất gì ngọt ngọt ở miệng, chất gì mát mát ở mắt, ở hai lỗ lỗ, hai cái hố sâu hoắm.

Ở Sọ Người, cũng như ở Tranh Lỗ Thề, sự trần truồng dâm dăng đã nhường lại cho ý vị nên thơ, của hương, của nhạc, của trắng, của tuyết. Quả nhiên là một sự khong khen thanh tao quá đến ngọt lịm cả người và cả thơ :

Dáng tầm xuân uốn trong tranh Tố-nữ,
 Ô tiên nương! nàng lại ngự nơi đây?
 Nàng ở mô? Xiêm áo bỏ đâu đây?
 Đến triền lâm cả tắm thân kiều diễm.
 Nàng là tuyết, hay da nàng tuyết diễm?
 Nàng là hương, hay nhan sắc lên hương?
 Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường;
 Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.
 Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc,
 Vài chút trắng say động ở làn môi.

Trục giác của thi sĩ mạnh quá đến nỗi thấy nhan sắc lên hương, thấy cả sóng nghệ thường đương nao nao gợn, và so sánh hai hàng nước mắt trong trắng của Nàng là hai chiếc đũa ngọc. Và thấy mái tóc u huyền xinh như một mùa thu mươn mướt, thi nhân bảo đấy là đêm đang ngủ mơ...

Nếu chẳng phải là một nghệ thuật siêu thần, thi nhân làm sao đưa đến một nguồn sống phong tình mà thanh khiết cho giai nhân? Đề có cái ma lực huyền diệu cảm dỗ được ngũ quan của người trần...

Sự say mê, tìm kiếm những nguồn hoan lạc vô biên đã dần dần đẩy thi nhân vào bờ bến của Huyền-diệu. Ở đây, sự mừng tượng của thi nhân lại dồi dào hơn nữa, người ta chỉ gặp toàn âm thanh đương ngã ngón, với muôn thứ xạ hương bay lảng lơ trong lồng nhạc, trong khi có hăng hà sa số là ánh hào quang va vào hồn hoa, chạm nhằm không khí lạ. Không có sự say đắm nào ở phương xa, hay sự mong nhớ nào cách biệt mà không đến đây để sum vầy, gây nên cảnh tượng đoàn viên của một mùa thơ, mùa trăng bát ngát.

Ở địa hạt Huyền-diệu, ta thấy thi nhân chú trọng về âm thanh và màu sắc. Trong khi nói đến nhạc, thi nhân nghĩ ngay đến những cung cầm chơi vui, âm điệu rung động cả không gian. Và bởi mê man với sự « nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương, » thi nhân đã sáng tạo được rất nhiều bản ca thần tình diễm ảo. Và nhạc lúc bấy giờ cũng không còn là nhạc nữa. Nó đã bay ra hương, ra hoa, ra thơm, ra mát, ra ngọt, ra ngào, ra gì mê tơi, run rẩy, hay âm

thăm nước nở, lạnh lạnh như giọng cười, mơn man như ân tình đòi hỏi...

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
 Tương tư người xưa thoi qua đây
 Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề
 Hoa vừa đưa hương gây mê

Tôi qua tìm nàng vay du dương
 Tôi mang lên lầu lên cung Thương
 Tôi không bao giờ thoi yêu nàng
 Tình tang tôi nghe như tình lang.

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
 Buồn sang cây tùng thăm đông quân
 Ô ! Hay buồn vương cây ngô đồng
 Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mệnh mộng.

(TỶ BÀ)

Đây là cả một trời yêu thương da diết, một trời tương tư, một trời âm hưởng, buồn nào buồn nê :

Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mệnh mộng

Thi nhân kéo ta đi lướt thướt trong cõi u hoài đắm thắm từ những bản đàn xôn xao hồi hộp như Tỷ-Bà, Mộng-Cầm-Ca, Hoàng-Hoa, sang qua một thế giới hào quang, nẩy cho ta nghe một điệu nhạc hiền hậu và ngọt ngào vô cùng đến tê cả lưỡi và hàm răng :

Ô ! Nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc,
 Những cánh hồng dơ, — những cánh hồng dơ
 Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương ;
 Màu trắng không gian như gợn gợn sóng.
 Từ ở phương mô nhận mang thơ về,
 Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu,
 Đây giầy trinh bạch khóc ướt trong mơ ;
 Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tờ ?
 Ô, cõi lâu mây anh gì kim cương,

Áo nàng thơ ngây nao nao nghề thường,
 Thơ bay ! thơ bay vô bàn tay ngà,
 Thơ ngà ngà say ! thơ ngà ngà say !
 - Nàng ơi ! đừng động... có nhạc trong giây,
 Nhạc gảy hoa mộng, nhạc ngát trời mây ;
 Nhạc lên cung hường, nhạc vô đảo động,
 Ô nàng tiên nương ! — Hộp nhạc đầy hương.

(NHẠC)

Đây là một lối sáng tạo, bỏ vần ở chữ thứ tư (vần giữa) ta đọc đến những câu :

Nhe nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương...
 Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tờ ? ...
 Thơ ngà ngà say ! thơ ngà ngà say ! ...
 Ô nàng tiên nương ! — hộp nhạc đầy hương.

Phải chăng ta nhận thấy sóng âm thanh xao gợn, nổi trôi, lên xuống như muôn hoa lá bị cơn gió lùa. Lời thơ rất thanh, ngào ngạt những tình ý say sưa, mát mẻ, phôi ta, tim ta, hồn ta, nở nang ra, háo hức một mối lương duyên kỳ ngộ.

Tác giả khéo dùng hơi (césure) và hạ vận ở chữ thứ tư, làm cho câu thơ nửa như riêng tây, nửa như thuận hòa...

Chưa hết ! Thi sĩ Bích - Khê vốn là tay sành âm nhạc, đã nghe quen tai những bản đàn tây như valse, menuets, sérénade, marche... đã từng linh hội và thiệp liệp đến thể cách của văn thơ Thái-tây, nên am hiểu một cách thông minh những lối sáng kiến từ điệu...

Và đây là một đoạn thơ phẳng phất như âm điệu bài « Réversibilité » và « Harmonie du soir » của Baudelaire, hay bài « Féerie » của Valéry :

Trăng gáy vàng, vàng gáy lên sắc trắng
 Của gương hồ im lặng tợ bài thơ.
 Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nặng nặng,
 Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ.

Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng

Của hồn thu đi lạc ở trong mơ...

(MỘNG-CẨM-CA)

Âm thanh là một nửa tinh thần, anh hoa của thế giới Huyền-diệu. Còn một nửa khác phải là màu sắc phương phi của khí thiêng hun đúc, rạng rỡ cả một trời lưu ly, mã não, trân châu. Hình như, đã lâu lắm, chàng thi nhân có cái ý niệm bao quát, tân kỳ, đem mình ví với một thiên tượng luôn luôn ấp ủ những khối mây huyền ảo. « Chaque être est un ciel qui fabrique indéfiniment des nuées ». Tôi ráp gần lại câu nói của Edmond Jaloux, tác giả L'Oiseau-Lyre để biểu thị cái ước mơ vô hạn của một linh hồn khát khao vàng ngọc của Nước-Trời cao cả.

Màu sắc, như ta đã thấy trong các thi phẩm đông tây đều gồm có hai tính cách :

1— Màu sắc cụ tượng,

2— Màu sắc trừu tượng.

Màu sắc cụ tượng thì lộ nguyên hình bằng bản chất của nó, như gấm, như hoa, mà ta sờ được, nắm được với đôi tay (palpable), còn màu sắc trừu tượng là thứ gì nửa thực, nửa hư, nghe, thấy, biết mà không làm chủ được nó, ví dụ : ánh sáng, hương thơm, nhạc vui, không gian, thanh khí...

Màu sắc cụ tượng rất dễ tìm, dễ kiếm, trái lại màu sắc trừu tượng rất khó sáng tạo, vì đây là cái đẹp của thơ, và phải có con mắt của thi nhân, của một kẻ siêu phàm, thoát tục mới nhận thấy cái đẹp thiêng liêng, phép tắc ấy, và mới thấu triệt hết tinh hoa của nó. Với màu sắc trừu tượng, thi nhân có cái công phu làm cho trở nên cụ tượng. Nghĩa là có thể nắm được một nạm hào quang, lùa không gian vào vạt áo, dồn kinh cầu nguyện về phương Nam, cho hai tiếng sáo đuổi nhau là là.

Bắt cái vô hình trở nên hữu hình, khiến cái chết trở nên sống, cho vật câm không còn là câm nữa.

Đây là tất cả nghệ thuật và trí tưởng tượng phi thường của thi nhân, nếu thi nhân là một thiên tài !

Bích-Khê đã tỏ cho chúng ta thấy chàng xứng đáng với hai thiên tài ấy :

*Ôi cặp mắt đa tình ngời sắc kiểm !
 Một bàn chân ve vuốt một bàn chân !
 Mát làm sao, mát rợn cả châu thân.
 Máu ứ lại, máu dồn lên giữa ngực.
 Ôi ! Thớ thịt có đàn lên cung bức.*

(BÀN CHÂN)

Bên những chữ cụ tượng cặp mắt, bàn chân, châu thân, ngực, thớ thịt, rất tầm thường không gọi cho ta được một sự rung động tâm kỳ nào cả, mà thi sĩ đã khéo đưa cho chúng một nguồn cảm giác tinh thần khiến đôi mắt ngời sắc kiểm, bàn chân được ve vuốt, châu thân mát rợn lên và thớ thịt lại có đàn lên cung bức.

Và đây là những màu sắc màu nhiệm mà trí người thường không tạo ra được :

*Lâu ai ánh gì như lưu ly ?
 Nụ cười ai trắng như hoa lê ?
 Thủy tinh ai để lòng gương hồ ?
 Không gian xa cừ hay san hô ?*

(NGHÊ THƯỜNG)

Ở khu vực tượng trưng và huyền diệu, ta đã ngợp với màu sắc chan chói, no ớn với nhạc hương dịu dàng, bây giờ ta hãy sang chơi địa hạt Truy-Lạc. Ở đấy giây thần kinh và gân huyết ta rung động say mê bởi những làn khoái lạc của xác thịt nóng, thơm, ran ran lên cả người :

*Tôi vồ người như một miếng mồi ngon ;
 Miếng ngậm hôn riết chặt lấy môi son ;
 Mắt đỏ lửa lờm qua làn sóng sắc...
 Tôi giật nảy rồi cười lên sặc sặc,
 Hai tay cào đôi vú trắng như bông...*

(XÁC THỊT)

Ở địa hạt dâm cuồng này, ta thấy thi sĩ Bích-Khê hoàn toàn

HOANG TRỌNG - MIÊN

đề bạt « *tinh - huyết* »

Tôi yêu Baudelaire đắm đuối, say sưa Hồ-xuân-Hương sôi nổi, thì Bích-Khê tung ra những lời nóng hổi, mê man nhũ cùng tôi chung một tâm tình thơ ngây ngất.

Đêm qua mộng thấy Hồ-xuân-Hương, nay tôi nhận được một bản đàn thơ xốn xan đầy máu lệ tinh túy nói đến nàng.

Vừa mơ địa ngục, tai tôi liền nghe điệu nhạc u trầm, đồng vọng cõi âm ty.

Những lời thơ bi thương, trụy lạc hiển hiện ra những hình ảnh nhuộm màu đỏ sẫm, u huyền, ánh ngọc, té ngời bắt tôi ngừng thở lắng hồn ấp ôm. Hơi hám kỳ dị, nồng nàn tằm vào những giòng tinh huyết sâu hận, kêu rêu thấm thía lòng tôi như hương vị rượu nồng mê ly, ảo não. Và dư âm xao động, run rẩy tận đáy hồn.

TINH HUYẾT vang dội một nỗi đau khổ tuyệt vọng phủ qua màu sắc trụy lạc ồ ạt như muốn chảy tràn vào đường gân, mạch máu của tôi.

Bích-Khê phô bày trần truồng những cơn ham mê, khoái lạc bão táp cuồng loạn trong tâm hồn, xác thịt ra trên mặt giấy trắng tinh, nên nhiều văn điệu dính đầy máu tử.

Sắc dục bay tỏa trong thơ chàng mãnh liệt, mùi hương nồng đượm tài hoa. Những đau đớn, tuyệt vọng, oán hận, điên cuồng nung nấu máu huyết chàng tràn ứ ra những lời thơ đam mê, khát khao bỏng bột, chói rực lạ thường.

Nhưng đứa con cưng của địa ngục trong khi đắm đuối hồn vẫn ngược mắt nhìn trời, ước ao cao cả, thiêng liêng. Và nguồn cảm hứng đã khơi mạch thơ ở những cái gì sáng láng, thanh cao. Ở đây tôi thấy Bích - Khê chịu ảnh hưởng của Hàn-Mạc-Tử, thi sĩ đau thương, huyền diệu.

Nhạc và lệ, đẹp và dâm, cuồng và ánh sáng, Bích - Khê hòa hợp thành một giọng tình huyết tân kỳ.



Tôi yêu thơ hết tận cả hồn, cả phổi, cả tim và máu huyết. Tôi say mê đắm đuối, điên cuồng vì thơ.

Ôi, những lời đau khổ, những lời yêu thương, những lời điên dại, tôi đòi hết đời để triu mến, say sưa...

Bích-Khê đã là một trong những thi sĩ tôi yêu.

TRỌNG-MIÊN

NHÀ XUẤT BẢN **SÁNG-TẠO** ĐÃ CHO PHÁT HÀNH

BỐN TÁC PHẨM MỚI:

ĐỐT BIÊN GIỚI *truyện dài* DOÃN QUỐC SỸ

DỘC ĐƯỜNG *tập truyện* THANH TÂM TUYỀN

CÁNH TAY NỔI DÀI *tập truyện* DOÃN QUỐC SỸ

ĐIỆP KHÚC TÌNH YÊU

VÀ TRÁI PHÁ

thơ

KIỆT TẤN

ĐINH - CƯỜNG

nhạc và họa trong thơ

b í c h - k h ê

Nếu nói nhạc và họa có liên lạc mật thiết với thơ, thì trong thơ Bích-Khê những tính chất ấy in đậm rõ rệt nhất. Thơ Bích-Khê có thể đứng vào dòng thơ tượng trưng, trong đó gồm có đủ những chất huyền diệu và trụy lạc.

Hàn-mặc-Tử đã ví thơ Bích-Khê như *một đóa hoa thần dị, một thứ hương quý trọng thơm đủ mọi mùi phước lộc.*

Hoài-Thanh ghi : « *Tôi đã gặp trong Tinh-Huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt-nam :* »

« Ô ! hay buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi ! Vàng rơi ! Thu mệnh mỏng »

(Thi-nhân Việt-nam — trang 237)

Cũng nên nhắc đến hai nhà thơ mà Bích-Khê đã ít nhiều chịu ảnh hưởng là Baudelaire (1821-1867) tác giả « *Les Fleurs du Mal* » (1857) mà Rimbaud đã gọi là « *Nhà tiên tri, Vua Thi-sĩ, một vị Chơn Chúa* » « *Le premier voyant, Roi des Poètes, Un Vrai Dieu* » và Paul Valéry (1871-1945) tác giả tập thơ « *Charmes* » (1922.)

Nhưng « *chịu ảnh hưởng với một tài trí thông minh, khiến người đọc chỉ biết phục thiện mà không dám chê. Vẫn biết tài bất chước mô phỏng ai cũng có thể làm được, song lẽ nếu không phải một chân tài, sự mô phỏng sẽ trở nên vụng về sỗ sàng* ».

(Hàn-Mặc-Tử — Tựa Tinh-Huyết, trang VIII)

Với *Tinh-Huyết* (1) tập thơ làm bằng tim, óc, thịt và máu, cùng những ý tưởng thanh cao và tội lỗi. Bích-Khê yêu một thể thơ trụy lạc và nghệ thuật đi đến chỗ thắm chín tuyệt đích. Thơ Bích-Khê ví như cái cầu vồng, đi từ màu trắng băng khuâng đến màu gay gắt ray rứt, điên cuồng, chỉ khi nào hiểu mới thấy được những màu kia.

Bích-Khê đã phát ra một rung động mới mẻ (*un frisson nouveau*), thường dùng những biểu tượng (*symboles*) đã diễn tả — những hình ảnh và những ý tưởng khác lạ có đủ ma lực gọi ra hay làm sáng tỏ đối tượng — Ta hãy nghe Bích-Khê bày tỏ sự trần truồng một cách rất thanh tao :

*Dáng tâm xuân uốn trong tranh Tố nữ.
Ô tiên nương ! nàng lại ngự nơi này ?
Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.
Nàng là tuyết hay da nàng tuyết diễm ?
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?
Mắt ngời châu rung ánh sáng nghệ thường ;
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.
Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc.
Vài chút trắng say động ở làn môi.*

(Tranh lửa thề — Tinh Huyết trang 41)

(1) Trọng Miên xuất-bản 1939.

Tựa của Hàn-mặc-Tử, Bạt của Trọng Miên.

Tập thơ gồm có 4 phần:

- Nhạc và Lệ, tặng Hàn-mặc-Tử (trang 23 đến trang 38)
- Đẹp và Dâm, tặng Trọng-Miên (trang 41 đến trang 54)
- Cuồng và Ánh Sáng, tặng hai anh Thoại và Hường (trang 57-81)
- Châu (trang 85 đến trang 105).

Thi sĩ họa với tiếng, tìm góp mùi hương vào trong nhịp và chữ. Với những hương, những sắc, thi sĩ đã dùng các biểu tượng « đũa ngọc » đề ví với hàng nước mắt, « tuyết » là da nàng, thi sĩ còn thấy nhan sắc lên hương và nhìn mái tóc đen mượt u huyền mà tưởng chừng như đêm đang ngủ mơ. Bài thơ có đủ vẻ huyền diệu, cảm dỗ được ngũ quan ta. Và thi sĩ tận hưởng những phong vị của Nhạc, Hoa, Trắng, Sắc một cách thanh khiết, vô tội.

Ngoài hình ảnh tân kỳ, biểu tượng đặc sắc, thơ Bích-Khê còn hay về nhạc điệu. Bích-Khê coi nhạc điệu là một yếu tố cần thiết trong việc truyền cảm. Bích-Khê đã dùng những vần, những tiếng có âm thanh phù hợp với ý để tạo ra một âm điệu thần tình. Mơn man ta như một điệu đàn ngọc, một nỗi buồn rất Đông-phương trong bài Tỳ Bà :

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
 Tương tư người xưa thôi qua đây
 Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề
 Hoa vừa đưa hương gây mê

Tôi qua tìm nàng vay du dương
 Tôi mang lên lầu lên cung Thương
 Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
 Tình lang tôi nghe như tình lang

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
 Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
 Đâu tìm đào nguyên cho xa xôi
 Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
 Buồn sang cây tùng thăm đông quân
 Ô ! Hay buồn vương cây ngô đồng
 Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mệnh mông

(Tĩnh-Huyết, trang 25)

Lời thơ êm như nhung, buồn tẻ như hoàng hôn, đắm thắm, phát từ những khúc đàn cổ như Lạc-mai-Hoa, Hoàng

Hoa, Trường-hạ Ca. Cả một trời yêu thương buồn da diết. Nhưng âm nhạc vốn là tiếng nói chung, nên Bích-Khê lại sánh cả những điệu đàn Tây-phương nữa. Bài Nhạc dưới đây với văn ý thật mới:

Ô! nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc,
 Những cánh hồng đơm, — những cánh hồng đơm
 Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương;
 Màu trắng không gian như gợn gợn sóng,
 Từ ở phương mô nhận mang thơ về,
 Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu.
 Đây giây trinh bạch khóc mướt trong mơ;
 Đây hồn ngọc thạch xanh xao như tờ?
 Ô cỏi lâu mây ánh gì kim cương,
 Áo nàng thơ ngáy nao nao nghề thường
 Thơ bay! thơ bay vô bàn tay ngà,
 Thơ ngà ngà say! thơ ngà ngà say!
 Nàng ơi! đừng động... có nhạc trong giây,
 Nhạc gảy hoa mộng, nhạc ngát trời mây;
 Nhạc lên cung hường, nhạc vô đào động,
 Ô nàng tiên nương! — lớp nhạc đầy hương.

(Tinh Huyết, trang 28)

Tác giả cho ta nghe từng âm thanh trầm bổng, xôn xao, lời thơ mát mẻ và hơi thơ lướt thướt như những bản đàn của Schumann, Beethoven, Liszt...

Và trong bài « Mộng cầm ca » có đoạn :

Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
 Của gương hồ im lặng tờ bài thơ
 Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nằng nặng
 Đây bài thơ không tiếng của đêm tờ
 Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
 Của thu hồn đi lạc ở trong mơ...

(Tinh-Huyết, trang 24)

Những chữ lập lại rất đạt, âm điệu phảng phất như âm điệu tiếng nhạc valse trong bài « Harmonie du Soir » của Baudelaire :

*Voici venir les temps où vibrant sur sa tige
Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir ;
Les sons et les parfums tournent dans l'air du soir.
Valse mélancolique et langoureux vertige !*

*Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir ;
Le violon frémit comme un cœur qu'on afflige
Valse mélancolique et langoureux vertige !
Le ciel est triste et beau comme un grand reposoir. »*

(Les Fleurs du Mal, trang 158)

Nhờ có nhạc điệu, thi sĩ đã truyền sang tâm hồn người đọc một cách dễ dàng, cho nên Bích-Khê còn là một nhạc sĩ. Ngoài âm thanh ra, Bích-Khê còn làm sáng tỏ đối tượng bằng màu sắc hoặc trừu tượng hoặc cụ thể. Khi thì huyền mơ diễm ảo, khi thì âm u chói chang.

Bích-Khê yêu cảm sắc đẹp thắm chín của đàn bà, những âm điệu êm trong cùng những cơn mê ám kỳ dị. Bích-Khê đã nói lên những sự thật vĩnh cửu qua tâm hồn mình. Đem những cái nhớ bần, những tiếng nói cảm kết thành Tình, thành Nhạc ; khiến cái vô hình trở nên hữu hình. Bích-Khê đã bày tỏ một cách độc đáo, không giống phần đông mọi người, như Valéry đã thấy : « Theo mắt tôi thấy, người ta biết thi sĩ ở những cái mà họ thờ kính và những cái phóng khoáng của họ, những cái không giống phần đông mọi người » (Le poète, à mes yeux, se connaît à ses idoles et à ses libertés, qui ne sont pas celles de la plupart).

Bích-Khê đã đem vào trong thơ những trạng thái khác thường và đặc biệt của trí não bày tả cái cụ thể rất tầm thường nhưng ta vẫn tìm được một cảm giác mới qua âm thanh rạo rực :

*Ô cặp mắt đa tình ngời sắc kiêu !
... Một bàn chân ve vuốt một bàn chân !
Mắt làm sao mắt rọi cả châu thân —
Máu ứ lại, máu dồn lên giữa ngực
Ôi ! thờ thịt có đàn lên cung-bực*

Hồn tôi ôm gót ngọc, lắng âm thanh...

(Bàn chân — Tinh-Huyết, trang 48)

Với những màu sắc màu nhiệm :

Ô trời hôm nay sao mà xanh!
Ngọc trắng xây vàng trên muôn cảnh
Nhưng mây tê ngời sao kim cương,
Đa lan tê ngời sang men hương ;

Lâu ai ánh gì như lưu ly?
Nu cười ai trắng như hoa lê?
Thủy tinh ai để lòng gương hồ?
Không gian xà cừ hay san hô?

(Nghê-Thường — Tinh-Huyết, trang 37)

Thơ Bích-Khê là cái hộp đề của muôn vạn sự thắc mắc, xao xuyến trong lòng, trong hồn, trong da thịt, với màu sắc đậm đà, với âm thanh huyền diệu, đã đem lại cho người đọc một cảm giác hứng thú mà trong đó hồn thơ, điệu thơ, ý thơ đã gây nên bởi cái cảm giác thông minh, thành thực, thơ siêu việt của Philippe Soupault cũng bắt đầu bằng cái thực — Do đó những hồn khát khao nguồn Đẹp tìm thấy ở Bích-Khê sự khoái trá vô cùng. « Bích-Khê muôn đi đến chỗ người ta thường cho là cao nhất trong thơ tượng trưng : Mallarmé, Valéry ».

(Hoài-Thanh — Thi-nhân Việt-nam, trang 33)

Bích-Khê là một người đã sống, đã đụng chạm tội lỗi và thanh cao, vật dục và tinh thần. Thi sĩ đã hưởng thú truy lạc đã đắm chìm vào ảo mộng có khi đến phi luân. Nhưng vì « Dù phải bị tử hình hay truy lạc, thơ không thể hòa hợp khoa học hay luân lý. Thơ không có thực tế làm đôi tượng, thơ chỉ là thơ » (La poésie ne peut pas, sous peine de mort ou de déchéance, s'assimiler à la science ou à la morale. Elle n'a pas la Vérité pour objet, elle n'a qu'Elle-même.) Baudelaire — Les Fleurs du Mal, trang 23) Đây là cơn mê của người ham khoái lạc, với đôi mắt đỏ ngầu,  :

Tôi vô người như một miếng mồi ngon ;
Miếng ngậm hôn riết chặt lấy môi son !
Mắt đỏ lửa lờm qua làn sóng sắc...

đã viết trong lời tựa : « gọi đục tình thì ít mà làm cho người ta ghê rợn đến gớm guộc cái cảnh trần trướng khả ô thì nhiều. »

(Tinh Huyết — trang XVII)

Những Nhạc và Lệ, Đẹp và Dâm-cuồng và Ánh-sáng và Châu hợp lại thành một dòng Tinh-Huyết, mà Bích-Khê đã say mê đắm đuối đến điên cuồng vì thơ :

« Ta là thơ ! Phàm tục hãy qui y

Ta sáng suốt chiếu ra màu Phật tánh »



Sau mấy năm khắc khoải với vi trùng lao Bích-Khê đã nằm xuống. Nhưng tiếng thơ Bích-Khê ở mãi trong lòng trần gian. Đời Bích-Khê ngắn ngủi, buồn đau, tuy được mẹ và chị chịu đựng. Nhưng dù buồn đau, Bích-Khê cũng đã hướng lòng lên cao đề đạt đến cái Đẹp và cái Thực. Bích-Khê đã sống và chỉ sống vì Thơ. Với thể thơ cao kỳ, thông thái, đầy sự điêu luyện và tìm kiếm, Bích-Khê đã mượn tất cả những danh từ riêng, lấy tất cả những nhạc điệu, màu sắc để diễn tả những lời tâm sự sâu kín của linh hồn, những lời thú thật của sự ham muốn già dặn và những cơn mê ám kỳ dị quanh sự cuồng loạn của thể xác. Bích-Khê đã làm đọng lại tất cả những sự vật chung quanh vào trong cái Tinh-Hoa thuần túy.

Phải chăng cuộc đời ngắn ngủi và tính cách thuần túy của thơ đã khiến chúng ta mến cảm và yêu thơ Bích-Khê ? Trong làng thơ Tây-phương lắm thi sĩ tiếng tăm lừng lẫy, không phải vì đã bày ra một chủ nghĩa gì. Người ta yêu thơ Francis Jammes, Tristan Derème, Henri de Régnier vì đó là thơ, thơ của muôn đời.

ĐÌNH CƯỜNG

● t h ơ b í c h - k h ê ●

L.T.S. — Trong khi chờ đợi gia đình cố thi sĩ Bích-Khê cho xuất bản hai tập thơ Tình-huyết và Tình-hoa, chúng tôi trích đăng dưới đây một số bài thơ tiêu biểu của ông.

c u ối t h u

Đêm nay hồn lặng làm sao !
Cánh thu ôm cả chiêm bao vào lòng.
Sao xanh lọt phím tơ đồng,
Gió ơ là gió buồn đông thổi về.
Không gian mưa lệ dầm đìa ;
Dầy sân trắng toát hoa lê đầu mùa.
Trời lam ử đặc tình thu,
Ô kia ! mây bạc nặng lửa về tây.
Hồn sao không động mà say !
Chà đôi chim khướu nó bay tung trời...
Nhạc đâu bỗng vót từng khơi,
Hồn theo với nhạc, hồn ơ là hồn
Buồn thôi như rượu thấm dòn,
Lên men nồng khướt, xoay tròn trên không.

hàn-mặc-tử

Bóng nào nhợt như ma
 Khắp châu thân hồn hèn
 Huyền hồ nhìn không ra
 Lưu luyến dường thiết tha
 Chờm chờm trên giường bệnh
 Bóng nào nhợt như ma
 Khắp châu thân thấp thênh
 Huyền hồ nhìn không ra ?

Hay là tôi hóa hai
 Đã chết đi một nửa
 Hay là trời ban mai
 Bị mù sương vây bủa
 Làm buồn ngập hoàng hôn
 Ánh hưởng tới linh hồn
 Tiêu tụy !

Hiện ra hình ủy mị ?

Bóng nào trắng dần ra
 Trên đầu đơm vòng hoa
 Khắp thân in màu tuyết,
 Tỏ tỏ gần như nguyệt
 Biếc biếc gần như thu
 Đều quy trên nét mặt

— Hoàng hôn mai mờ sắc
Buồn ban mai trắng ra
Ôi, ôi không là ma
Đừng nhìn trong ý tứ
Quanh quẽ nhìn không ra
Gần rồi không còn xa :
HÀN MẠC TỬ !

Châu lệ thắm tình say
Gặp gỡ có hôm nay
Chiêm bao ngày liền ngày
Ngoài mình ai mà hay !
« Anh ơi từ đâu đến ?
« Em buồn em đang bệnh !
« Anh ơi sao ra hai
« Huyền hồ trong phổi thai
« Hóa thân trong phương phi
« Người em rày mệt quá
« Mà nay gặp cố tri
« Hai tay đây rả rả !
« Diu lấy cùng nhau đi. »

Lời nứt ra hơi hương
Diu diu tỏa trong buồng
« Anh ơi tôi mới đến
« Là hiện thân của bệnh
« Quặn quại đau xót xa
« Máu mủ nhìn không ra !

« Giờ phương phi phương phi !
« Là hình thơ tinh vi
« Là hình thơ quy y
« Mướt trong màu tuyết vẽ !
« Hai ta đều quanh quẽ
« Đứt ruột nhớ thương nhau
« Nấn ná sẽ lìa nhau
« Chiêm bao còn thấy nhau ! »

Rùng mình ta nhìn ra
Huyền hồ đã như ma !
— Ôi không phải là ma,
« Gần sao mà còn xa ?
« Lại đâu là quê nhà
« HÀN MẠC TỬ ! HÀN MẠC TỬ !
« Quy hòa ! Quy hòa ! »

nghe nhà lảng giềng gáy đờn

(Thoát ý bốn câu sau bài
Văn gia lân lý tranh của
Tư An Trình đời Đường.)

Khúc xong luống tưởng cau mây
Lại e điệu rục lạnh tay ngọc liễn
Mấy tầng khóa bạc nghe im,
Thôi thà về ngủ để nhìn trong mơ.

xuân tượng trưng

Hồi lời ca man dại
 Điệu nhạc thổi hơi rừng
 — Đêm nay xuân đã lại
 Thuần túy và tượng trưng —
 Nâng lên nức vũ đôi
 Sữa trắng nhi nhĩ giọt
 Bay qua cụm liễu khơi
 Những cườm tay diềm hột
 Sương phất phơ lau lách
 Khẽ uốn mình giai nhân
 Đường non khéo điêu khắc
 Những dáng hình khỏa thân
 Lụa mây nảy vàng chạm
 Tia ngọc bèn màu ngân...
 Chủ xuân đang triển lãm
 Lời ca như hạc theo
 Gió lên tình mùa reo
 Những điệu vàng châu báu
 Đường có con chim báu
 Rửa cánh trên ngai lòng
 Lẻ xẻ màu lông công
 Vườn thơm khua sắc mát
 Rong uốn vóc từng cong
 Áo bạch mai khoát khoát
 Môi đào chờ khoái lạc...
 Hồn tôi như đỉnh hương
 Bốc lên mình thánh giá!
 Ý xuân mát đến xương
 Ngậm tuyết phun lã chã.

tiếng đàn mưa

Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng
 Mưa xuống lâu, mưa xuống thềm lan,
 Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn
 Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân

Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống
 Cùng nước non mưa rụng hoa xuân
 Mưa rơi ngoài nội trên ngàn
 Nghe trong ý khách giọt đàn mưa rơi

Đầm mưa xuống, nẻo đời mưa xuống
 Bóng dương tà... rụng bóng tà dương,
 Hoa xuân rơi với bóng dương,
 Mưa trong ý khách, mưa cùng nước non.

Rơi hoa hết mưa còn rả rích,
 Càng mưa rơi càng tịch bóng dương,
 Bóng dương với khách tha hương
 Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.

t ý b à

Nàng ơi! tay đêm đương giăng mềm
 Trắng đan qua cảnh muôn tơ êm
 Mây nhung pha màu thu trên trời
 Sương lam phơi màu thu muôn nơi

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
 Tương tư người xưa thôi qua đây
 Ôi! nàng năm xưa quên lời thề
 Hoa vừa đưa hương gây mê mê

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
 Cây đàn yêu đương run trong mơ
 Hồn về trên môi kêu : em ơi

Tôi qua tim nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung thương
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm đào nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu
Sao tôi không màng kêu : em yêu
Trăng nay không màng như trăng thiêu
Đêm nay không nàng như đêm hiu

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ô ! hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! vàng rơi ! thu mệnh mộng.

với cả tình hấp dẫn vị băng trinh

Với cả tình hấp dẫn vị băng trinh
 Với cả tình thôi miên trí óc mình
 Ôi ! ngáy ngất trong nguồn sương khói mộng
 Thần kinh hệ muốn giãy chiều rùng động
 Đề van lơn niềm lệ khóc khôn ngừng
 Nơi cõi lòng đầy đặc ứ muôn xuân
 Nơi khi rả tỉnh sâu và tuyết lạnh
 Nơi khi rả tỉnh sâu và máu lạnh
 Tôi dường nghe trong một phút mê man
 Hồn thanh thiên cho đến phách dương gian
 Đều vỡ lở cho rung rinh thần thức
 — Một thế giới mờ đi trong sáng đục
 Và im hơi cho xuất khí âm hư...
 Sao ? Màu vàng vẫn vút lấy màu thơ
 Với tình tiết và tên hoa vô thượng
 Với đôi mắt đẹp cam trong sắc tượng
 Biến ra châu nguyên vẹn cốt thiên đàng
 Nên thiên tài đang tắm ở suối vàng
 Theo trực giác bay lên nguồn ngọc lệ
 Cho đã khát trong đê mê huyền bí
 Ánh tiên tri nức nở sóng anh linh
 Đường kinh tuyến hút nhiễm chất vô hình
 Dẫn địa ngục đi vào đôi giếng loạn ?

d u y t â n

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới
 Của lời thơ lóng đẹp — Hạt châu trong —
 Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng
 Tràng âm hưởng như chiều thu sóng nắng
 Trong vòm xanh — Màu cười màu bình lặng
 Gây phương phi : chiếu sáng ngả sang mờ
 Vì hình dung những sắc mát, non, tơ
 Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một
 Hoàng hôn — Ôi, đàn môi, chim báu tốt :
 Chữ biến hình ảnh mới lúc trong ngâm,
 Chữ trong vắt sáng nghệ thuật sâu cam
 Đầy thắm mỹ như một pho thần tượng
 Lúc trong ngâm giữa kho vàng mộng tưởng
 Múa song song : khiêu vũ giữa đêm hồng
 (Những con cừu tim trẻ mướt như lông
 — Men da thịt lên lần sa lụa mỏng
 Mỗi con cừu bốc lên men hy vọng...)
 Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Thơ —
 Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ
 Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc
 Bằng hơi mộng hàm răng, tản mát

Mộng ?

Thiên tài ?

— Trên hỗn độn khỏa thân

Đẹp tỷ mỹ, hồi rung động truyền thần

Rong âm nhạc của lòng trai ấp mái.

Người hoa điệu với thiên nhiên, ăn ái

Buồn, và xanh trời (tôi trôi với bờ

Êm biếc — khóc với thu : lời ủa ngó

Vàng — khi cách biệt giữa hồn xây mộ —

Tình hôm qua dài hôm nay thương nhớ,

Im lặng nhìn bông ý, lặng lẽ lên

Những dáng hình thanh khí...) giữa mộng mênh,

Đường nhiếp ảnh, sắc khua màu — Tiếng thở

Hồi hội họa, đến muôn đời, nước nở !

Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Ta

Lời nối lời bố thí lột tình hoa

Của âm điệu mơ màng run lay bấy :

Một hỗn độn đẹp xô bồ say dậy

Bằng cảm tình bằng hình ảnh yêu thương

Và mới mẻ — trên viên cổ đông phương

(Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật ?)

Thơ lửa thể ! giai nhân tuần trăng mặt,

Nữ thần ơi ! ta nô lệ bên người.

l à n g e m

Nơi đây : làng cũ buồn thu quanh !

Anh có khi nào trở lại chưa ?

Ngày đi chậm lắm, giòng sông biếc

Hừng sáng trong trời sợi sợi mưa

Nơi đây : thành phố đời ngưng mạch

Mấy nàng lai khách vẫn buồn mơ

Đường lên hội quán sương khuya xuống

Đâu mấy chàng trai rồi nhớ hồ ?

Anh có khi nào còn trở lại

Chờ lúc hoàng hôn trăng đã lên

Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy

Khóm lan thơm nặng khí ưu phiền

Là lúc đêm về trên mái ngói

Những nhành nhãn muôn cánh giời bay

Em đang nôi bệnh trong phòng vắng

Tình đậm theo trăng sáng sáng đầy...

● m u c t h u ờ n g x u y ê n ●

FRANÇOISE SAGAN

buồn ơi, bắt tay

LÊ HUY-OANH dịch

CHƯƠNG III (*)

Sáng hôm sau, một ánh nắng xuyên ngang và nóng đánh thức tôi dậy ; ánh nắng ấy tràn ngập giường tôi, làm tan những giấc mộng lạ kỳ và hơi lộn xộn trong đó tôi đã vùng vẫy giãy dụa. Trong lúc nửa thức nửa ngủ, tôi đã cố dùng bàn tay xua đẩy cái sức nóng khàn khoản đó khỏi mặt, rồi tôi từ bỏ nó. Mười giờ. Tôi mặc pi-gia-ma xuống hàng hiên và gặp Anne ở đó đang lật những trang báo. Tôi nhận thấy nàng trang điểm một cách sơ sài nhưng hoàn hảo. Chắc hẳn nàng chưa bao giờ tự thuận cho mình hưởng những kỳ nghỉ hè thật sự. Vì nàng không để ý đến tôi, nên tôi tới ngồi êm tỉnh ở một bậc hè với một tách cà-phê, một trái cam và cắt những miếng thú vị đầu của buổi sáng : tôi cắn trái cam, một tia nước cốt ngọt ngào vọt vào miệng tôi ; một ngum cà-phê đen nóng tiếp ngay theo đấy, và rồi đến cái mát rượi của trái cây một lần nữa. Mặt trời ban mai hun nóng tóc tôi, làm mất những vết nhăn mà tấm khăn trải giường đã làm hằn trên da tôi. Tôi định năm phút nữa sẽ đi tắm. Tiếng nói của Anne làm tôi giật nảy :

(*) Hai chương đầu, xin xem trong VĂN số 45.

« Cécile, em không ăn sao ? »

— Buổi sáng, tôi ưa uống hơn bởi vì...

— Em phải thêm ba kí nữa mới coi được. Má em hóp và người ta thấy cả những xương sườn của em. Vậy hãy đi kiếm bánh phết bơ. »

Tôi khần khoản nài nỉ đừng bắt tôi ăn bánh phết bơ và khi nài nỉ sắp sửa chứng tỏ cho tôi hiểu rằng bánh phết bơ là cần thiết thì cha tôi xuất hiện trong bộ áo ngủ lông lầy có những chấm nhỏ.

« Cái cảnh đẹp đẽ chưa kia, ông nói ; hai cô gái nhỏ tóc nâu dưới ánh nắng đang nói về bánh phết bơ. »

— Than ôi, chỉ có một cô gái nhỏ thôi ! Anne vừa nói vừa cười. Tôi bằng tuổi anh, anh Raymond đáng thương của tôi ạ. »

Cha tôi nghiêng mình và cầm tay nàng.

« Luôn luôn ác như vậy », ông nói một cách âu yếm và tôi thấy những mu mắt của Anne chớp chớp như dưới một cái vuốt ve bất ngờ. Tôi lợi dụng cái đó để lần đi. Trong cầu thang tôi gặp Elsa. Rõ ràng là nàng vừa ở trong giường ra, những mu mắt mọng lên, cặp môi nhợt trong bộ mặt đỏ xẫm vì những ánh nắng. Suýt nữa tôi giữ nàng lại bảo nàng hay rằng Anne đang ở dưới nhà với bộ mặt sạch sẽ và được săn sóc kỹ càng, rằng Anne sắp đi phôi nắng một cách có tiết độ để da dễ khỏi bị hư hại. Suýt nữa tôi bảo Elsa phải đề phòng. Nhưng chắc hẳn Elsa chẳng lưu tâm đến điều ấy : nàng hai mươi chín tuổi, trẻ hơn Anne mười ba tuổi và sự kiện này có vẻ là một lợi điểm lớn của nàng.

Tôi lấy áo tắm và chạy ra vũng nước. Điều bất ngờ đối với tôi là Cyril đã ở đó rồi, đang ngồi trên thuyền của chàng. Chàng tới gặp tôi, vẻ nghiêm trang và cầm lấy tay tôi :

« Anh muốn xin lỗi em về chuyện hôm qua, » chàng nói.

— Lỗi tại em mà, » tôi nói.

Tôi tuyệt nhiên không cảm thấy bức bối gì cả và cái vẻ trịnh trọng của chàng khiến tôi ngạc nhiên.

trang sách của Bergson với những dòng chữ đen đập vào mắt tôi và tiếng cười của Cyril dưới kia... Ý nghĩ này khiến tôi hoảng sợ. Tôi lân la đến gần Anne, khẽ gọi nàng. Nàng mở mắt. Tôi vừa cúi bộ mặt lo lắng cầu khẩn xuống nàng, vừa làm hõm thêm má để làm ra vẻ một người mệt mỏi quá độ vì làm việc nhiều bằng trí óc.

« Anne, tôi nói, cô đừng bắt tôi làm điều ấy nhé, đừng bắt tôi học giữa những cơn nóng nực này... Kỳ nghỉ hè này có thể sẽ rất ích lợi cho sức khỏe cho tôi... »

Nàng đắm đắm nhìn tôi một lát rồi vừa mỉm cười một cách bí mật vừa quay đầu đi.

« Tôi phải bắt em làm "điều ấy"... ngay cả giữa những cơn nóng nực này, như em nói. Em chỉ giận tôi trong vòng hai ngày thôi, tôi vốn biết em, và em sẽ thi đậu. »

« Có những chuyện mà trong đó người ta không thể tự ép mình được », tôi nói không cười.

Nàng ném cho tôi một cái nhìn vui thích và ngạo mạn và tôi lại nằm xuống cát, lòng đầy lo âu. Elsa nói ba hoa về những buổi hội hè ở bờ biển. Nhưng cha tôi không nghe nàng nói : nằm ở cái đỉnh hình tam giác mà ba thân thể của họ làm thành, ông ngó cái dáng trông nghiêng của Anne, ngó đôi vai nàng, với những cái nhìn đắm đắm, không nao núng mà tôi nhận ra. Bàn tay ông xò ra rồi nằm lại trên cát trong một cử chỉ dịu dàng, đều đặn không mệt mỏi. Tôi chạy ra phía biển vừa nhào xuống đó vừa thở than về kỳ nghỉ hè mà chúng tôi sẽ có thể có, mà chúng tôi sẽ có thể không có. Chúng tôi có tất cả những yếu tố của một thảm kịch : một người đàn ông quyến rũ đàn bà, một ả nửa điểm đảng và một người đàn bà có đầu óc. Tôi nhận thấy dưới đáy biển một cái vỏ sò rất đẹp, một hòn đá hồng và xanh lơ ; tôi lặn xuống lấy nó và giữ nó trong tay cho đến tận bữa cơm trưa. Tôi quyết định rằng nó là một cái bùa hạnh phúc và suốt mùa hè sẽ không rời bỏ nó. Tôi không biết tại sao tôi đã không mất nó, như tôi mất tất cả. Giờ đây nó ở trong bàn tay tôi, hồng và ấm, nó khiến tôi muốn khóc.

CHƯƠNG IV

Trong những ngày tiếp theo, điều khiến tôi ngạc nhiên hơn cả chính là sự tử tế quá đáng của Anne đối với Elsa. Sau rất nhiều những lời khờ khạo làm sáng rực lời đàm thoại của nàng, nàng không hề phát biểu một trong những câu ngắn này mà nàng biết sự bí mật của nó và hẳn là chúng sẽ khiến cho cô Elsa khốn khổ thành lỗ bịch. Trong thâm tâm, tôi khen ngợi sự kiên nhẫn và sự quảng đại của nàng, tôi không biết rằng sự khôn khéo được hòa trộn kỹ càng vào đó. Nếu nó diễn ra thì hẳn là cha tôi sẽ mau chán về cái trò chơi nhỏ mọn độc ác ấy. Trái lại, cha tôi biết ơn nàng và ông không biết phải làm gì để bày tỏ với nàng sự biết ơn. Đáng khác sự biết ơn này chỉ là một cái cớ. Không nghi ngờ gì là ông đã nói với nàng như với một người đàn bà rất đáng kính, như với một bà mẹ thứ hai của con gái ông : ông dùng ngay cả lá bài này, không ngừng có cái vẻ đặt tôi dưới sự coi sóc của Anne, khiến nàng trở thành kẻ hơi có trách nhiệm về tôi, dường như để tới gần nàng hơn, để ràng buộc nàng vào chúng tôi một cách chặt chẽ hơn. Nhưng đối với nàng, ông có những cái nhìn, những cử chỉ dành cho một người đàn bà mà người ta không biết và người ta muốn biết — trong lạc thú. Đôi khi tôi chợt nhận thấy những dáng vẻ đó ở Cyril, chúng khiến tôi vừa muốn trốn lánh vừa muốn khiêu khích. Trên điểm này, hẳn tôi dễ bị ảnh hưởng hơn Anne. Đối với cha tôi, nàng tỏ ra đứng đưng và tử tế một cách điềm nhiên, điều khiến tôi an lòng. Từ điều đó tôi đi tới chỗ tin rằng ngày đầu tiên tôi đã nhầm lẫn, tôi không thấy rằng sự tử tế rõ ràng ấy đã kích thích mạnh cha tôi. Và nhất là những vẻ im lặng của nàng... những vẻ im lặng rất tự nhiên, rất thanh lịch của nàng. Cùng với sự nói riu rít không ngừng của Elsa, chúng tạo thành một thứ đối ngẫu như mặt trời và bóng tối. Nàng Elsa khốn khổ.. nàng quả thật không nghi ngại gì cả, nàng vẫn cứ bông bột và náo động, cũng vẫn luôn luôn bị mặt trời làm mất vẻ tươi tắn. Tuy nhiên, một hôm, hẳn là nàng đã hiểu, đã chặn đón một cái nhìn của cha tôi; trước bữa ăn trưa, tôi thấy nàng ghé vào tai ông

nói thì thầm một điều gì đó : lát sau, ông có vẻ phật ý, ngạc nhiên, rồi vừa có vẻ ưng thuận vừa mỉm cười. Tới lúc uống cà-phê, Elsa đứng dậy và, khi tới cửa, nàng vừa quay về phía chúng tôi với vẻ uể oải mà tôi đoán chừng là nàng học đòi theo kiểu ciné Hoa - kỳ, vừa đặt vào giọng nàng cái lẳng lơ mười năm theo lối pháp :

« Đến với em không, Raymond ? »

Cha tôi đứng dậy, gần như đỏ mặt và vừa đi theo nàng vừa nói về những lợi ích của sự ngủ trưa. Anne không nhúc nhích. Điều thuốc lá của nàng cháy trên những đầu ngón tay nàng. Tôi cảm thấy bị bó buộc phải nói một cái gì :

« Người ta nói rằng giấc ngủ trưa rất có lợi cho sự nghỉ ngơi lấy lại sức, nhưng tôi tin rằng đó chỉ là một ý tưởng sai lầm... »

Tôi ngừng lại ngay, ý thức được sự lờ mờ của câu tôi nói.

« Thôi đừng nói nữa, » Anne nói một cách khô khan.

Nàng đã không thấy sự thiếu ý nghĩa rõ rệt của câu nói. Nàng đã thấy ngay sự bông đùa thiếu lương khiếu. Tôi ngó nàng. Nàng có một khuôn mặt cố ý bình thản và vui tươi khiến tôi cảm động. Có thể là lúc này nàng đang ghen tị với Elsa một cách sôi nổi. Để yên ủi nàng, tôi vụt có một ý nghĩ đều giả, và cái ý nghĩ này làm tôi khoái cũng như tất cả những ý nghĩ đều giả khác mà tôi có thể có : điều này hiến cho tôi một thứ tin tưởng say sưa, một thứ đồng lõa say sưa với chính tôi. Tôi không thể ngăn cản mình lớn tiếng phát biểu ý nghĩ đó :

« Hãy lưu ý là những vết sây xát trên người Elsa do ánh mặt trời gây ra sẽ khiến cho cái giấc trưa kiểu này không làm sượng khoái lắm đâu, với nàng cũng như với ông ấy. »

Đúng ra tôi nên im lặng thì hơn.

« Tôi không ưa cái ý nghĩ như vậy, Anne nói. Ở tuổi em nghĩ như vậy thì còn quá hơn cả đàn độn. Ý nghĩ đó chương đến không chịu nổi. »

Đột nhiên tôi bực tức :

Nàng quay bộ mặt bức bối về phía tôi. Tôi xin lỗi nàng ngay. Nàng lại nhắm mắt và bắt đầu nói bằng một giọng trầm trầm, kiên nhẫn :

« Em có một ý tưởng hơi thô thiển về ái tình. Nó không phải là một chuỗi những cảm giác không phụ thuộc vào nhau... »

Tôi nghĩ rằng tất cả những mối tình của tôi đã như vậy. Một cảm xúc đột ngột trước một khuôn mặt, một cử chỉ, dưới một cái hôn... Những lúc vui vẻ tung bừng, không ăn nhập gì với nhau, chính là tất cả cái kỷ niệm mà tôi có.

« Ái tình là một cái khác thể, Anne nói. Có sự thương yêu bền lâu, sự êm ái, sự thiếu thốn... Những cái mà em không thể hiểu được. »

Nàng dùng bàn tay làm một cử chỉ thoái thác và cầm lấy một tờ báo. Tôi thích nàng nổi giận hơn, tôi muốn nàng ra khỏi cái vẻ thản nhiên nhẫn nại trước cái bình bất túc về tình cảm của tôi. Tôi nghĩ rằng nàng có lý, rằng tôi sống như một con vật, tùy theo những kẻ khác, rằng tôi đáng thương và hèn yếu. Tôi tự khinh và điều này khiến tôi khổ cực một cách ghê sợ bởi tôi không quen với nó, thật ra tôi không phán đoán tôi về cả điều tốt lẫn điều xấu. Tôi lên phòng tôi, tôi mơ mộng. Bên dưới tôi những tấm chăn giường ấm áp, tôi hãy còn nghe thấy những lời của Anne : « Cái khác ấy chính là sự thiếu thốn. » Có bao giờ tôi thiếu thốn ai đâu ?

Ngày nay tôi không còn nhớ tới những chuyện rắc rối xảy ra trong mười lăm ngày đó nữa. Tôi đã nói rồi, tôi không muốn nhìn thấy bất cứ cái gì có vẻ rõ ràng, có tính cách đe dọa. Chắc chắn rằng tôi chỉ nhớ rõ những chuyện xảy ra sau kỳ nghỉ hè bởi lúc ấy tôi mới dùng hết khả năng, mới chú hết tâm trí để nhớ. Nhưng ba tuần lễ ấy, ba tuần lễ chung cục đáng kể là sung sướng... Không nhớ rõ là ngày nào cha tôi nói một cách rõ ràng cái miệng của Anne, cái ngày mà ông vừa lớn tiếng trách nàng về cái tính dửng dưng vừa làm ra vẻ cười nhạo cái tính ấy ? Cái ngày mà ông so sánh — mà không mỉm cười về sự so sánh này — sự tế nhị của nàng với sự khờ khạo nửa chừng của Elsa ? Tôi đã bình tĩnh với cái ý tưởng ngốc nghếch là họ đã biết nhau từ mười lăm năm và nếu họ yêu

là kẻ đầu tiên. Làm sao biết được rằng mình không có bạn hữu? Giản dị lắm, ngài ạ: tôi khám phá ra được điều này vào bữa tối nghĩ tới việc quyền sanh để chọc họ chơi, có thể gọi là để làm tội họ. Nhưng mà làm tội ai kia chứ? Bất quá là sẽ có năm ba kẻ lấy làm chung hứng sùng sốt; chẳng một ai cảm thấy mình bị làm tội cả. Tôi chợt hiểu rằng mình không có bạn hữu. Và chẳng, cho dầu có bạn hữu đi nữa, tôi cũng chả đi tới đâu hơn. Ví thử có thể tự tử mà còn trông thấy được bộ dáng của họ sau đó, thì vâng, bấy giờ mới thật bỗ công, mới thật đáng liêu. Nhưng mà ngài ạ, cát bụi hằng tối đen; ván mộc, dây, và đục mờ là vải liệm. Còn con mắt của linh hồn, vâng, hẳn thế, nếu có linh hồn, và nếu linh hồn có mắt (5)! Thế nhưng có chuyện như vậy, không có điều gì lấy làm chắc, không bao giờ có điều gì lấy làm chắc. Bởi chưng không vậy, thì tất sẽ có một ngõ ra, thì tất chúng ta sẽ có thể khiến kẻ khác tin thật ở mình. Tâm lí con người là chỉ tin các nguyên cớ dẫn ngài đến chỗ quyền sanh, lời nói ngay thật và nỗi niềm khổ cực trầm trọng của ngài, qua cái chết của chính ngài mà thôi. Ngài còn sống ngày nào, là trường hợp của ngài còn đáng ngờ ngày nấy, ngài chỉ đón nhận được ở họ độc có thái độ hoài nghi mà thôi. Vậy nên, giả dụ chúng ta tin chắc được dầu chỉ mỗi một điều rằng mình có cơ thường ngoạn trò đời, thì hẳn là nó cũng đáng để chúng ta chứng minh cho họ thấy điều mà họ nhứt quyết không chịu tin lấy làm bằng và cũng đáng để chúng ta khiến cho họ lấy làm kinh ngạc.

(5) Nguyên văn: *Les yeux de l'âme, oui, sans doute, s'il y a une âme et si elle a des yeux*. Câu này được cấu tạo dựa theo câu ngạn ngữ: *Les yeux sont le miroir de l'âme* (Mắt là tấm kiếng phản chiếu tâm hồn con người). Nhưng trong khi câu ngạn ngữ thâm hạp ý nghĩa vào mỗi một việc nhận xét thường tình, thì câu văn của Albert Camus, ngược lại, phát biểu tư tưởng của một kẻ vô thần (đoạn sau của câu văn... *nếu có linh hồn, và nếu linh hồn có mắt!* là câu thông bộc lộ rõ rệt thái độ hoài nghi của tác giả trước sự thể gọi là *linh hồn* — từ *âme* trong câu văn của Albert Camus, phải hiểu với nghĩa tôn giáo của nó.) Chúng ta biết chủ nghĩa hiện sinh Albert Camus thuộc dòng hiện sinh vô thần.

Nhưng một khi ngài đã tự hủy, thì dầu họ có tin lời nói của ngài hay không, cũng chẳng hệ trọng gì: ngài có còn ở đó nữa đâu mà hòng đón nhận cái vẻ kinh ngạc và nỗi niềm ân hận vốn cũng rất mực chóng tàn của họ, mà hòng, tóm lại, đúng theo niềm mơ ước của mỗi người chúng ta, chứng kiến đám tang của chính mình. Muốn hết bị ngờ, chúng ta buộc phải hết hiện hữu, có vậy thôi (6).

Vả chẳng, như vậy chẳng là tốt hơn sao? Ví bằng không, thì chúng ta sẽ phải đau khổ vì thái độ hững hờ lạnh nhạt của họ đến ngàn nào. “Đề rồi ba coi!”, cô con gái nói như vậy với người cha đã cản không cho cô lấy anh chàng tình si có mái tóc quá ư chải chuốt. Thế rồi cô quyên sinh. Và người cha chẳng có coi ra coi vào gì cả. Ông vốn mê câu cá theo kiểu kéo mồi (7). Chỉ ba tuần sau, ông quay trở về với dòng sông, đề quên, ông bảo vậy. Lời suy định của ông quả đúng, ông quên thật tình. Nói nào ngay, trái lại thì mới thật là điều đáng ngạc nhiên (8). Ngài cứ ngỡ chết đi là

(6) Kể từ năm 1950, Albert Camus rút lui ra khỏi trường chánh trị. Thái độ xuất này đã bị giới khuynh tả ở Pháp, đặc biệt là nhóm *les Temps Modernes* (Thời Mới) của Jean-Paul Sartre và nhóm *France - Observateur* (Quan sát Pháp-quốc) của Claude Bourdet, xem như một hành động phản bội và ngờ là đương sự đồng lõa với phe phản động và giới khuynh hữu. Câu văn trên bộc lộ nỗi niềm chua chát của Albert Camus.

(7) Tạm dịch: *pêche au lancer*. Câu cá theo kiểu kéo mồi: quăng mồi thật xa ra giữa dòng nước, rồi quay ống cuộn dây kéo mồi lần lần vào bờ, cá tưởng mồi sống vọt theo đớp là mắc lưỡi câu. Kiểu câu này dành để câu loại cá ăn mồi sống. Nó đòi hỏi ở người câu nhiều đức nhẫn nại và chịu khó, và thường được xem như một trò thể thao bổ ích.

(8) Câu chuyện tình trắc trở thuật lại trên đây, Albert Camus đã chép theo một tin vặt đã được đăng tải trên báo chí Pháp khoảng 1954-1955, và sửa đổi chút ít trong mục đích nêu lên khía cạnh chóng quên của người cha. Chúng tôi rất tiếc không đủ điều kiện tìm đến tận gốc câu chuyện tình này, xin bạn đọc thể tình lượng thứ.

làm tội bà vợ, nào dè chính là trả lại tự do cho thị. Thà không nhìn thấy chuyện đó còn hơn. Ấy là không nói tới việc ngài rất có thể còn phải nghe thấy những nguyên cớ họ gán cho cử chỉ của ngài. Riêng phần tôi, thì tôi đã nghe thấy các nguyên cớ này rồi : « Y quyền sanh là vì không gánh nổi việc... ». Ôi chao, ngài ạ, con người quả tình nghèo óc phát kiến biết chừng nào ! Họ cứ tưởng là người ta tự tử vì một nguyên cớ duy nhất. Song le người ta vẫn có thể tự tử vì những hai nguyên cớ. Không đâu, ngài ạ, họ không tài nào hiểu được như vậy đâu. Vậy thì ích gì mà tự ý đi tìm cái chết, hiến thân cho hình ảnh mình muốn họ nhìn thấy ở mình ? Ngài tắt thở, là họ lợi dụng ngay sự thể đó mà gán cho cử chỉ của ngài nhiều động cơ tầm ruồng, thô tục. Những kẻ tuân tiết anh hùng, ngài ạ, họ phải biết lựa chọn : hoặc bị lãng quên, hoặc bị chế diễu, hoặc bị lợi dụng. Còn được hiểu thấu tâm can, thì đừng có trông.

Gia di, chúng ta hãy đi thẳng vào đề, tôi vốn rất yêu đời, nhược điểm của tôi thật sự nằm ở chỗ nào. Tôi yêu nó ngày nào còn chưa mừng tượng được những gì không phải là chính nó. Một sự tham lam háo hức ngần ấy tất mang sắc thái của lớp bản dân, ngài không nhận thấy như vậy sao ? Giới quý phái không hề mừng tượng tới mình mà không lách khỏi chính mình và đời mình đôi chút. Họ dám chết khi cần chết, thà xương tan thịt nát chớ không chịu qui phục. Tôi, thì tôi qui phục, bởi chưng tôi vẫn yêu mình tiếp tục. Chẳng hạn, sau mọi sự việc đã kể hầu ngài, ngài tưởng tôi cảm thấy như thế nào trong lòng ? Kinh tởm mình chẳng ? Không đâu, ngài ạ, tôi kinh tởm là kinh tởm kẻ khác kia. Nói nào ngay, thì tôi cũng biết rõ mình yếu đuối bạc nhược ở chỗ nào và lấy làm ân hận lắm. Vậy mà tôi vẫn cứ tiếp tục quên chúng như thường, với một sức kiên trì cũng khá đáng khen. Còn khi xét tội kẻ khác thì, ngược lại, lòng tôi không lúc nào ngưng nghỉ đứt đoạn. Ngài lấy làm chướng tai, tất nhiên như vậy rồi ? Chắc ngài nghĩ rằng nó không hợp lí chút nào ? Nhưng vấn đề đâu phải xử sự trước sau cho hợp lí. Vấn đề là chui lòn cho lọt qua được, và nhất là, vâng, đúng thế, ngài ạ, nhất là né tránh mọi lời xét xử. Tôi không bao né tránh mọi hình phạt. Bởi chưng hình phạt không kèm lờ

xét xử, chúng ta vẫn có thể kham nổi. Và chẳng, nó còn mang một danh từ khác, bảo đảm cho lòng dạ trong trắng vô tội của chúng ta: xấu số. Không đâu, ngài ạ, vấn đề ngược lại là lánh khỏi mọi lời xét xử, là tránh bị xét xử liền tay, sao cho câu phán quyết không hề được thốt ra.

(Còn tiếp.)

ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO dịch

ĐÃ TÁI - BẢN :

ZEN VÀ DƯỠNG-SINH

do ông THÁI-KHẮC-LỄ biên soạn

nói về lý thuyết và cách thực hành phép ăn chay bí truyền của các võ sĩ Nhu-Đạo và các vị Thiền-sư Nhật-Bản có công năng cải tạo sinh lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí nhớ, chữa lành tất cả các bệnh tật nan y như đau tim, bón, mất ngủ, áp huyết cao, ung thư, ho lao, phong cùi, suyễn, bại, điên cuồng, bị phóng xạ nguyên tử v.v....

Sách tái-bản có sửa chữa và bổ túc nên dày đến 330 trang.

Giá bán : 85\$00

Thư từ xin gởi về :

Ông PHẠM-CHÂU

hoặc : Ông TÔN-THẮT-HANH

Thư-viện Đại-học

số 6, Thoại-Ngọc-Hầu

HUẾ

GIA-ĐỊNH

SƠ-DẠ-HƯƠNG

những con dã tràng

Villa trông ra biển. Tường phía trước thấp. Gió từ biển tới, vượt qua một khoảng vườn nhỏ mang những chiếc lá vàng trải lên thềm nhà. Con đường nhựa đen đũi, lăm lẹ chạy dài xuống cuối thành phố. Bên kia con đường là bãi biển, cát trắng và nóng. Xa hơn, về phía trái, nơi bắt đầu con đường, con sông nhỏ đổ nước ra biển làm đỏ lờ lờ một vùng. Xa hơn nữa, cuối tầm mắt nhìn, một ngọn núi nằm trơ trọi, hình dáng thô kệch. Buổi tối, những người dân ở sườn núi thường đốt rừng làm rẫy ; xa trông thấy như một con rắn đỏ lập lòe.

Một chiếc xe ngựa đậu dưới bóng cây lớn ở trước cổng ra vào.

Hai dãy nhà nhỏ chạy dài ra vườn sau. Phòng V. ở cuối một dãy. Những cây phi lao đứng im lìm ở ngoài vườn.

Buổi chiều đầu tiên, C. nói với tôi V. là con gái lớn của bà chủ nhà. Chúng tôi đứng ở cuối vườn. Bấy giờ gió thổi mạnh, cành lá xào xạc ở phía trên đầu. Những cây phi lao ở trong vườn ngập ngừng chuyển mình, nửa muốn phụ họa cùng tiếng gió thổi, nửa muốn kéo dài giấc ngủ im lìm buổi trưa. V. cùng một đứa em nhỏ đang đánh đu ở phía trước.

Hàng cây che lấp một phần cái nhìn của tôi. Mỗi lần chiếc đu trở lui về phía sau, thân hình người con gái lại hiện ra giữa hai thân cây phi lao, hiện ra rồi mất đi một cách đều đặn. Tiếng cười ròn nhẹ và ấm vọng đến chỗ chúng tôi. Rồi gió thổi mạnh hơn làm át đi tất cả ; trong gió có lẫn lộn những con vật bé li ti, những chiếc lá cây và những hạt cát nhỏ. Tôi dựa lưng vào thân cây phi lao và bỗng nhận ra đời sống vô vị, buồn nản của tôi, một đời sống không có gì để nhớ lại và không có gì để mong ước hoặc chờ đợi ; tôi chờ đợi những lần chiếc đu trở lui về phía sau và cố nén cơn ho thường lệ buổi chiều. Tôi nghĩ đến những lần tự nhiên thức giấc trong đêm khuya, trong lúc tất cả mọi người đều yên ngủ, tôi lặng lẽ nghe tôi nặng nề thở và mệt nhọc sống. Khi người bác sĩ báo tin tôi mắc bệnh, tôi cảm ơn ông ta đã dặn dò chu đáo cẩn thận và hỏi xin ông ta một liều thuốc lá. Buổi chiều hôm đó tôi đi coi một phim trinh thám. Khi nhân vật chính trong phim ngã gục xuống vì trúng đạn, tôi bỏ ra về. Buổi tối tôi viết thư cho L. « Em có hiểu thế nào là thần tượng không ? Yêu một người con gái, một người con gái quen biết từ nhỏ, cùng lớn lên, cùng sợ hãi đời sống, tình cờ một bữa gặp người con gái đó ở trong tay một gã khác, một gã khác không phải là mình. Thần tượng bị phá vỡ hoàn toàn và đột nhiên tôi thấy lỗ bịch, lỗ bịch vô cùng. »

Lá thư đầy sự giả tạo. Ghen tuông, tôi đã lựa chọn sự tầm thường và tự hạ. Nhiều lần tôi tự hỏi tại sao tôi không nói rõ cùng nàng tôi bệnh tật và từ chối những cảm tình của nàng. Khi tựa lưng vào thân cây phi lao, tôi bỗng nhiên hiểu lẽ mờ tại sao tôi đã xử sự như vậy. Một lần tôi vào một xóm chơi bời, đi theo một đứa con gái đến một căn phòng nhỏ, hơi hám, chật hẹp. Một ngọn đèn dầu le lói chiếu sáng, căn phòng đỏ lòe đỏ. Khi tôi quay lại nhìn, người con gái đã nằm trên giường, thản nhiên như không hề ý đến sự có mặt của tôi. Đúng lúc đó tôi nhớ đến một buổi tối ở nhà L. Lúc đó L. đang ngủ. Nàng ngồi choàng dậy thảng thốt nói : Không ! Ai dạy anh làm vậy ? » Tôi cười gượng gạo : « Đó

chỉ là một sự khám phá bản thân, khám phá thấy thân thể em và thân thể anh.» Tôi nói gần như thét với đứa con gái : « Cởi quần áo ra », sự hồ thẹn theo tôi đến tận lúc đó.

Buổi chiều chúng tôi đi dạo chơi trên bờ biển. Biển xanh xăm, i ăm, âm thanh dài như không bao giờ dứt. C. nói : « Bà chủ tỏ vẻ mến cậu ». Tôi định nói : « Như vậy tôi có thể ở đây lâu », tôi không nói gì. Khi cười, C. có vẻ đang điểm, sở khanh, giống như một gã đi cậu của mấy bà già.

Cả hai đều yên lặng. Tôi nghĩ đến sáng nay, tôi thức giấc vào khoảng bốn giờ, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ và tự hỏi nếu tôi đang quỳ cầu nguyện. Tôi nghĩ đến T. Nó yêu một đứa con gái, ít lâu sau đứa con gái bỏ đi lấy chồng. Trước đó hai đứa thường rủ nhau vào nhà thờ cầu nguyện. Tôi nghĩ nếu Thượng-đế phải dậy sớm vì những chuyện tương tự như vậy, Pauvre Dieu, tôi mỉm cười. Sự thực, tôi ít nghĩ đến những chuyện đó, có lẽ bởi vì chưa có dịp phải nghĩ đến. T. bảo tôi : « Như vậy người ta mù tịt về thân phận mình ». Tôi trả lời : « Chính vì mù tịt mà người ta hạnh phúc có. Bởi vì ít ra người ta cũng cảm thấy tự do trong quãng đời ngắn ngủi đó. » T. nói thêm : « Nhưng còn sự chết... »

Sự chết, tôi vẫn thường nghĩ đến. Hồi nhỏ, khi còn ở Hà-nội, một lần đứa cháu gái tôi bị bệnh nặng. Nó bắt tôi phải ngồi bên cạnh nó, phải kể chuyện cho nó nghe, hoặc phải nghe nó đòi món quà này, món quà nọ. Còn nhỏ, ham chơi, tôi chờ nó mệt, ngủ thiếp đi và lên đi chơi cùng với một đứa bạn ở gần nhà. Hai đứa rủ nhau lên Bách-thảo đi lang thang ở trong vườn. Đang đi, đột nhiên tôi nghĩ đến nó, và tôi thấy nó đang chết và đang gọi tên tôi. Tôi chạy vội trở về nhà, bắt kịp xe cộ, mất hết cảm giác và ý thức. Về đến cửa nhà, nghe tiếng chị tôi khóc lóc kể lẽ, tôi lùi thúi bỏ đi. Những ngày sau đó, tôi thường bị ám ảnh bởi cái chết của nó. Tôi tưởng tượng đến những giờ phút cuối cùng mà nó phải chịu đựng, phải chống cự để vượt khỏi biên giới của sự sống và sự chết, hoặc bước hẳn sang phía bên kia, hoặc

ở lại. Chắc cha tôi cũng đã trải qua những giờ phút tương tự như vậy. Khi còn sống, ông làm nghề dạy học và bị thủ tiêu vì vấn đề chính trị, đảng phái, hồi đầu năm 1945. Người ta nói cha tôi bị cột đá vào người rồi bị đem bỏ xuống sông. Những ngày sau khi nghe chuyện đó, mỗi lần đi bơi lội với chúng bạn, tôi thường lặn sâu xuống nước rồi cố gắng nín thở thật lâu. Những lúc đó tôi thường nghĩ đến cha tôi, nghĩ đến những giờ phút cuối cùng mà người phải chịu đựng.

C. từ biệt tôi để đi lễ và hỏi tôi có thể đi cùng. Tôi lắc đầu và gọi mua một gói lạc rang. Người đàn ông bán hàng làm tôi nhớ đến người Tàu già bán lạc rang ở bờ hồ Hà-nội. Tôi có nhiều kỷ niệm về cái thành phố nhỏ bé và cũ kỹ đó. Nhà tôi ở Bạch-mai, gần ngay bên đường xe điện chạy. Tôi thường tinh nghịch để những viên sỏi nhỏ lên trên đường sắt rồi hồi hộp chờ đợi những chuyến xe. Rồi những buổi học đi thật sớm để lượm lặt những trái sấu chín rụng trước khi người phu quét đường có thì giờ thu dọn thành phố. Những lần theo bè bạn đi bắn chim ở bờ sông, ở vườn Bách-thảo. Và những lần trở về tay không, chúng tôi tiêu khiển bằng cách bắn vỡ những khung cửa kính của những căn nhà lầu rồi sau đó cầm cờ bỏ chạy. Những buổi tối lạnh đến nỗi không dám thò đầu ra khỏi chăn. Những buổi sáng đi học đứng co ro ở đầu đường chờ xe điện, hai hàm răng đập vào nhau lập cập. Tuổi thơ thường đẹp và dễ làm người ta xúc động khi nhớ lại, hoặc khó chịu hoặc cảm động. Một vài hình ảnh, một vài âm thanh thỉnh thoảng vẫn còn trở lại. Một cây cầu, một Tháp Rùa, tiếng còi 10 giờ sáng, tiếng chuông xe điện... Suốt thời ấu thơ tôi bị chiếc xe điện mê hoặc, quyến rũ. Một lần trốn vé xe, tôi cùng một thằng bé đánh giầy ngồi ở cuối tàu, nơi dùng để nối hai toa xe lại với nhau. Thằng bé đánh giầy nơi nó thường ngồi như vậy, ngay cả những khi có đủ tiền mua vé xe. Hôm đó trời lạnh, tôi đội một chiếc mũ béret dạ đen, một tay nắm vào thanh sắt, một tay cầm cặp sách vở. Thằng bé đánh giầy đầu tóc bù xù, một tay ôm

hộp đồ nghề, một tay cầm khúc bánh mì, mồm nhai ngồm ngoàm. Những người đi đường nhìn chúng tôi với vẻ buồn cười, ngạc nhiên. Lúc đầu tôi rất sợ, nhưng dần dần cảm thấy thích thú. Bỗng nhiên tôi nhớ lại được một đoạn nhạc tôi vẫn ưa thích tuy đã quên mất từ lâu. Tôi hát nho nhỏ, đều lắc la lắc lư theo điệu hát. Thằng bé đánh giầy nhìn tôi cười ngặt nghẽo. Tôi tức giận, hát thật lớn, vừa hát vừa đập vào thành xe ầm ầm. Bỗng tôi cảm thấy đầu lạnh lạnh. Tôi ngừng lên và thấy người xoát vé đương giận dữ nhìn tôi, một tay ông ta cầm chiếc mũ dạ. Thằng bé đánh giầy vẫn tiếp tục cười, tôi thôi không hát nữa, và cũng ngừng không đập vào thành xe. Cuối cùng không biết nghĩ sao người xoát vé xe vớt chiếc mũ dạ xuống đường. Xe lúc đó đang chạy nhanh. Tôi cúi xuống nhìn con đường nhựa chạy vùn vụt. Tôi sợ hãi không dám nhảy xuống đề lượm chiếc mũ. Tôi nhìn thằng bé đánh giầy tỏ vẻ cầu cứu. Nó nhảy xuống chạy tới nhặt chiếc mũ đội lên đầu, rồi nhìn tôi nhe răng cười, tỏ vẻ chế nhạo. Sau đó, thỉnh thoảng tôi vẫn gặp nó quanh quần nơi khu tôi ở, đầu đội chiếc mũ dạ của tôi. Mỗi lần thoáng nhìn thấy nó tôi đã vội lần tránh, và chỉ sợ nó nhận ra tôi.

Bãi biển vắng. Trước mặt tôi, mấy gã con trai đang chuyền banh. Bất chợt trái banh rớt gần chân tôi. Tôi đá trở lại và cười gượng gạo cùng lũ trẻ. Tôi nín cười và bỏ đi. Nhiều tiếng cười đuổi theo sau lưng. Một người ăn mày ngồi trên bãi cát, chìa tay chờ đợi. Tôi cho tay vào túi quần định kiểm đồng bạc. Cuối cùng tôi để yên tay trong túi, những đồng bạc va chạm kêu nhè nhẹ. Một người Tây già nằm trên chiếc ghế vải. Tôi định đến gần châm điếu thuốc hút nhưng ngần ngại. Điếu thuốc trên tay người đàn ông ngoại quốc chậm chạp vẽ những đường cong đều đặn, tay còn lại bỏ thông xuống cát, buổi chiều sắp tàn, tất cả những cái đó gọi là sự ngần ngại của tôi. Nhưng con dã tràng lẳng quẳng bò trên cát. Tôi đi theo một con. Khi con vật nhỏ bé chui xuống một cái lỗ nhỏ, tôi dừng lại chờ đợi. Nhưng tôi không

hiều tôi đang chờ đợi điều gì, tôi chờ đợi con vật nhỏ bé
ló đầu ra khỏi nơi ẩn náu hay tôi chờ đợi một chuyện nào
đó sắp xảy ra. Tôi bỏ đi, *chẳng còn gì nữa, buổi chiều hết rồi.*
Về tới cổng nhà, tôi gặp bà chủ nhà cùng người con gái lớn.
Bà mẹ nói tỏ ý hy vọng tôi sẽ thích nơi này. Bà ta kể
chuyện có một đứa con trai chết vì bệnh lao cách đây ít lâu
(nó khoảng tuổi cậu, cũng ham học, thật tội nghiệp). Người
con gái lớn đứng im lặng nhìn ra biển, tôi bỗng nói tôi không thể
làm sống lại người đã chết, *tóc xõa che lấp cả khuôn mặt, con*
mắt sâu và đen, và hơn nữa tôi không muốn ngồi vào chỗ của
người khác, *cúi xuống nhặt một viên sỏi, ném ra xa, cử chỉ lạnh*
lùng, người đàn bà ngạc nhiên nhìn tôi. Tôi nói thêm tôi
không thể xin lỗi bà ta được rồi sau đó thất thểu trở về
phòng.

SƠ-DẠ-HƯƠNG

— Quý vị muốn tìm hiểu văn học, triết học, nghệ
thuật... của Phật giáo ?

— Quý vị muốn nghiên cứu văn học và Phật học
Việt-nam ?

Hãy tìm đọc :

v a n h a n h

Tạp chí nghiên cứu phát huy văn hóa Phật-giáo] và
Dân-tộc.

Số 15, phát hành ngày 8-8-1966

thơ mừng - mán

• quê hương sau cùng

khi chàng trở về nằm yên trong áo quan
 chàng nhủ thầm đây là quê hương sau cùng của chàng
 những cây nến ngày đêm cháy lay lắt
 những vòng hoa đứng nghiêm chỉnh chào
 chàng vẫn không hiểu tại sao nàng lại khóc lóc
 và tâm hồn chàng bỗng giá băng

chàng muốn ôm nàng dỗ dành
 nhưng đôi tay đã trở nên đờ đẫn

khi chàng trở về nằm yên trong lòng đất
 chàng nhủ thầm đây là quê hương vĩnh viễn của chàng
 lũ dun đế ngày đêm ca hát
 cỏ rào kín cõi lòng chàng biến thành khu rừng cấm
 trái tim bỗng nảy mầm tốt tươi
 ôm ấp những giọt nước mắt nàng như những viên
 hồng ngọc
 cùng một nỗi vô vọng căm

khi chàng trở về nằm yên trong kỷ ức nàng
 thì một cơn bão thổi qua
 thổi qua làm tâm hồn chàng trống rỗng như chiếc vỏ ốc
 chiếc vỏ ốc còn hai sợi râu mong manh
 đan thành dấu nhân trên môi nàng
 làm dấu hôn từ biệt.

● những sớm mai Việt-nam

khi ngày bắt đầu phát hỏa
 khi bản tin chiến sự thứ nhất được loan đi trên đài
 phát thanh
 và có rất nhiều chiếc oanh tạc cơ bay ngang trên bầu trời
 để bắt đầu một buổi sáng Việt-nam

thì trong những căn phòng màu hồng nào đó
 những đứa con gái sẽ trở dậy vuốt tóc soi gương
 trong những khu công viên nào đó
 những gã thất nghiệp sẽ bắt đầu một ngày tha thẩn
 trong những cánh đồng nào đó
 những gã chăn vịt sẽ lừa vịt qua sông
 trong những cánh rừng nào đó
 sẽ có rất nhiều người tiếp tục ngã xuống bên chiến xa
 hầm hố

ôi những buổi sáng Việt-nam chiến tranh
 người mẹ già đun nồi khoai
 mỗi mắt chờ thằng con mấy năm chưa thấy về

ôi những buổi sáng Việt-nam mùa đông
 người cha gù lưng trên đồng chua nước mặn
 những buổi sáng bắt đầu
 khi bản tin chiến sự thứ nhất được loan đi trên đài
 phát thanh
 khi trong những căn phòng màu hồng nào đó
 những đứa con gái phấn son nhét vội tiền vào soutien tiền
 khách ra cửa

ôi những buổi sáng Việt-nam
 chói chang da vàng máu đỏ
 nước mắt và mồ hôi.

M. M.



GIẢI ĐÁP THẮC MẮC BẠN ĐỌC

LÊ NGỌC - TRỤ

* Bạn Tam-Ích, nhà văn, Sài-gòn hỏi :

1) Theo sách vở thì Lữ-Bất-Vi đời Chiến-quốc giao cho tân-khách của ông ta soạn bộ Lã (Lữ) Thị Xuân-Thu ; về sau khi các nhà trí thức trong hàng tân-khách của họ Lữ soạn xong thì Bất-Vi tuyên bố sẽ thưởng ngàn vàng cho ai sửa được một chữ — nghĩa là cứ mỗi chữ sửa được là một ngàn, hai chữ hai ngàn... v.v.

Vậy bộ sách ấy vào thời nhà Tần, đã gây những trường-hợp nào lý-thù trong văn-học ? (Chẳng hạn như có ai chữa được chữ nào không ?). Từ thời ấy đến hiện-đại, bộ sách ấy gặp những biến-cố gì ? Hiện thời nó ở đâu và trở nên sách gì với cái tên gì... Một bộ sách mà một chữ đáng một ngàn vàng hẳn là không thể một sớm mai một, kè cả là nó trở nên « hủ » đối với hiện-đại... không để lại một dấu vết gì.

TRẢ LỜI :

Có hai thoại về bộ Lã (Lữ) thị Xuân-Thu : thoại thứ nhất nói bộ sách soạn hồi Lữ Bất-Vi làm tướng quốc nước Tần ; thoại thứ nhì, nói sách soạn hồi lúc Bất-Vi sang Thục.

1 — Sử chép Lữ Bất-Vi liệt truyện :

« Nhằm lúc thái tử Chính được lập làm vua, Lữ Bất-Vi, một đại thương gia ở đất Dương-địch (tỉnh Hà-nam), được tôn làm tướng quốc và hiệu xưng Trọng-Phủ.

« Thời bấy giờ, nước Ngụy có Tín-Lãng-Quân, nước Sở có Xuân-Thân-Quân, nước Triệu có Bình-Nguyên-Quân, nước Tề có Mạnh-Thường-Quân đều là người biết hạ mình kính trọng kẻ si đề
... thiên hạ về với mình. Lữ Bất-Vi thấy nước

Tần lớn, mạnh mà thua các nước khác thì lấy làm hổ thẹn nên cũng nhiệt tâm đón rước tân khách các nước về Tần có tới ba ngàn người.

« Những tay có tài biện thuyết nổi tiếng khắp chư hầu hồi đó rất nhiều, như bọn ông Tuân-Khanh làm sách tuug ra khắp thiên hạ, khiến họ Lữ phải thúc đẩy bọn tân khách của mình, ai nấy cùng gom góp sở văn, sở kiến làm thành một bộ gồm 26 quyển, chia làm 3 phần : « *Bát lãm* », « *Lục luận* », « *Thập nhị kỷ* » tất cả 160 thiên, trên 20 vạn lời, bao hàm các việc cồ kim muôn vật trong trời đất, và mạng danh là *Lã (Lữ) thị Xuân-Thu*.

« Khi sách soạn xong, đem bày ra ngoài cửa thành Hàm-dương cho thiên hạ xem, trên sách có treo ngàn lượng vàng, mời chư hầu du si tân khách, hễ ai có thể thêm bớt được một chữ thì trao tặng số vàng ấy. Thời bấy giờ, chẳng có ai có thể thêm bớt được. »

Cao-Dụ đời Hán chú giải và huân hồ bộ sách này, cho rằng : « Không phải là không có ai có thể sửa đổi, chẳng qua là người thời bấy giờ ai cũng sợ cái thế (của Bất-Vi) mà thôi. Xét như việc ngày trước, bài luận của Trương-Hầu được đời quý trọng, tập chú thích *Ngũ-Kinh* của Thôi-Hạo được các học giả chuộng ưa, cái thế của hai người ấy còn khiến cho sách được lưu truyền đến như thế, huống chi kẻ có quyền vị tốt bậc như Lữ Bất-Vi thì các học giả dám đâu nghịch ý gã mà nghĩ đến chuyện sửa chữa câu sách làm gì ? »

2— Thoại thứ nhì, theo Thái-Sử-công tự tựa, và sách *Hán-thư*, *Tư-Mã-Thiên truyện*, thì *Lã-thị Xuân-Thu* (cũng gọi *Lã-lãm*) làm ra vào thời kỳ Bất-Vi thiên sang đất Thục (Bất-Vi thiên Thục thế truyền *Lã-lãm*)

Thoại này, Phương-Hiểu-Nhu, đời Minh đả kích, cho lời chép của Thái-Sử-công là sai. Ông viết : « Sách *Lã-thị Xuân-thu* có 12 « *kỷ* », 8 « *lãm* », 6 « *luận* », gồm 160 thiên. Đây là cuốn sách của Lữ Bất-Vi, khi làm tướng quốc nước Tần, khiến bọn tân khách làm ra. Thái-Sử-công lại chép rằng : « Bất-Vi khi sang đất Thục làm ra sách *Lã-lãm* ». Ôi ! Bất-Vi vì bị nghi phải bỏ nước Tần mà đi được hơn một năm, sợ tội, phải uống thuốc độc tự tử, thì làm gì có tân

khách, và còn thì giờ đâu mà soạn sách ! Hơn nữa, Sử lại chép : « Bất-Vi khi soạn sách xong có bày ra ngoài cửa thành Hàm-dương cho thiên hạ xem, và treo trên đó ngàn vàng để thưởng cho người nào thêm bớt được một chữ », thì Bất-Vi lúc này đã sang Thục, còn bày sách làm sao được ở thành Hàm-dương. Lấy đó mà suy, sách này tất phải làm ra từ hồi Bất-Vi còn là tướng quốc nước Tần, mà Thái-Sử-công đã chép sai là làm vào hồi Bất-Vi bị thiên sang Thục. »

— Về số quyển của bộ sách này thì phần lớn những kinh tịch đều ghi : 26 quyển ; bộ *Trực trai thư lục giải đề tạp gia loại* ghi tới 36 quyển, còn bộ *Văn-hiến thông khảo, Kinh tịch tạp gia loại* lại ghi có 20 quyển.

Tóm lại, *Lã-thị Xuân-thu*, cũng gọi *Lã-lâm* gồm 26 (hai mươi sáu) quyển. Theo tựa sách cổ đề là Lữ (Lã) Bất-Vi đời Tần soạn. Nhưng thật ra, do Bất-Vi sai các tân khách của ông làm ra, khoảng năm thứ tám đời Tần-Thỉ-Hoàng (239 trước Chúa Giáng-sinh). Sách phân làm ba phần : *Thập nhị kỷ* (63 thiên), *Bát lâm* (61 thiên), và *Lục luận* (63 thiên), tất cả 160 thiên, gồm hơn 20 vạn lời. Đại đề lấy thuyết nho gia làm chủ yếu, và tham dẫn đạo gia, Mặc-gia nên phần lớn dẫn văn trong Lục tịch, bao hàm các việc cổ kim *MUÔN VẬT TRONG LỜI DẪI*. Từ đời Hán về sau, chỉ có Cao-Dụ chú giải, huấn hồ giản chất và biên bác bộ sách này.

Tứ Khố toàn thư sắp bộ *Lã-thị Xuân-thu* vào loại *Tạp gia* của *Tử-bộ*. Hiện nay, tại Thư-viện Quốc-gia có bộ *Lã-thị Xuân-thu*, in chung cùng với mấy bộ khác trong cuốn *Tử bộ* của *Tứ-bộ bị-yếu* (Thượng-hải, Trung-hoa thư cuộc cứ Bình-Tân-quán hiệu san).

Nhân tiện, xin đính chính lời chú thích của ông bạn Tam-Ích ở trên : « nghĩa là cứ mỗi chữ sửa được là một ngàn, hai chữ hai ngàn... » Nguyên câu Hán-văn là : « bổ (hoặc bợc) Hàm-dương thị môn, huyền thiên kim kỳ thượng, diên chư hầu du sĩ tân khách hữu năng tăng tồn nhất tự giả dĩ thiên kim » (bày (bộ sách) nơi cửa thành Hàm-dương, treo ngàn vàng trên ấy, mời các chư hầu du sĩ tân khách ai có thể thêm bớt một chữ thì trao tặng ngàn vàng ấy). Ý nói, hễ ai có thể sửa được, dầu chỉ thêm hay bớt một chữ thì được lãnh ngàn vàng, treo trên bộ sách, chớ chẳng phải « cứ mỗi chữ sửa được là một ngàn, hai chữ hai ngàn... »

HỎI :

b) Xin cho biết một số sự kiện về bộ Tứ-khố toàn-thư của văn học Trung-hoa.

TRẢ LỜI :

Về bộ *Tứ-khố toàn thư*, xin chép ra đây bài « *Lịch-sử một pho sách khổng lồ trên thế giới* » của VIÊN-GIÀ trích dịch theo *Trung-quốc văn-học-sử* của Hồ-Hoài-Thâm, đăng trong *Đại-Việt tạp-chí*, số 3, ngày 1-II-1942, tr. 35-37.

« ... Bộ sách này làm về đời Càn-long nhà Thanh, sách vở xưa nay, gom góp hầu hết. Trọn bộ kê có 36.275 cuốn, chép ra gồm 7 bộ, dùng 1.500 người viết, trải 13 năm mới cáo thành.

« Hiện nay, trong 7 bộ đó, chỉ còn có 3 bộ rưỡi, gần đây lại chia tặng cho nước Pháp một bộ ; thế là trong toàn thế giới còn có ba bộ rưỡi, mà ở nước Tàu chỉ còn hai bộ rưỡi mà thôi. Giá trị của bộ sách ấy quý đến bậc nào, tưởng ai nấy cũng đã biết. Nay xin thuật đại lược nội dung ra sau này :

1) *Số trang*.— Nội dung chia ra làm *Kinh*, *Sử*, *Tử*, *Tập* bốn loại, gồm có 36.275 cuốn, 2.290.096 trang, đóng vào 6.144 hòm.

2) *Số bộ*.— Loại sách chép giống nhau, 4 bộ viết trước, sau viết thêm 3 bộ, cộng thành 7 bộ.

3) *Người biên tập*.— Vua Càn-Long nhà Thanh sai Kỷ-Duân làm Tổng-toán soạn bộ sách ấy.

4) *Người dâng tấu*.— Tất cả 7 bộ đều chép bằng tay, dùng 1.500 người viết, kể đến 9 năm mới xong. Trọn 7 bộ sách, chữ viết tốt và ngay ngắn, không có chỗ nào lầm lỗi sai sót hết. Sau khi sách viết xong, những người sao tấu đều được bổ ra làm tri huyện, đề đền công khó nhọc.

5) *Thời gian làm sách*.— Kể từ bắt đầu sưu tập cho đến khi cáo thành, trải một thời gian lâu đến 13 năm.

6) *Chỗ để sách*.— Bốn bộ xong trước, làm ra bốn cái các đề chứa :

a) Các Văn-Uyên ở trong cung Bắc-kinh ;

b) Các Văn-Nguyên ở vườn Viên-Minh, Bắc-kinh ;

- c) Các Văn-Tân ở Nhiệt-hà ;
- d) Các Văn-Tổ ở Phụng-thiên.

Sau tục thêm ba bộ, lại làm riêng ba các chứa sách nữa.

- a) Các Văn-Hối ở Đại-quan-đường, Dương-châu ;
- b) Các Văn-Tôn ở Kim-sơn-tự, Trấn-giang ;
- c) Các Văn-Lan ở Tây-hồ, Hàng-châu.

7) *Sách bị tan mất sau những cơn loạn lạc.* — Trọn bộ sách ở vườn Viên-Minh bị hủy vào hồi Anh-Pháp liên-quân (18-10-1860) ; hai bộ ở Dương-châu và Trấn-giang bị hủy vào hồi cuộc loạn hai họ Hồng, Dương ; còn bộ ở Hàng-châu thì trong khi cuộc loạn Hồng, Dương, bị mất hết hơn nửa ; sau khi loạn yên, người ở Hàng-châu là Đinh-tùng-Sanh tìm tòi sách sót, chỉ còn có hai phần **ba, tức là nửa bộ như trên đã nói** : cho nên ngày nay còn lại chỉ có 3 bộ ở Bắc-kinh, Phụng-thiên, Nhiệt-hà, và nửa bộ ở Hàng-châu mà thôi. Có một lúc, vị quan trưởng Đồ-thư-quán ở Hàng-châu là Lưu-Tuân muốn phái người đến Bắc-kinh, để sao bổ những sách tan mất, cho được trọn bộ, nhưng vì hội nghị ở tỉnh Chiết-giang bác bỏ, nên công việc, lại phải ngưng.

8) *Sách tặng nước Pháp.* — Dân-quốc năm thứ Chín (1921) quan Tổng-lý nước Pháp trước là ông Painlevé, qua chơi nước Tàu, thay mặt cho trường Đại-học ở Paris xin chánh phủ Tàu được một bộ. Người Nhật-bồn và các học giả ở các nước khác cũng đều muốn có một bộ nhưng chưa thể được.

9) *Công cuộc ấn loát khó khăn.* — Chánh phủ Trung-hoa Dân-quốc nghĩ bộ sách ấy quý giá như vậy, nên định in ra 200 bộ để làm kế bảo tồn và lưu hành. Ngày một tháng Mười năm thứ Chín, ông Tổng-thống ra lệnh cho Châu-khai-Kiểm làm tổng tài về việc coi in bộ *Tứ-khố toàn-thư*. Dự định in thành 200 bộ, phải trải qua một thời kỳ từ năm năm đến mười năm ; nhưng hiện thời bấy giờ giấy trong toàn nước Tàu không đủ để mà in. Lúc ấy, có mời Trương-cúc-Sanh là Tổng-lý Thường-vụ Ấn-thư-quán ở Thượng-hải, vào kinh thương nghị việc đó, nhưng Trương nghĩ việc ấy lớn lao quá, thư-quán ông không thể đảm nhiệm nổi...

10) *Tổng mục đề yếu.* — Trong khi biên soạn bộ sách ấy, Kỷ-Duân lại có biên thành *Tứ-khố toàn-thư tổng-mục đề-yếu* 200 cuốn, *Tứ-khố toàn-thư giản-minh mục-lục* 20 cuốn, đều có bản khắc và bản khắc lại. Càn-long năm thứ 58, Hồ-Kiểu ở Đông-thành lại

khắc 10 quyển *Tứ-khố toàn-thư* phụ-tồn mục-lục mà họ đã biên được, nhưng chép tên sách và tên người soạn thuật, chớ không có đề yếu. Đến Đồng-trị năm thứ Chín, Văn-Lương ở Phi-Mạc lại khắc 20 quyển *Tứ-khố toàn-thư* mục-lục mà họ cũng đã biên được.

11) *Những sách chưa gom hết* — Sau khi *Tứ khố toàn thư* cáo thành rồi. Nguyễn-Nguyên lại tìm thêm được những thứ sách mà *Tứ-khố toàn-thư* chưa gom hết có đến 173 thứ; phỏng theo Kỷ-Duân làm ra 5 cuốn đề yếu, đề tên là *Nghiên kinh đường ngoại tập*, san vào trong tập *Văn tuyền lâu*. Đến hồi Quang-Tự, Phó-dị-Lễ lại sửa soạn lại, biên làm 4 cuốn, đổi tên là *Nghiên kinh đường tiến trình thơ lục*, san vào tập *Thất lâm đường hiệu lục vặng hàm*. Ta nên nhớ rằng lúc trào Thanh còn thịnh, lưới bủa làng văn, rất là nghiêm nhặt, phạm những trước tác của di dân nhà Minh, mà hơi có thiệp hiềm nghi, thì hoặc tiêu hủy hẳn, hoặc trích ra mà hủy bỏ. Phạm những thứ đã bị tiêu hủy đó, cố nhiên là không được chép vào *Tứ-khố toàn-thư*; còn những hạng sách về loại ấy mà các tư gia đã giấu được, thì trước hồi Quang-Tự không ai dám đưa ra. Đến cuối đời Quang-Tự, mới lần lần xuất hiện, nhưng mất mát đã không biết bao nhiêu rồi. Đến nay những sách có cung cho ta khảo chứng, chỉ còn có một quyển *Tiêu-hủy trửu-hủy mục-lục*, một quyển *Cấm-thơ mục-lục*, và một quyển *Vi-ngại thơ-mục* là những bản khắc về hồi Càn-Long năm thứ 53, và gần đây cũng có mấy bản mới in lại. (Trích dịch theo "*Trung-quốc văn-học-sử*" của Hồ-hoài-Thâm).

Năm Càn-Long thứ 37 (1772) đời Thanh, vua xuống chiếu lập *Tứ-khố toàn-thư-quán*, truyền chiêu tập các loại thư tịch cồ kim trong xứ. Trải mười năm biên tập, bộ *Tứ-khố Toàn-thư* thứ nhất hoàn thành vào năm Nhâm-dần (1782), Càn-long thứ 47, và tàng trữ tại Văn-Uyên-các trong cung Bắc-kinh. Sách chia làm bốn bộ: *Kinh, Sử, Tử, Tập*, nên gọi là *Tứ Khố* hoặc *Tứ Bộ*, có 3460 chủng, gồm cả thấy được 75.339 quyển.

Sáu bộ sau kế tiếp như đã nói ở trên. Đề kỷ niệm ba mươi năm khai nghiệp Thương-vụ ấn-thư-quán có trình thỉnh chánh phủ (Trung-hoa), mượn bộ *Tứ-khố toàn-thư* tại Văn-Uyên-các để ảnh ấn. Trong số các thư tịch ấy, đã lựa chọn những văn phẩm thiết thực và ảnh ấn thành bộ *Tứ-khố toàn-thư trân-bản sơ-tập* gồm 231 chủng, 1960 cuốn sách cỡ 20 x 13. Bộ sơ tập này (231 chủng) mới chỉ là 1/15 của toàn bộ *Tứ-khố toàn-thư*, nên không có bộ *Lã-thị Xuân-thu*.

LÊ NGỌC-TRỤ

đọc sách mới

tượng đá sườn non | tác - giả : Y - UYÊN
| người đọc : NG. MẠNH-CÓN

Tác phẩm của Y-Uyên do Thời-mới xuất bản, dày 150 trang, bìa in ba màu trên giấy croquis trắng. Sách in sạch và đẹp, nhưng hơi có nhiều lỗi typo. Giá đề 52 đồng.

TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON là một tập truyện, « truyện » không thôi, không ngắn, không dài, như được xác định ngay ở ngoài bìa. Không phải truyện dài, vì toàn tập gồm khoảng 130 trang bài, mà có đến 4 nhan đề : Người đã lên tàu, Miền không vết chân người, Tiếng hát của người gác cầu, Tượng đá sườn non.

Nhưng có lẽ cũng không phải là những truyện ngắn, nếu, theo định nghĩa thông thường, một truyện ngắn bao giờ cũng có một cốt truyện cô đúc — một thứ động tác chính vượt lên và bao trùm mọi động tác phụ — nhằm mục đích « nói lên » hoặc một tư tưởng, một thái độ nào đó của người-viết-đứng-trước-cuộc-sống.

Một vài bạn đọc đề nghị gọi chúng là hồi ký hay phóng sự, bởi sau khi đọc xong cuốn sách, rồi nhớ lại những cảm tưởng đã có ngay từ lúc bắt đầu, người ta có thể tin rằng tác giả viết đúng theo những cảnh ngộ có thật. Nhưng cũng không phải : sự thật, dù quả nhiên « có thật », nhưng đã được sắp xếp và tô điểm, để trở thành một khu vực không gian và thời gian có ước định, đồng thời

sự hiện diện của các nhân vật đã được trình bày một cách có lớp lang, thứ tự, thì sự thật ấy đã thuộc vào loại sự thật được « sáng tạo » bởi nhà nghệ sĩ.

Người ta có thể mất nhiều thì giờ cho một chi tiết nhỏ. Vậy tốt hơn hết là, một lần nữa, mượn chữ của bạn đồng nghiệp của chúng tôi, Nguyễn-sỹ-Tế, chúng ta tạm gọi **TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON** là một tập tuyển văn chương, gồm bốn đoản tác.



Đoản tác thứ nhất, *Người đã lên tàu*, kể truyện về Giảng, một nhân vật chắc chắn còn trẻ, chắc chắn có học xong chương trình tú tài, vì Giảng ở một lỵ trấn nhỏ, bỗng nhiên có tinh thần và khả năng tham dự, có vẻ như rất dễ dàng, vào một trại Hè công tác của anh em sinh viên. Giảng có lẽ đã tìm đến, đã bày tỏ thiện chí, rồi được công cử giữ một nhiệm vụ vừa nặng nhọc, vừa quan trọng : giữ kho tàng phẩm, giữ việc phân phát tặng phẩm cho dân chúng. Giảng đã nhận một vai trò mà anh Tư, người gợi ý cho anh tham gia công tác. Anh Tư là một người nghèo. Anh tư coi như có công giới thiệu cho Giảng một công việc quan trọng. Anh tưởng mình đáng được « giúp đỡ » một phần tặng phẩm nào đó.

Nhưng Giảng không đồng ý. Giảng, như hầu hết những người có học và trẻ tuổi khác, muốn làm tròn bổn phận một cách ngay thẳng. Hầu hết những người đó vẫn tưởng họ chỉ cần có thiện chí. Một vài người sáng suốt còn biết họ cần có can đảm, để chống lại sự quyến rũ của tiền bạc, lợi lộc. Họ không ngờ, như Giảng không ngờ, rằng việc đời có thể phức tạp đến độ làm lung lay được những tâm hồn nhiều thiện chí nhất.

Như trường hợp của Giảng, mới bắt tay vào việc đã gặp phải lời cầu xin của anh Tư : tôi nghèo quá, vợ con cực khổ, và cũng tản cư và không kém cực khổ đồng bào ở địa phương. Nhưng kết quả, Giảng chỉ được phép đưa tặng phẩm cho những người được chính quyền sở tại chọn lựa. Đó là thế cờ đầu tiên Giảng không giải được trong những thế cờ dồn dập vẫn ...

cờ đi từ cầu xin đến đánh cắp, đến đánh cướp. Mà không phải những người làm bấy bao giờ cũng là những người có tội. Cô Oanh chọn trong đồng tặng phẩm, nhặt riêng ra một vài manh áo nhỏ, một đôi vớ đeo lưng lẳng những quả len tròn trĩnh, một cái bao tay đựng đủ loại cúc màu... Giăng không chịu. Oanh thành thật: *Em ngờ đi trại ít ra cũng kiếm được cái áo về cho cháu bé...* (tr. 28). Một trại sinh lấy một cái cà-vạt vắt lên vai. Giăng không chịu. Anh ta bướng bỉnh: *Dân quê đâu có biết thắt cà-vạt?* (tr. 27). Một ông già lăn khóc trên mặt đất, kêu rống lên: *Tôi tản cư, con chết, vợ chết, bệnh tật đói khổ, sao không cho tôi gạo?* (tr. 33).

Giăng bức quá. Nỗi bất lực dần dần cô đặc trên mặt Giăng sự chài sạn. Giăng không còn thì giờ hơi sức đề từ chối một cách khéo léo những cầu xin nài nỉ. Đầu tóc, mặt mũi Giăng thường xuyên bết bết cám, bột bắp, quần áo Giăng mang mùi ẩm mốc của bao bố đựng gạo. Giăng làm việc và thấy mình cô đơn lạ lùng (tr. 19). Đến nỗi Giăng phải xin nghỉ. Giăng nhất định nghỉ, anh em giữ không được, đành yêu cầu Giăng làm thêm một buổi để giúp người đến thay làm quen với công việc. Giăng nhận lời, đề thôi không nghỉ đến rút lui nữa. Vì ngay sáng hôm sau có một vụ đồng bào xông vào trại, **ĐỒNG BÀO CƯỚP KHO.** Mọi người lo bảo vệ trại. Riêng Oanh đề người lên đồng quần áo trên mặt bàn, nửa như từ ngực nhìn xuống sân, nửa như cương quyết gìn giữ. Giăng hiểu Oanh hơn bao giờ. Lúc này Oanh không còn là người nhập trại với mục đích kiếm manh áo cho con (tr. 43).

Giăng, cảm động vì tinh thần trách nhiệm của cộng đồng trước biến cố, nhất định ở lại. Tác giả không cho biết đã thông cảm sự nghèo đói đến mức độ nào, và linh hội được tầm ảnh hưởng của sự cực khổ vật chất vào tâm hồn con người đến mức độ nào. Nhưng hình ảnh sau cùng của đoạn tác là hình ảnh của Giăng « cúi xuống, giăng từng búa liên tiếp trên vòng đai » (tr. 46) của một thùng đựng dầu sà-lách. Người đọc có cảm tưởng tác giả muốn dùng hình ảnh ấy như một biểu tượng: những nhát búa phá vòng đai là những cố gắng liên tiếp của chàng thanh niên — của tuổi trẻ có học thức — nhằm phá cái vòng đai đói rét và ngu dốt nó vây quanh và xiết chặt đời sống của đồng bào.

Không phải người đọc đọc không kỹ, hay thiếu thiện chí tìm hiểu những tư tưởng mà bạn đồng nghiệp của hắn gửi vào ba đoản tác tiếp theo. Người đọc thật ra đã cố gắng đến làm quá những việc mà nhiệm vụ giới thiệu cho phép hắn làm. Người đọc đã có đến sự mừng rỡ tưởng rằng nếu đoản tác *Người đã lên tàu* được đặt xuống cuối cuốn sách, hoặc giả nó được chọn để đặt tên chung cho tác phẩm, thì rất có thể tác giả đã đi theo con đường của một người đang sống, đang tìm hiểu, và đang xây dựng một hướng đi — hướng đi của Giảng — sau rất nhiều băn khoăn, thắc mắc, hoài nghi và bối rối đến cái độ « ỳ » ra, như thầy giáo Ninh trong *Tượng đá sườn non*.

Vì, thật thế, hoàn cảnh được trình bày trong *Tượng đá sườn non* cũng như trong *Miền không vết chân người* và *Tiếng hát của người gác cầu* thuộc vào loại hoàn cảnh hết sức tầm thường, vì xảy ra hàng ngày cho bất cứ ai, ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ của một miền Nam bị đầy đọa vì chiến tranh. Nhưng hoàn cảnh lại cũng hết sức phi lý, vì chứa đựng đầy mâu thuẫn, luôn luôn đè nặng lên đời sống của những người trong cuộc, và luôn luôn hóa giải tất cả những cố gắng suy tư, phản ứng trong tâm hồn tuyệt vọng của họ.

Đó là trường hợp của cô Kiều, con một gia đình chạy loạn ra khỏi đô thành Huế, về ở vùng quê, lấy chồng nông dân, sống cuộc đời nghèo khổ của người thợ dệt : hai vợ chồng lo sao cho chiếc giường không kêu « rắc rắc » như chiếc giường của vợ chồng Hai Bát kê ngay bên cạnh. Đó là trường hợp của anh Phon, vào nghĩa quân gác cây cầu bắc qua con sông có nước lũ, có những con vật chết đuối mà thịt còu ăn được. Phon không nghĩ gì, không biết tại anh không có đủ thông minh hay cuộc đời vô vọng của anh không có gì đáng nghĩ. Phon nhìn theo đoàn xe chạy qua cầu, nhìn chiếc bảng cấm ở đầu cầu xoay mặt đi, xoay mặt lại. Người nghèo thể chỉ nghĩ đến ăn. Nhưng ngoài việc theo dõi xác con bò trôi sông, Phon còn có thói quen hát những bài hát mà anh học được của người bạn, người bạn đã chết tên là Xanh. Phon nhớ và hát một cách thân nhiên, không suy nghĩ, cũng như anh nhớ một cảnh tượng xảy ra hôm Xanh chết. Vẫn cảnh tượng ấy, vẫn mấy người đồng

đội, nhưng tại sao Phon không thấy mình ngồi đánh chén với anh em — như sự kiện đã xảy ra — mà lại thấy những người đó nói về mình như mình đã chết theo thằng Xanh. Phon không hiểu tại sao lại thế, vì Phon nghèo và dốt. Nhưng tác giả đã trình bày : Ở quận tuy ít thông thả nhưng vui hơn, dễ kiếm đồ nhậu ngon lành hơn. Phon đành tin tui nó như vẫn tin tất cả những bất ngờ lúc nào cũng có thể xảy ra không may cho mình. Phon bất giác cất tiếng ca : Cúc-Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyên đài người dương thế...

Sau cùng, tuy họ đỡ nghèo khổ hơn, mấy thầy giáo Ninh, Điền, Hồng, và cô giáo Thiều cũng chẳng được làm chủ cuộc đời của họ hơn Xanh, Phon, hay Kiều. Dạy học, máy móc. Hạp hành, máy móc. Thậm chí Ninh quyết định đến ngủ với Vân cũng máy móc. In hết Vân có mấy đứa con với mấy ông chồng bị thời bặt đi tha phương vì chiến tranh, mà không đặt được trách nhiệm vào bất cứ đâu để giành lấy một chút quyền oán trách.

Hình ảnh nơi cuối tác phẩm cho người ta thấy thầy giáo Ninh, là người dù sao cũng còn nhận xét và suy tư nhiều hơn cả, thầy giáo Ninh cũng sắp chìm vào trạng thái phi lý, thê thảm nhưng không đau buồn, trong một thứ tâm hồn trống rỗng. Ninh châm một điếu thuốc, tự nhủ : Không khéo lại phải trình xã, lại lập biên bản (tr. 149). Biên bản về việc gì. Về cái đầu của thầy không phải của thầy, mà của cha trò Sanh (tr. 149), về cái lô-cốt không biết ai xây mà tự nhiên xuất hiện nơi sân trường, về việc treo cờ và chào cờ thế nào cho hợp ý xã đồng thời cũng không mất lòng dân chúng ở dưới làng, hay về việc thầy giáo Ninh đã quyết định buổi tối hôm ấy sẽ mò đến nhà cô giáo Vân. Sự thật thế nào, nguyên nhân ra sao, nội dung đích thực là gì, có lẽ chẳng ai cần biết nữa. Là những giáo chức, họ đã bị gạt ra đến hòn đảo này, thì dù cho ông tỉnh trưởng có giận dữ hữu lý hay vô lý đến đâu, họ cũng không còn nơi nào để đi xa hơn được. Con đường cùng của những tâm hồn không tìm thấy ánh phản chiếu của chúng...

Không biết tác giả có ý nghĩ nào tương tự như thế hay không. Người đọc không có phương tiện nào để phối kiểm giả thuyết của hẳn. Cho nên để bất luận...

minh bạch, hẳn nhận thấy ít ra trong cả một bài dài đến hai nghìn chữ cũng cần phải có một lời quả quyết, để nói lên một nhận định chân xác. Nhận định đó là Y-Uyên có một ngòi bút thật hồn nhiên, giản dị. Hơn một trăm trang sáng tác không để lại cho người đọc một chút cảm tưởng nào rằng anh làm dáng, hay chẻ sợi tóc làm tư để luận triết về thời thế. Y-Uyên còn viết rất quyến rũ : đọc anh, người ta có đầy đủ những xúc động của những nhân vật sống trong đoản tác. Người ta có thể không hiểu các nhân vật ấy nghĩ gì, và có thể không biết chính mình nữa đang nghĩ gì. Sự Sống như dòng sông lũ hay cơn gió lốc, cuốn theo con bò chết, cô giáo Vân, cô Oanh, anh Giảng. Với người đọc, cổ nhiên !

NGUYỄN MẠNH-CÔN

(9 - 8 - LXVI)

ĐÓN ĐỌC :

THẨM KỊCH THỜI ĐẠI

tiểu luận của VŨ ĐÌNH LƯU

Một cách nhìn văn hóa, văn học và văn nghệ dưới nhãn quan của một người Đông - phương.

Sẽ phát hành vào cuối tháng 8, 1966

nhà xuất bản AN - TIỆM



THƠ ĐEN, THƠ CHÌ

Nghe bác nói Thơ Đen bán hết
 (Tiệc mừng chưa mở hết bà con)
 Vira rồi bác lại tuyên ngôn
 Thơ in mười cuốn vẫn còn chất thơ
 Ủa chất đặng lãi lờ quá nhỉ?
 Tưởng Thơ Đen bán ký từ khuya?
 Ung dung chú Coổng đem về
 Đại danh Tú-Kếu vừa hè bán « son »
 Trái mưa nắng gáy sồn bìa rách
 Khách hững hờ cầm sách coi chơi
 Té ra thu vốn thêm lời
 Chất đen đến chú con Trời cũng chê

Minh thuộc loại đầu thuê, khen mướn
 Thấy bác hay khen phươn như điều
 Phong trần đương thiếu xu tiêu
 Bán thơ có nhớ bạn nghèo khen thơ?

XUÂN - HIỂN

(Trong xóm ngoài làng)

Giới thiệu Sách mới



Tòa soạn **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc:

✱ **TÌM HIỂU CHUNG THỦY**, biên khảo của Nguyễn Bé do Trường-Văn xuất bản. Sách dày 176 trang, bản đặc biệt, không ghi giá.

Tác phẩm trình bày quan điểm: « lẽ sống tương lai của nhân loại phải dựa trên những đức tính căn bản của con người — mà đức tính căn bản nhất là Chung Thủy ».

● **LÊN « HEO » XUỐNG CHÓ**, hồi ký của Hoàng Xuân Việt, do Nhân Xã xuất bản. Sách dày 164 trang, giá 62 đồng.

Tập hồi ký viết trong lao thất, của ông Hoàng Xuân Việt, soạn giả bốn chục cuốn sách thuộc loại « Học Làm Người ».

✱ **ĐỒNG NAI VĂN TẬP**, Nhóm Đồng - Nai xuất bản. Tập 6 : 140 trang, giá 24 đồng.

Biên khảo, sưu tầm văn - liệu, dịch sách và phê bình.

dài của Ngọc-Linh do Phù-Sa xuất bản. Sách dày 300 trang, giá 80 đồng.

Tác phẩm thứ mười hai của Ngọc-Linh là một truyện dài được xây dựng bằng chất liệu là chính cuộc đời của tác giả. Đây cũng là tác phẩm mới nhất mà Ngọc - Linh lấy làm ưng ý.

✱ **THẮNG VŨ**, truyện dài của Duyên Anh, do Búp - bê tái bản. Sách dày 190 trang, giá 70 đồng.

Truyện viết về tuổi trẻ mà, theo lời giới thiệu của nhà văn Nguyễn Mạnh-Côn, « đã thành công ở chỗ rất nhiều người thất bại. » Bản in lần thứ hai, trình bày trang nhã.

● **TRUYỆN TÌNH NHỎ**, truyện của Trần-văn Sơn do Tác-giả xuất bản, Sách dày 124 trang, giá 25 đồng.

Tập truyện đầu tay của Trần-văn Sơn gồm 9 đoản thiên viết về sinh hoạt tại tỉnh nhỏ Kontum.

THƯ ĐÌ *Trên tay*

✱ Quý bạn gửi bài và thư :

Để tránh thất lạc, mong quý bạn, nhất là từ miền Trung và Cao-nguyên, gửi thư và bài về tòa soạn **VĂN** bằng máy bay. Bạn nào yêu cầu trả lời bằng thư riêng, xin nhớ

● bạn Lê Thanh Sơn, Sài-gòn.

Nên bắt chước Churchill : đọc bất cứ cái gì có thể đọc được, vì nếu không có lợi ngay thì rồi sẽ có ngày có lợi.

✱ bạn Nhật-Định, Kiến-hòa.

1) Văn từ 1 đến 30, thiếu mất 4 số : 3, 14, 17 và 29. « Bay Đêm » và « Mười nhà văn... » đều đã hết.
2) « Bề mặt và bề trái » chưa in.

● bạn Nguyễn Công Khanh, Kbc. 4935.

Văn số 25, kỷ niệm A. Camus, giá 35 đồng (cả cước phí).

✱ bạn Nguyễn Quang Điền, Huế.

1) Văn số 44, 48 và 53, giá 60 đồng, cả cước phí. 2) Xin viết hỏi thẳng báo Văn - Học.

● cô Trịnh Thủy Mai, Sài-gòn.

1) Chân thành cảm ơn mỹ ý của cô. 2) Xin viết thẳng cho nhà xuất bản đó thì hơn. 3) Mỗi mục có một số trang riêng của nó. 4) Không thể vì một số độc giả mà bắt tất cả phải chịu chung phí khoản đó.

✱ bạn Mạc Tử Huyền, Phong dinh.

Chúc bạn một chuyến viễn du tốt đẹp và học hỏi được nhiều.

● ô. T. Minh - Thành, Huế.

1) Có chứ. Tại sao không ? Với điều kiện : có giá trị văn chương
2) Thanh - Tâm - Tuyền tên thật là Dzu-văn Tâm.

✱ bạn Đèo-văn Trấn, Sài-gòn.

Có đăng tác phẩm của những cây bút trẻ trong loại sách phổ thông, nếu như họ viết hay. Không những « có nhận đăng » mà còn « mong » được có đề đăng nữa là khác. Bạn có gì không ?

● bạn Hồ Phú Trường, Tam-kỳ.

Văn từ 5 đến 25, thiếu 2 số 14 và 17. 18 số còn lại, giá 200 đồng, cộng 80 đồng cước phí. Muốn mua, gửi bưu phiếu 280 đồng.

✱ bạn M. P. Trần, Đà - nẵng.

1) « Làm thân con gái » chưa in. 2) Viết hỏi nhà sách Khai - Tri.

● Một độc giả ở Sài - gòn.

1) Ở đây, TLVĐ không còn ai.
2) Đến nhà sách Khai - Tri có đầy đủ các sách cũ của TLVĐ.

✱ em Lê Minh Cầm, Cái - bè.

Cảm động khi đọc thư em, nhưng tiếc không giúp em được gì cả.

● bạn Nguyễn Miên, Huế.

Văn 1, 11, 12, 19, 20 và 36 còn. 60 đồng báo và 20 đồng cước phí.

✱ bạn Mị - châu Lê - huyền.

Buzzati người Ý. Updike xem Văn số 65. Mấy người kia, xem trong tư vị Larousse.

● cô Trần-thị Uyển-nhi, Phú - Mỹ.

Rất xúc động. Mong cô cho biết địa chỉ để chúng tôi tới thăm thì tiện hơn

★ em Nhất-Định, Bình-đại.

SMVNHĐ và CDNT giá 70 đồng, cả cước phí.

CẦN MUA SÁCH BÁO CŨ :

Tòa soạn Văn hiện đang cần dùng những sách báo sau :

1) Truyện *Cô gái xóm nghèo* của Phan Du.

2) Tập san Văn-Hữu số 12 (cần 2 cuốn).

Quý bạn nào dư dùng, xin vui lòng nhượng lại, chúng tôi rất đổi cảm ơn.

CÁO LỖI :

Vì tác giả đi xa vừa về tới lại bị đau bệnh nên chúng tôi buộc lòng phải gác lại thêm một kỳ truyện dài « Ung-thư ».

Phần khác, vì dịch giả « *Viết là gì ?* » bị đau bất ngờ nên phải tạm gác lại một kỳ.

Xin chân thành cáo lỗi cùng toàn thể bạn đọc.

ĐÍNH CHÍNH QUAN TRỌNG:

Vì lý do kỹ thuật, có một số nhỏ ấn bản cuốn *CHÂN DUNG NÀNG THƠ* (VĂN xuất bản 7/66), nơi trang cuối (138) trên đầu trang bị thiếu mất 3 hàng.

Vậy quý bạn nào lỡ mua nhầm bản in đó, xin thêm vào :

Cô Spinney chẳng nói năng gì. Cô nhìn tôi như thể là cô vừa khóc.

Chính bác Gus đã trao cho tôi một mẫu báo cắt nhỏ.

Có một số những cuốn khác, nơi cuối trang 137, lại in dư ba hàng kẻ trên. Vậy mong quý bạn bôi bỏ giùm mấy hàng in dư đó, và xin coi như có một khoảng trắng nhỏ để phân đoạn sau dòng thứ hai-mười-mốt (đếm từ trên xuống) nơi trang 137.

Chân thành cáo lỗi cùng quý bạn.

NHẮN TIN RIÊNG :

★ Nhà văn NGUYỄN TRIỆU-NAM.

Mong anh liên lạc với tòa soạn VĂN có chút việc cần.

CẦN MUA LẠI BÁO CŨ :

Ty trị sự Văn cần mua lại nhiều báo Văn số 3, số 14, số 17 và số 29, theo đúng giá bán. Bạn đọc dư dùng mà không muốn bán lại, có thể đổi 1 tập VĂN số 3 hoặc 2 trong 3 tập 14-17-29 lấy một cuốn sách *Người Dao-phủ thành Đại-la*. Ở Sài-gòn, xin liên lạc thẳng với tòa báo. Ở xa, gửi nhà bưu điện.

● THƠ VĂN ĐÃ CHỌN :

Ban Tuyên đọc Tác-phẩm VĂN đã chọn những tác phẩm sau đây và giao cho tòa soạn lựa đăng dần :

Một ngày tháng bảy của người mẹ, Đoàn Thương Hải. Cõi trần gian, Vườn địa đàng, Tiếng động hoàng hôn, Khi anh đi, Phận ngủ ngày, Phạm Nhã Uyên (5 bài).

Trong khi chờ đợi VĂN đăng tải, yêu cầu quý bạn đừng gửi những tác phẩm kể trên cho các báo khác. Trân trọng cảm ơn.



* BÀI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC

* Văn :

Quý bạn : Phạm Giang. N - D - A. Vương Thừa Sang. Liên An (fb). Lê Minh Cầm. Nguyễn Lăn Viêm (fb).

* Thơ :

Quý bạn : Hàn Thanh. Chinh Khách Đỗ Bảo. Mạc Tử Huyền. Tố Ngân. Ngọc Nữ. Hoài Quảng. Thy Trần. Quang. H - N - M. Thương - hoài Nguyên - chu. Thương - Dzuy. My-châu Lệ-huyền (2). Hoàng - thị Yến. Nhật Định. Trần Bản Thiềm. Đa Diệu. Ly Tao. Châu - văn Minh. Lê Lan Chi. Tố Ngân. Tuan Đan. Triều-sương Dạ-lữ. Hoài-nhân Chinh - tử. Đặng Quang Tâm. Dã-trấn Huy-lam. Lâm-minh Như - nguyệt. Thuận Lê Ngọc. Tư - hương Phong - Dza. Thi Hùng Ca. Ca-thy Dạ-nguyệt. Nguyên Linh. Ngân Hoài Linh. Thanh Dũng.

Tường Khanh. Kha Anh. X.S (dịch). Đồng Nội. Văn Hải. Hồ Phú Trường. Miền biển yên. Vĩnh Thanh Vân. Huỳnh-thị Xuân. Thương Nhật Huyền. Tuyết. Trần - trọng Hoài-phương. Trần Phước Kỳ. Trương Việt Nhân. K-Ngọc. Hải - điều Sangàn. Trần-thế Thủy-triều. Trầm-Kha. Thủy - Giao. Từ Hoài Tấn (2). Dương Ngọc. Trinh Huyền Châu. Ngô Nguyên Nghiễm. Nguyễn Hàn Quang. Trần Ngọc Khanh. Mặt trời cô đơn. Huy Thanh. Đoàn Thương Hải (2). Lê Xuân Liên. Chu Kha Uyên. Thái Thảo Uyên. Phan Bích Dy. Nguyên-vinh Hàn Tấn Quãng(3). Trần Tịnh Yên. Y - sâm Mặc-trâm-ca. Thành-Văn. S-L. Thân Sơn Hà. Trần Y Liên. Lê - văn Phỉ. Bạch Giang. Nguyễn Thanh Xuân. Yên Giang. Lưu Vân (2). Nguyễn Nhật Nam. Mặc Huyền Thương. Mường Mán. Lê Thanh Xuân (cho biết địa chỉ ?). Đèo-văn Trấn. Đa Đa. Trần-văn Giai.

— Ban tuyển đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

SÁCH HAY • IN ĐẸP • GIÁ RẺ

ĐÃ PHÁT HÀNH

7/66

chân dung nàng thơ

TRUYỆN ROBERT NATHAN

HOÀNG UNG & TRẦN PHONG-GIAO dịch

ĐÓN COI

8/66

p h â n đ â u

TRUYỆN DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

TẬP - SAN



XUẤT-BẢN